

80
INDO-CHINOIS
1239

ĐẠO LÝ TRỰC LUẬN

DEPT. LÉGISL.
INDOCHINE
N^o 12503

Thò' Trời Tu Phật

"Tịnh-Độ Pháp-Văn" và "Bổn-Hạnh Ngọc-Đế"

Nam-Mô A-Di-Đà-Phật

XIN NHỚ BA VÍA LỚN:

1. Mừng chín tháng giêng: Vía Đức-Chúa-Trời (Ngọc-Hoàng-Thượng-Đế)
2. Mười bảy tháng mười một: Vía Đức-Chúa-Phật (A-Di-Đà-Phật)
3. Mừng tám tháng mười: Vía Niết-Bàng (Đức-Phật-Tổ Thích-Ca)

Làm người ở đời phải biết trên có Trời Phật thì là đủ.
Và nếu biết kính trọng ba ngày vía này hơn hết, thì cũng
như kính trọng đủ mấy ngày vía cả trong năm.

Tác-giả viết quyển này bằng phần xác, chứ không phải
bằng phần trí. Ấy vậy ai tin chịu thì làm theo lời nói, đừng
làm theo người làm.

Cet ouvrage est écrit de ma main, et non par mon esprit ;
donc, méditez ce qui est écrit mais ne vous préoccupez pas
de qui l'a écrit.

TÁC GIẢ: Nguyễn-kim-Muôn tự là Môn-Quan
Pháp-danh Giai-Minh Cư-Sĩ, đạo-hiệu là Quan-Tự Đạo-Nhơn
MEMBRE DE LA SOCIÉTÉ THÉOSOPHIQUE
(Thơ-toán hảng Đông-Pháp Ngân-Hàng, Saigon)



IN TẠI NHÀ IN XƯA-NAY
60-64, Boulevard Bonard, SAIGON
1929

80 Indoch.

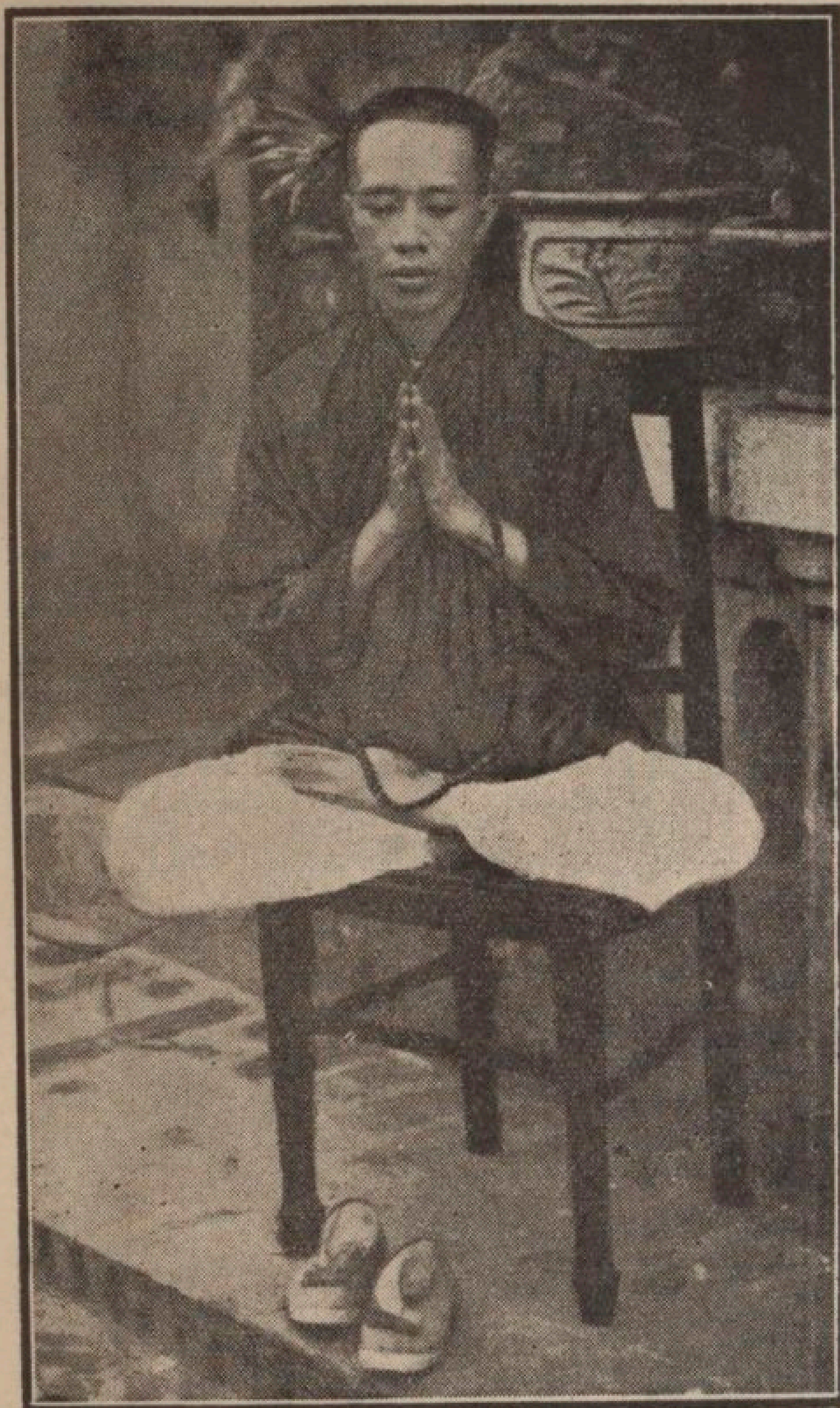
1239



1239

1879

— ✧ ĐẠO PHẬT TỊNH ĐỘ PHÁP VĂN ✧ —



Nguyễn-Kim-Muôn

(PHÁP-DANH GIAI-MINH CƯ-SĨ :- ĐẠO-HIỆU QUAN-TỰ-ĐẠO-NHƠN)

Giải-nghĩa ba bậc tu: Thứ nhứt: Cư-sĩ, là tu ở nhà, vợ con như thường, tụng kinh niệm Phật, ăn chay kỳ, hoặc chay trường.

Thứ nhì: Đạo nhơn, là tu luyện, tuyệt dục, tịch cốc, tròn đủ tứ thời, tụng kinh vô tự.

Thứ ba: Đạo-sư, là ly gia cắt ái, không ở trần gian, công phu luyện kỹ, ẩn chứng rõ ràng.



DEPOT LEGAL
INDOCHINE
No 1100



Nguyễn-Kim-Muôn

(PHÁP-DANH GIẢI-NHỊN CƯ-SĨ - BẠO-HIỆU QUẢN-TỰ-ĐẠO-KHOA)

Giải-nghĩa ba bậc tu: Thứ nhất: CƯ-SĨ là tu ở nhà, vợ con như
thường, tụng kinh niệm Phật, ăn chay kỳ, hoặc chay trường.
Thứ nhì: BẠO-NHỌA là tu luyện, tuyệt dục, lịch cỡ, trốn đủ từ
thời, tụng kinh vô tự.
Thứ ba: BẠO-SU là lý gia cắt ái, không ở trần gian, công phu luyện
kỳ, ăn uống tổ tàng.



LỜI TỰA

Vì sao có Quyền này ra đời?

À! có hỏi vậy mới biết tại sao có quyền này ra đời, vì nó không phải là Kinh sách chi, mà cũng không phải rút dịch bởi nơi Kinh Quyền nào, mà cũng không phải chính mình tôi viết ra nữa.

Cúi xin nghe:

Thuở nay tôi dư biết có câu chữ nói: Nhơn thân bất độ hà thân độ, thế cho nên từ ngày phát nguyện tu hành thì chỉ trong thanh tịnh mà tu cho mình, chớ kỳ thật là chưa tỉnh là độ ai, hay là diu đặc ai theo với. Sau khi cái ngày tầm được Pháp-Môn Vô-Vi rồi, thì trong trí đã lập nguyện sáng, tỉnh đoạn trần thế mà xuất gia (nỗi vợ nỗi con, nỗi gia nghiệp đã sắp đặc sáng bài hết), rồi sửa soạn nhập thất, tỉnh hể ra thất thì đi luôn lên Núi Non mà tu luyện.

Tôi được Đạo thì cũng tưởng ông Thầy tôi đó là ông Chơn-Sur mà trong nhiều cuốn kinh hay biểu người ta tầm, nào dè trong lúc nhập thất lại gặp biệt ông Chơn-Sur tự nhiên hiện ra, đem cái Huệ mà gắn vào trí, cái Thần-Hồn tức nhiên khi không mà biết được việc chưa biết, thấy được việc chưa hề thấy (Tây gọi là clairvoyance) Thật là không ngòi bút nào tả cho nên lời được, mà đây cũng do bởi căng-phần của mỗi người, của ai nấy soi nấy thấu. Lời ông Chơn-Sur dạy tôi rằng: Người nợ trần chưa sạch, mà mộng ly gia các ái dặng dàu. Kia chúng sanh vô số, sẽ mong mỗi lời của người thốt ra mà tỉnh ngộ giấc mê, kia một đám dân lành rải rác chia đều cả bốn phương Trời đang ngóng Đạo, ta nay giao cho người một cái gánh, nặng cả đôi quang, người khá tận tâm gánh lấy, chừng nào cất được gánh đầy nhẹ rồi, thì người sẽ có sẵn chỗ xuất gia, mà lại có ngày giờ nữa. Khá y lời. vân . . . vân.

Đó, sau khi ra thất tôi suy nghĩ hoài, gánh gì mà nặng hai đầu, sao mà chưa xuất gia được, cho nên trong lòng có lo mà có buồn. Kế qua bảy tám ngày, thì Thầy tôi vắng-sanh truyền cả tâm-pháp lại cho tôi nối giữ oai-đức Ngài và kế nghiệp mà mở rộng hai cảnh Pháp Môn ra là Tịnh-độ (Hữu-Vi và Vô-Vi) và Bồn-Hạnh (Trời và Phật). Ấy là một đầu gánh nặng.

Một ít lâu nữa, khiến sao có ông tây Bác-Vật (cũng người tu về đại-đạo) tầm đến viếng, đem mục đích của Société Théosophique mà nói ra, hai bên ý hiệp đạo tâm, độ đi độ lại giống hếch, thì tôi mừng cho cái thật là thật, nhơ âu hiệp lại đồng một lý chánh là gốc, có đó có đây mới mở rộng đạo ra. Ấy là hai đầu gánh nặng, (y như lời Chơn-sur nói cái gánh nặng đủ đôi quang).

Thì có phải là một gánh mà gánh hai đầu nặng triệu, một đầu là hai Pháp-môn Trời và Phật, và một đầu thì là Đại-Đạo Théosophie, cũng một cây đòn gánh xỏ đôi quang, Âu nhơ cũng đồng một thể, một cội nguồn, là Chánh-Lý (Vérité).

Vì vậy, mà tôi phải ra mặt viết những Bài đăng báo, trước luận sơ vài lời, sau mới mở vấn đề Chấn Hưng Phật Giáo, nguyên hiệp sức với Đại-Đạo-Hội Société (Théosophique de France), mà diu dắt nhơn dân trở về nguồn cội.

Thật là cái địa vị của tôi ăn với bốn câu Nhứt-khóa này:

« Từ Hoảng Thệ Nguyên » :

- 1° Chúng sanh vô biên thệ nguyên độ (độ là lúc này đây);
- 2° Phiền não vô tận thệ nguyên đoạn (đoạn được hết rồi);
- 3° Pháp-môn vô lượng thệ nguyên học (học đủ Âu nhơ thấy rồi)
- 4° Phật đạo vô thượng thệ nguyên thành (nguyên tu cho thành Phật)

Nên tôi xả thân tâm ra mà phổ cáo với nhơn dân cho biết ở đời nhớ có Trời và Phật hơn hết, nghĩa là làm người thì phải thờ Trời, tu Phật.

Hôm nay tôi lược lược cả Bài đã ấn hành mà gom lại một Quyền, gọi là Quyền Trời Phật, dạy người đời thờ đủ hai Pháp-môn, hiến cho Bá tánh xem khỏi đức đoạn. Bên Trời thì giải lý rành rẽ, lại có kinh Bồ-n-Hạnh 2 bản (bản chữ tụng và bản giải nghĩa) cũng chia ra hai môn, Bồ-n-Hạnh Hữu-Vi và Vô-Vi. Còn bên Phật thì có kinh Tịnh-độ-tông dạy cũng rành lẽ tu Phật, cũng chia ra hai môn, Tịnh-độ Hữu-vi và Vô-vi. (Môn Vô-vi tôi lại nối Bài thêm cho trọn pháp, dường như đã lổ lổ một đoạn thiên cơ vậy).

Ấy vậy, cúi xin Thiện Nam Tinh Nữ ai phát tâm-đạo thì nên xem qua chỗ nhiệm mùi, bằng không xem thì thôi tôi mô dám ép, xin đừng cho rằng tôi làm mất ngày giờ xem Cải-Lương Tiểu-Thuyết.

Ráng mà tu, bỏ ông bà cô bác.

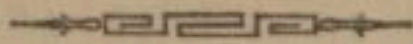
QUAN mang hai nẻo chánh cùng tà.
TỰ bởi con-người gây dựng ra.
ĐẠO bủa pháp môn trùm thế-giải,
NHƠN dân mau tỉnh, chớ dần dà.

Kính Bái : NGUYỄN-KIM-MUÔN.



In tại nhà in XUA-NAY, Ng.-háo-Vĩnh,
60-64 Boulevard Bonard, Saigon.

MỘT BÀI THỨC-TỈNH CHUNG CHO BẠN TU TỊNH-ĐỘ



Tu mà có chỗ gì trông cậy về ngày sau mới tu, chờ tu lu bù không chắc đâu là đâu, mơ mơ màng màng, thì rất uổng công ăn chay niệm Phật.

Luật tu Tịnh-Độ thì dạy người chuyên cần niệm Lục-tự cho đủ ba chục vạn (300.000), thì có Phật thọ-ký. Ấy là cái ấn chứng thứ nhất, làm bằng có chắc cho mình tu tới.

Mà có 2 ông bà Người kia đến bạch rằng :

Thưa thầy ! Hai vợ chồng tôi tu Tịnh-Độ chính chẳng, niệm Phật chí tâm, đủ ba chục vạn mà sao không thấy Phật thọ-ký. còn có người sao mới tu đây mà được thọ-ký, lại còn thấy hào-quang rực rỡ khác nữa ; làm cho hai vợ chồng tôi có lòng trông mong hoài.

Lời hỏi ấy lạnh lắm, mà nhờ có hỏi mới có trả lời, chung cho cả bạn tu Tịnh-độ nghe :

Cúi thưa ! Luật tu Tịnh-độ thì buộc người niệm đủ ba chục vạn lục tự thì thấy Phật. Lời ấy nào phải Phật nói gạt ai, gạt làm sao mà trên 2000 năm nay còn gạt hoài, còn như nói rằng bày đặc chuyện, bày đặc chuyện có ích gì cho người bày đặc, cơm gạo đâu ăn mà đi ra bày đặc không như vậy, phải chỉ bày đặc ra mà vụ lợi một quan năm tiền gì nói cho phải. Bởi cũng có phần nhiều thấy Phật thọ-ký, người thì thấy hào quang, kia nọ, v.v... mà rồi sao lại có người không thấy ?

Tôi xin giải quyết. Vả chẳng sự thọ ký và sự nằm chiêm bao thấy Phật, nháng hào quang, kia nọ, v. v... là bởi nơi mình mà ra. Mấy điều đó chẳng khác gì như những giấy Bons-Points của các ông Đốc học đề phát cho học trò lớp chót cho chúng nó mừng mà học cho tấn tới và không biếng nhác. Ví như học trò từ lớp nhứt sắp lên cao-đẳng, có lãnh Bons-Points nữa không ?

Chẳng qua là đều để dục lòng người chưa có tâm quyết, hoặc còn dự dự những sự vọng niệm trong lòng, cho ngò thấy vậy mà hừng chí để tu-hành cho tấn tới, kéo sợ nữa đang bán đồ nhi phế, mà tối mắt chơn đạo.

Thì tu mà đòi thấy Phật, thấy hào quang, trong lòng còn mống tưởng, vọng động, thì quả là phạm luật. nghĩa là phạm Ngũ-giải-cấm, mà mình không hay mình phạm, cứ việc ngóng đợi hoài, rồi sanh ra lòng phiền, lại phạm nhiều nữa. Phật đã dạy, biểu làm theo ông Phật, từ bi từ tại, luyện cái tâm như như không không, như khúc gỗ, như chết cả thân mình, như ông Phật ngồi trên bạng vậy, không ừ không hữ, thì mình đó là Phật vậy, còn đòi hỏi Phật ở đâu cho xa. Phật nói: Nếu ta dắt người về Cực-Lạc, người thấy rõ ràng đức A-Di-Đà ngồi đó, rồi người mau mau cúi đầu đánh lễ mà hỏi này hỏi kia lằng xằng một hồi, thì Phật A-Di-Đà cũng ngồi trơ trơ đó vậy, người có giận mà mắng ông, ông cũng ngồi trơ trơ như vậy, rồi người về nhà trông lại ông Phật A-Di-Đà ở trên bạng của người thờ, thì cũng ngồi trơ trơ như vậy, mỗi ngày người mỗi vái lạy, hương đăng hoa quả, tụng kinh niệm Phật, thì ông cũng cứ một việc ngồi trơ trơ như vậy. Thì dầu cho người có rình ông Phật trên bàn, mà đem lên đòi cái ông Phật thiết ở Cực-Lạc mà đem về, thì ông này với ông kia cũng ngồi trơ trơ vậy, hai ông giống hếch, cũng như có một ông, thì người còn đòi hỏi gì nữa? Chớ ông Phật trên bàn sờ sờ đó không phải Phật hay sao, mỗi ngày mỗi thấy hoài, còn đòi thấy cái gì nữa.

Chẳng qua là Phật nhận biết người có tâm-đạo, không cần phải nhắc nhở người, để cho người chỉ tâm mà tu-niệm, tròn giữ trì trai giải sát, mà thử cái lòng người, sao người què-mù cứ mống, ngóng, trong, đợi, thì tâm người còn cái điểm vọng niệm đó, mà người không tỉnh biết mà chừa bỏ.

Ấy vậy, những người phát tâm tu hành, cứ một đường ngay mà đi tới, nếu và đi mà và ngó chừng hoài, thì thấy con đường giải hoài. Chỉ bằng lùi đầu đi hoài, như mình đi lên núi vậy, nếu ngó lên thấy còn cao, thì phải bắt ngán, bước nào ngó bước nấy, lẽ nào không lên tới chỗ cao.

Cúi xin cả bạn tu-hành lấy bài này làm cơ chắc.

Kính thay
NGUYỄN-KIM-MUÔN

“TỊNH-ĐỘ PHÁP-VĂN”

(Góp những Bài đã đăng Báo kể từ ngày 29 Aoút 1928)

ĐÀM TÁNG ÔNG TRẦN-PHONG-SẮC

Ông Trần-phong-Sắc (tên tộc là Diệm, chữ Diệm chia ra một bên là chữ Phong, một bên là chữ Sắc) tự là Đăng-Huy pháp danh là Vô-Song Cư-Sĩ, một nhà danh nho và đạo-đức tại hạt Tân-an, mới vắng sanh ngày 24 Aoút 1928, lối 14 giờ, hưởng thọ được 56 tuổi.

Cuộc tổng chung đả an bài nội ngày 26-8-28, ban chiều. Bên văn thì Quan-lớn Chủ-tĩnh phái quan Huyện sở tại thay mặt chung và viên-quan thơ-ký tại tòa-bố đề điều và đưa, còn bên võ thì có cơ lính thay mặt điều và đưa cũng như vậy. Ngoài ra, thì thiện nam tín nữ, chư đạo hữu và hàng đệ-tử đủ mặt bốn phương tám hướng đồng tới ai-điều và đưa linh.

Thật cũng cho là trọng vậy.

Nơi huyết có M. Nguyễn-kim-Muôn đặt một bài từ biệt ai-điều mà giới-thiệu ngài, và nhắc những sự đạo đức văn nho của ngài, sơ lược như vậy :

Hỡi ôi ! Ngọc ần non Côn, vàng chìm sông Lệ, kiếp phù sanh hưu hỷ từ đây. Hỡi quí ông, quí bà và đệ tử, giữa cái cảnh biệt ly thương xót này, tôi xin giới-thiệu sự sanh tiền của ông Trần-dại-nhơn cư-sĩ, để cho mọi người chung biết vậy.

Ông Trần đây, sanh ở tại Vĩnh-long, rồi kể ngụ nơi Tân-an, vẫn là con của một nhà văn-nho, cha khuất sớm, mẹ dạy dỗ tác thành. Lúc nên 13, đã thông kinh-sử nho và quốc-âm và nên danh hiệu-tử, một cái hiệu khó sánh vậy. Nho thì thông kinh luật, thiên kinh vạn quyển thấy xem, xuất khẩu nên thì, mở lời ra bài, trí cao tài rộng. Còn hiếu thì đội cơm, hầu quạt bà mẹ trọn thừa phận, mẹ quá vắng thì ngủ nhà mồ 100 đêm, thờ mẹ thì tượng cốt lớn hẳn hoi, mỗi ngày mỗi vắt cơm đúc ăn vậy.

» Bốn mươi sáu năm trường trai, tu theo Minh-Sur với mẹ, sau Ngài mới tìm được Môn Tịnh-Độ-Pháp-Văn, xả thân

ra độ tận chúng sanh thoát kiếp luân hồi. Kể đó, thì ngài lại lo lắng mà mở luôn cái Pháp-môn Bồn-hạnh Ngọc-đế, mới nửa chừng mà ngài về Tây-phương, tức ngan thương tiếc vậy.

Ôi! Ai là chư Đạo-hữu, ai là hàng đệ-tử của Ngài, thì dẫu rằng không thêu dệt nên lời, cũng hiểu rằng Ngài là một bậc thầy Tổ vậy. Vì Phật-Tổ đâu không thấy, mà chính thấy ngài chính mình mở rộng Pháp-môn ra, và hơn lấy thân mà độ người, mà ngài độ ai (điều đạo cho ai) tức ngài là thầy Tổ của ai đó.

Thật là một cái danh bay cả và ba Kỳ, thì những người tu, những người chưa tu, đồng như nhau thương tiếc Ngài vậy.

Hỡi ôi! Giấy văn khố tổ tình dài, nơi giờ chót biệt ly này, ta cùng rập lại mà tôn kính ông Trần-đại-nhơn là một nhà chí-sĩ. Còn bên tông Tịnh-độ, thì ta rập lại tôn kính ngài là một ông thầy Tổ vậy.

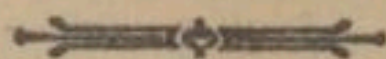
Thương ngài! Mừng ngài linh hồn về châu Cực-lạc, rồi trở về dạy bảo cả chư nhu. Rồi đây, sau ta có ra về, mỗi ngày trông đến bàn Phật, khi mở niệm câu Nam-Mô-A-Di-Đà-Phật, thì ta liền xúc cảm mà nhớ ông thầy Tổ ta. Ngày ngày tháng tháng đêm đêm, giữ y như vậy luôn luôn, thì thế nào mà ta không muôi lòng cho đặng.

Hỡi ôi! thương thay!

Nam-Mô-A-Di-Đà-Phật.

Một người đệ-tử kế nghiệp,

Pháp-danh: GIAI-MINH Cư-sĩ



NÓI VỀ SỰ TU HÀNH

Đời này sao thiên hạ tu hành nhiều lắm vậy?

Chắc có lẽ là đời cũng gần tiêu diệt dân ta nên mới khiến cho lòng người, ai cũng hồi tâm trở lại.

Nhơn dân càng ngày càng tăng số lên nhiều mà coi sao nhiều chừng nào lại càng ở trái hơn luân chừng nấy, ít ai theo đường đạo đức. — Trời là đứng dựng nên muôn vật, dòm thấy hơn dân dữ nhiều lành ít, nên sai cả chi Đạo ra đời để tỉnh ngộ hơn dân theo lối xưa qui củ, là hiền lành

và phước đức. Dân hiền lành, phước đức thì cả nước được an cư lạc nghiệp, lo làm ăn tùy theo phận sự, còn những dân dữ Trời sẽ diệt lần lần hết, nếu nay không nương theo cơ hội này mà nhắc nhở và khuyên lơn chúng sanh trở về nẻo chánh thì tức là chẳng phải là người thiện tâm tu hành vậy.

Ở trên thế này, ai là người có tâm chí, sống đây phải trau thân sửa phận, tức là tu hành, dặng đến cơn chết được về cõi trên, thoát kiếp luân hồi khổ não, hoặc chuyển kiếp lại, được làm một thứ dân giàu sang, thông minh trí huệ trong nước.

Phàm ở đời, muốn sự chẳng qua cái Lành, muốn làm sự gì như: buôn bán, làm ruộng, làm thợ thầy, làm quan viên, trước hết phải kết cái Lành cho sẵn, người mà không có cái Lành trong mình, không làm sự gì cho nên dặng, dầu cho có nên dặng, cũng trong một lúc đó, rồi cũng phải lở lạng, không bền chặt.

Ấy vậy, muốn kết cái Lành thì phải lo tu thân, tụng kinh niệm Phật hằng ngày, trì trai giải sát (không phải vô chùa tu đâu), làm công đức, phải chịu khổ hạnh mới có được cái lành, chớ không phải khi không tình cờ cái lành sẽ đến cho mình, dầu cho giàu có sang trọng, hiền hậu, cả đời không làm gì quấy, cũng chưa gọi là đủ lành, bất quá là sau sẽ luân hồi được làm Người nữa gọi là người có nhơn hậu vậy thôi. -- Người mà được hưởng phước lúc trên thế này đây là người đã có công đức tu hành kiếp trước, mình chẳng nên thấy người sung sướng mà mình vội phàn-nàn Trời Đất; ấy gọi là chướng hoa đặc hoa, chướng đậu đặc đậu -- Phật có nói: nếu chúng sanh muốn biết kiếp trước của chúng sanh thế nào thì hãy coi kiếp này chúng sanh được hưởng phước thế nào, còn muốn biết kiếp sau trở nên sao thì phải xét lúc này còn sanh tiền ăn ở làm sao; ấy là muốn cho chúng sanh rõ biết sự luân hồi, hữu công tắc thưởng, hữu tội tắc trừng. — Theo lời Phật dạy: mình có nên làm Lành chẳng?

Trời lại còn chịu theo lòng người, tìm nhiều cách thế mà độ tận chúng sanh, nên mới mở ra đạo cả, chia ra: Đạo Trời (Giê-Du, Cao-Đài, Minh-Lý), Đạo-Phật (Minh-Sư, Thầy chùa, Cư-Sĩ), đạo nào cũng đồng nhứt lý, đạo nào cũng dạy làm lành lánh dữ, Đạo là gốc bởi lành. — Người

ở đời phải có một Đạo không lẽ sanh ra làm người mà vô Đạo.

Nếu nói tôi muốn kết lành, tôi cũng không cần nhập Đạo nào hết, hoặc tôi nhập Đạo mà hành Đạo sai thì tôi bao giờ có Lành đâu đặng trọn.

Đạo nào dạy kết cái Lành cũng có hơi khó, như: Giê-Du thì phải giữ luật Đức-chúa-Trời cho đúng, đạo Cao-Đài, Minh-Lý phải khảo cứu cả kinh-quyển mà tu luyện theo tứ thời, Thầy-chùa thì phải cạo đầu vào chùa, gõ mõ tụng kinh mà cầu lành, các đạo trước hết phải có cái Lành, vậy thì đạo nào cũng có cái khổ, thế cho nên nhơn dân, tuy lòng muốn làm lành mà bị thấy khó trước kia không chịu, nên ai nấy dường như dự dự, ngần ngại, chưa quyết đoán dặng.

Phật Trời ví như cha mẹ của nhơn dân, dòm thấy lòng dân giải đãi như vậy, động lòng thương nên sau rốt mới mở ra một cái pháp môn, để cho những người hạng ấy, tu cho gọn, mau và dễ; ấy là Pháp-môn « Tịnh-Độ Tông » vậy.

Sao mà có cái Pháp-Môn « Tịnh-Độ » này ? ở đâu mà ra ?

Sự tích như vậy :

Thuở nay, phần nhiều ai ai cũng nói rằng: ông Trần-phong-Sắc ở Tân-an, vẫn là một người hay dịch truyện Tàu, đặt tuồng Cải-lương, thường dịch sách, dạy học trò chữ nho mà thôi, chớ chẳng dè ông Trần-đại-nhơn là một nhà danh nho; thuở 13 tuổi đã tri trai giải sát, 46 năm trường trai khổ hạnh, tu theo đạo Phật, lão thông kinh luật, chẳng bộ nào ông chẳng thông. Ấy là nhà đạo đức giòng. Đến 47 tuổi đầu, tu Minh-Sư theo Mẹ. Sau có người cháu lai-căng về Vân-Nam, tại chùa X..., tìm được tạng Kinh Đại-Bồ-n-Di-Đà, đem về cho ông. Kinh ấy củ quá có trên 2.000 năm rồi, chữ viết lu mờ, có Ấn của vua Đường còn rõ ràng, dấu tích hồi thầy Tam-Tạng qua thỉnh bên Tây-Phương đem về (không ai có) vì cuốn kinh muốn rệu, nếu đem ra gió thổi cũng phải bay mất) — Không biết bởi sao mà bồn kinh ấy xiêu lạc tại chùa đó.

Trong bồn Đại-Bồ-n-Di-Đà. — Phật-Tổ Thích-Ca có dạy riêng một phép tu tắc về môn Tịnh-Độ, chỉ bày rành rẽ phép tu niệm, được mau vãng-sanh về Cực-lạc. — Ông

Trần-dại-nhơn được hồn kinh ấy thì mừng vì bấy lâu trường trai tu theo Minh-Sur với mẹ thì chưa thấy có ân chứng gì, lại bà mẹ chết có về tại nhà-mồ kêu cho hay rằng: Mẹ không được siêu thăng, thì ông Trần-dại-nhơn biết mình đi đã lầm đường rồi, chắc là cả đời không được kết quả. Vừa toan tính lại vừa gặp đặng Pháp-môn Tịnh-độ qui báu vô ngần; tức thì ngài nguyện tu theo Tịnh-độ, ít lâu có Phật về kêu bên tai nói như vậy: « Kiêm-tâm phổ độ chúng sanh, nhứt phẩm liêng hoa chi vị ». — Từ đó ngài mới ráng dịch ra bốn Tây-Qui-Trực-Chỉ, Lão-Nhơn-Đắc-Ngộ v. v., lập cách độ tận chúng sanh; thiên hạ đã tu theo rất nhiều và cũng có người được vãng sanh, về cho hay mới biết; nay tới phiên ngài cũng vãng sanh hiển hiện hôm ngày 24 Août 1928 rồi đây, đúng 2 giờ trưa, chấp tay niệm Phật đi xuôi, việc gì cũng đã sắp đặt được hoàn toàn trước hết. Vậy mới rõ ràng và chánh lý.

Đây tôi không cần gì luận về phép tu Tịnh-Độ, ai muốn rõ thì xin xem cuốn « Tịnh-Độ-Tông », « Tây-Qui » và « Lão-Nhơn » thì biết rõ ràng đủ lẽ; kinh ấy đều có phát thí ra cho bá tánh.

Tạm đây, tôi cũng xin luận luôn ít điều về môn Tịnh-Độ, sơ lược vậy, ai có tỉnh ngộ thì tu theo mà nhờ thân; nam phụ lão ấu đều tu được hết. Vì hễ cha mẹ tu hành thì dễ âm đức lại cho con hơn dễ của. Con tu hành (gái trai cũng vậy) thì cha mẹ tại tiền được phước thọ, cha mẹ nếu quá vãng thì được siêu thăng, cứu huyền thất tổ được nhờ. Chồng tu hành thì vợ được phước, phải tu theo, vợ tu hành thì chồng được an, nếu vợ chồng song tu thì vợ chồng đồng về một chỗ, được hạnh phước về sau (xin xem cuốn Phật Giáo-Khuyến tu đã phát thí ra rồi).

Phép tu Tịnh-Độ có 2 cách:

Thứ nhứt là Tịnh-Độ hữu vi là chuyên môn tu niệm.

Thứ nhì là Tịnh-Độ vô vi lại chuyên môn về tu luyện.

Cả 2 phép hữu vi và vô vi cần phải rõ thông cái chỗ mật nhiệm, mới thành Đạo, chớ không phải tụng niệm om sòm nơi miệng, mà lòng trống trơn không có gì hết, hơi bay ra bao nhiêu tan mất bấy nhiêu, niệm như vậy hao tổn tinh thần, dầu cho làm mấy ngàn năm đi nữa, cũng không trông vãng sanh, đừng ham vô ích. Cũng như người ở Nam-vang

la ó rẻ rồi biểu kẻ ở Saigon hỏi coi có nghe không, lựa là nói nghe đến trên Tây-phương Cực-lạc, thật là xa quá. Còn như muốn Nam-vang Saigon nghe nhau thì phải dùng dây thép nói, thì cái mặt nhiệm của Phật cũng như máy nói ấy; phải biết chỗ đó thì nói một cái Saigon nghe liền, tụng kinh gì Phật cũng nghe hết, mới trông gần Phật đặng. Sống đây mà không biết đường đi Tây-phương Cực-lạc là đang nào, rồi chết biết đâu mà đi, sao dám gọi là vắng sanh đặng? Ít nữa phải lo tu hành sau mới biết, Phật sẽ chỉ cho mình.

Còn muốn tu luyện (tánh mạng song tu) thì phải biết phép luyện huyền diệu, có khẩu khuyết chơn truyền cái máy mầu nhiệm mới làm ông Tiên ông Phật đặng (xin xem cuốn sách hiệu là Vô-Vi của tôi mới soạn thì rõ), chớ không phải cả năm mò kiếm trên mặt sách thì đâu có mà kiếm cho luống công, vì Đạo ở nơi mình vậy.

Tôi là đệ-tử kế nghiệp của ông Trần Tổ-Sư có lời xin thiện nam tín nữ ai có cặng lành, từ bậc hạ thừa tu niệm cho tới bậc tối thượng nhứt thừa tu luyện, hoặc người tu lâu, hoặc người mới tu mà muốn cần dùng tâm pháp để tu hành cho chánh lối, đặng có thể vắng sanh hay là thành Phật hiển hiện, tôi xin sẵn lòng chỉ giùm cho, theo trong kinh truyền, chẳng nên tưởng rằng: « Thiên cơ bất khả lậu ».

Ấy là tôi nguyện nối cái đức của ông thầy Tổ Tịnh-Độ mà độ tận chúng sanh, thoát nơi kiếp trầm luân bể khổ, chớ tôi không có ý gì khoe khoang và tư lợi chi mà phải tỏ bày trên mặt báo, xin bá tánh xét giùm. Ai tu thì đặng phước nấy.

NÓI VỀ MỘT TÔNG GIÁO CỦA « ĐẠO PHẬT »

Phàm người tu-hành thì hay giữ thanh tịnh trong lòng, trước là tu cho mình, sau độ cho người. Nếu phải ra tranh luận trên tờ báo, hay là viết bài kích-bác người thì là mất lễ chánh.

Vả chẳng kinh sách là để mở mang cho nhơn dân, thức tỉnh người, và dẫn con người vào đường đạo đức, làm lành lánh dữ, sau là dạy bảo người tu hành. Nhưng mà kinh sách in ra không đủ phát, nhiều người không được gặp, hóa ra chôn lấp hết một phần dân lành.

Vã lại tờ báo xưa nay chỉ đề cổ động nhơn dân về đảng lý-tài, kinh-tế, tấn-bộ, vân vân... chớ chưa có cổ động về sự tu-hành cho nhơn dân làm lành lánh dữ một khi nào.

Hôm nay bản-đạo (người đạo nhỏ nhoi nghèo khổ), trên vưng theo Tam-Quy-Ngũ-Giải của Trời Phật, dưới vì Sanh, Lão, Bình, Tử, Khổ của nhơn dân, xin viết một bài luận về một *tổng giáo của đạo Phật*, tiếp với bài nói về *sự tu hành* đăng trong báo này hôm ngày 11 Septembre 1928.

Nói tắt là từ ngày có nước Annam tới bây giờ thì dân ta duy biết có một đạo Phật là trước; rồi kể thì có đạo Thiên-chúa bên Âu đem qua sau. Cả hai chi đạo thì dân ta đều có nhập phân hai cả.

Đây bản đạo xin nói về đạo Phật. Xưa kia Tồ-Tiên ta duy biết có một thứ niệm Phật, câu « Lục tự Di-Đà » hẳn có sáu chữ mà gồm đủ cả tánh lành vậy. Nhưng mà niệm thì niệm, còn khảo cứu ra cái lẽ sâu xa thì không. Nói gì nghe nói đến sự tu-hành thì sợ sệt lắm, tưởng lắm rằng hễ tu thì phải vô chùa cạo đầu hay là trường trai tuyệt dục. Ôi! Vì vậy mà phép Phật ta phải bị vùi lấp đến thế ấy ru???

Ta xin nhắc lại, Phật-Tồ Thích-Ca trước khi vào Niết-Bàng có nói rằng: Cách đây *hai ngàn năm*, đạo Phật sẽ bị mất chơn đạo, chánh là lúc Thần-Tú ra đời nối ngôi, cải sửa cả phép, lại bày ra Thịnh Âm Sát, Tướng, truyền lại cho Thầy-Chùa mấy đời rồi cũng cứ vậy làm theo, kinh nói một đảng, Thầy-Chùa làm một ngã, không chịu sửa đổi chỗ sai, lại một ngày một bày ra cái sự tụng niệm có ca có kệ, bình bán, lưu thủy, thét rồi đây họ sẽ kêu Thầy-Chùa Cải-Lương, hay là Thợ-Tụng ???

Kinh Kim-Cang nói: Nhược dĩ sắt kiến ngã, Dĩ âm thịnh cầu ngã, thị Nhơn hành Tà-Đạo, bất năng kiến Như-Lai, (cáo lỗi).

Vã chẳng trong Bắc-Vạn-Tứ-Thiên-Pháp-Môn, thì Tông giáo Phật chia ra:

1° Thiên-Tông. -- (Thầy-Chùa, Tồ là Thích-Ca-Như-Lai) thì tu theo năm trăm giải cấm, giữ theo kinh Phạm-Võng, tụng đủ 30 vạn kinh Di-Đà, trường trai tuyệt dục, ở Chùa, ngũ Liên, tham thiền, tướng Phật, sau lâm-chung về « Đại-Lôi-Âm-Tự Tây-Phương » là chỗ của Phật-Tồ, chỗ của thầy Tam-Tạng qua thính kinh đó.

2° Mạt Tông. -- Thờ Tồ là Phật-Mẫu Chuẩn-Đề (18 tay) tức là bà Quan-Âm-Bồ-Tát biến ra, để độ người ta về phần công danh, tài lợi, luyện ngũ-bộ-chủ để làm thầy Pháp, thầy Bói, thầy Núi, thầy Địa-lý, thầy Thuốc. Tụng Đại-Bì, niệm kệ được cầu sự lạ (phép lạ) bỏ theo mình mà bỏ thân, như là bùa, chú, ấn, vân vân... Ai tu chín chắn lại còn luyện đặng cái bùa *Bác-Quái-Chuẩn-Đề* thật là linh cảm huyền diệu lạ thường vậy.

3° Minh-Sư. -- Tức là thầy Chùa tách ra, vì Minh-Sư dòm thấy phần nhiều Thầy Chùa có vợ có con lũ khủ tại Chùa, lóp thì ăn mặn xen lộn như là : Thập-lục, Sóc-vọng, nên mới tách ra thờ Phật tại gia, gọi là Phật-Đường, giữ trường trai tuyệt dục. (Hễ ai tu Minh-Sư nhỏ lớn gì cũng vậy, phải trường trai tuyệt dục liền, nên ít ai tu nổi) xưng mình là Lão, gốc ở bên Tào, sự tích rất đông giải, đây không cần giải. Cũng tụng kinh niệm Phật vậy, mà có luyện đạo riêng, luyện Tinh-Thần, luyện Tam Bửu, vân vân.

4° ? Thử tu này tôi không biết kêu là tu cái gì, mà ở nhà có người thì thờ Phật, có nhà thì không thờ, Tam-Nguơn, Tứ-Quý đều cúng đủ, mỗi ngày mỗi niệm Phật và tụng kinh, duy có ăn chay lạ đời là ăn tôm, tép, ốc, cua, mực, sứa, nói tôm là ăn những thứ không có máu đỏ. Mà nữa không biết thành cái gì hay là về đâu ???

5° Tu về cung Đâu-Suất, cũng trì trai giải sát, tụng kinh niệm Phật, làm đủ mấy ngàn đều lành, nữa siêu về nước Phật Di-Lạc-Tiên-Quan-Phật.

6° Theo các cảnh khác, thì kỳ dư có người tu thờ Phật Bà Quan-Âm, tụng kinh Phổ-Môn, kinh Cứu-Khổ, để cầu sự sang giàu, để lánh tai nạn... Có người thì tu theo ông Quan-Đế (Phật Đà-Lam), tụng kinh Minh-Thánh, vân vân. Thì tất cả cũng tu hành theo chơn Phật vậy.

Mấy cảnh tu trên đây thì thuở nay ai ai cũng nghe thấy, nhưng mà ít ai tu theo nổi, vì mỗi cảnh tu đều mỗi có cái khổ hạnh, phải trì trai giát sát hẳn hoi, phải giữ tấm lòng thành luôn luôn, không sai lý nào.

Vì thế hiếm chi người lành chưa phát nguyện được, duy có niệm Phật lấy có vậy chừng vài ba người, còn vài ba người lại nói rằng tu tâm, giữ theo cang thường luân lý (Nho) vì sợ tu không được trọn vẹn. (Làm biến)

Hôm nay Phật-Tổ dòm thấy nhơn dân còn phân vân chưa quyết định, lại nhằm lúc Đại-Đạo mở khai dân chúng, cả chi Đạo đều ra đời, mà đạo nào tu coi cũng khó, nên Ngài cho cái Pháp-Môn-Tịnh-Độ ra đời, tức là một cái Pháp-Môn « củ mem », để xen lộn với mấy Pháp-Môn kia, mà hồi nào tới giờ không một ai hay biết. Ấy chẳng qua là Phật-Tổ biết trước rằng ngày nay Đạo-Phật bị lu lờ, nên Ngài đề dành cái Pháp-Môn-Tịnh-Độ này cho bọn Âu-học đời nay được Chấn-Hưng-Phật-Giáo lại, tức là bọn Cư-Sĩ tu tại gia, nghĩa là Nam-Phụ Lão-Ấu, giàu tốt bực, nghèo sát đất, tu cũng được, vì dễ tu lắm. Dễ là không có cạo đầu vô chùa, không phải qui y thọ phái với ai, khỏi khai đàn nhập môn, không có cầu cơ cầu đảo, khỏi nhập lửa lập hội, không có tứ thời ngũ thời, khỏi tụng tụng rưng rưng, khỏi nấu nướng, không lo thức khuya dậy sớm, rồi công ăn việc làm như thường, vợ chồng con cái như thường, làm bao nhiêu ăn bao nhiêu, duy có lúc rảnh rang thì chuyên niệm lục tự Di-Đà « Nam Mô A Di Đà-Phật », thành tâm niệm cho đủ số 30 vạn câu, thì Phật Di-Đà xuống thọ ký, rồi niệm qua kinh Vãng-sanh cũng cho đủ ba chục vạn câu, thì sẽ có sẵn ngôi sen, khi lâm chung Phật hiện xuống rớt hồn về Cực-Lạc nhập xác bông sen như Na-Tra vậy, bỏ mất cái xác thịt đi, khỏi đọa luân hồi, khỏi sa Địa-ngục, rồi ở an-dưỡng thanh-nhân. Sự rất dễ dàng, dễ mà mau thành. (Xin xem cuốn Phật-Giáo-Khuyến-Tu đã phát ra khắp chỗ, rồi xem cuốn « Tịnh-Độ-Tông » thì sẽ thấy cả phép tu này giải rành rẽ. Phép tu này nguyên rút ở trong kinh Đại-Bồ-Đi-Đà, có lựa rút ra diễn nôm là Tây-Qui-Trực-Chỉ, Lão-Nhơn-Đắc-Ngộ. Lại còn Bộ Qui-Nguồn diễn nghĩa, trọn bộ ba cuốn, dương in, lại giải rành hơn nữa, thì đâu đó có Kinh Sách bằng mặc, nào phải chuyện hồ hoặc).

Xin đừng nghe lời họ nói Đạo này cao, Đạo kia chánh, rồi trường trai tuyệt dục cho uổng công, sanh đau sanh ốm, lại còn xúi dục luyện Kim-đơn cho khổ hạnh hơn nữa : trường sanh bất tử đâu không thấy, mà thấy họ tu luyện rồi họ cũng đau, cũng già, cũng chết ngắc vậy, có người nào thành rồi chưa ?

Thì cả chi đạo ra đời hôm nay, để nữa cũng gom về một

gốc chánh, là đạo Phật vậy, vì đạo nào cũng dùng kinh Phật mà tụng niệm, đạo nào cũng thờ Phật. Thế thì đạo Phật xưa nay đã có rồi, cần gì phải bày đặt ra chi cho nhiều chi đạo, bày sự khó dễ hồ hoặc ra trước mắt để làm rầu nhơn dân, rồi phân nhiều họ nghị luận và kích bát rằng khác nữa.

Còn nói qua đạo Trời, thì thuở nay ta duy biết có một đứng Tào-hóa, chiếc hồn ra làm Ngọc-Đế, để cai trị cõi Thiên-đàng (xin xem Họa-đồ Thiên-đàng Tam-Thập-Lục-Cung trong cuốn kinh Tịnh-Độ-Tông) Như có thờ Trời, thì thờ chánh danh hiệu ông Trời là : Ngọc-Hoàng Đại Thiên Tôn Huyền Khung Cao Thượng Đế. Còn thờ Trời mà sao không tụng niệm kinh Trời, để tụng niệm mấy bài cúng dung hoa, dung rượu tứ thời, còn bài Sám-hối nữa, nguyên là chữ nôm cả của cơ gián cho, chứ đâu có kinh. Còn tôi thấy tụng kinh thì Phổ-Môn, Tam-Bảo, tức là kinh Phật vậy. (Kỳ sau tôi sẽ nói về đạo Trời một cách rành rẽ, còn cuốn kinh Trời là kinh « Cao Thượng Ngọc Hoàng Bồn Hạnh Kinh Ngũ Phẩm » thì còn đang in gần rồi, để phát thí ra cho bá tánh thọ trì, 1 bồn chữ tụng thì chữ nho bên quốc âm, một bồn giải nghĩa thì lý luật rành rẽ, các nghĩa và dẫn cái lai-lịch và thế-kỷ của ông Trời một cách hẳn hoi, xem qua kinh Trời phải dùng mình mọc ốc, vậy mới gọi là kinh Trời. Chớ nói mình thờ Trời, mà chẳng biết ông Trời là ông gì, và không có kinh Trời, là cái bồn chánh ở tại đền « Linh-Tiểu-Điện » mà tụng niệm, thì sao gọi là chánh ?).

Tôi là người tu hành đủ cả hai Pháp-Môn bên Trời và bên Phật, vì sự họa phước chung cho nhơn dân, nên mới ra viết bài này, thật tình là không phải vì danh lợi chi, duy biết có luôi cuôi để tầm kiếm những cảnh tu nào chánh đáng mà chỉ lại cho nhau cùng làm lành lánh dữ. Nam Mô A Di Đà Phật, đâu phải lợi ích cho mình, hay là xuôi dục ai. Cúi xin bá tánh biết cho.

Phàm ở đời, số mạng ai ai cũng ở nơi Trời, cơ hửu sự biết mở miệng ra kêu Trời Phật, còn lúc bình tịnh sao không kính thờ ? (Một năm có hai cái vía Trời, một cái vía Phật mà mấy ai có cúng đủ không).

Ấy vậy, tôi cúi khuyên nhơn dân, phải thờ Trời Phật,

dầu tu không tu, ăn chay cùng không ăn chay, cũng không cang hệ gì. Trời thì thờ linh Ngọc-Đế ở hướng Đông, Phật thì thờ Đức Di-Đà ở hướng Tây, thế thì là đủ phận làm người trên vô-trụ vậy thôi.

NÓI VỀ ĐẠO TRỜI

Hôm rày trên mặt báo L. T. T. V. thỉnh-thoảng có đăng bài nói về việc đạo, ấy cũng vì bốn báo muốn vụ vự lành. Văn biết người ở đời có chi quý hơn là « người có đạo », bất cứ là đối với đạo nào, miễn cùng ở vào cái phạm-vi « làm lành lánh dữ ». Nói cho cùng lý mà nghe, người xem bài giảng đạo không theo mà có tri để nghe, cũng không phải là không có ích cho phần hồn. Than ôi! Đạo nhược đại lộ nhiên, làm người mà vô đạo thì há dễ ra người?

Vậy nên bốn-báo đăng bài đạo là vì chính lẽ ấy, vì đạo chung, vì vụ đều lành cho nhân loại, chứ không phải vì riêng cho một « chi » nào, một « giáo » nào.

Dầu đạo Trời hay đạo Phật rồi ra cũng cốt ở đạo Người.

*
* *

Nói đến hai chữ đạo đức (sau giải nghĩa hai chữ này) thì phải biết làm người ở đời ai cũng không lọt qua 2 chữ ấy. Giữ đạo, chứa đức là gốc vung quén ra cái nền an cư lạc nghiệp, quốc-gia thái bình. Như vậy ai lại chẳng ham muốn, thế mà chẳng dễ gì, vì chẳng phải khi không mà có.

Trước hết phải lo bốn phận làm người (nhơn đạo) cho vẹn vẻ rồi sau mới nhập đạo mà làm lành chứa đức.

Nhập đạo nào???

Câu hỏi này quan-hệ lắm, mà câu trả lời lại là họa phước vậy. Mở đạo chánh cho nhơn dân theo thì là phước, mà chỉ ra đạo bất chánh cho nhơn dân lầm thì là họa, mà rồi sau này đối với quốc-gia lại có tội, đối với nhơn dân lại phải tổn.

Ấy vậy sợ tội và sợ tổn, thì đừng có bày đặt cứ do nơi gốc chánh mà làm (mở đạo) vậy mới tự xưng là độ người thoát kiếp trầm luân chứ.

Gốc chánh là ở đâu?? Ấy là Trời và Phật.

Đây xin nói về đạo Trời. (Đạo Phật sau sẽ tiếp).

Trời là đứng sanh vạn vật và loài người, cho ta cái điểm

linh quang (linh hồn) để nhập vào xác thịt của cha mẹ ta kết nên thai vậy. Sống thác, giàu nghèo, số mạng chi chi đều ở Trời, ta như con của Trời, thì ta phải thờ Trời, vâng lời chịu lụy (cung kính bắt như phụng mạng) vậy mới phải thừa phận. Người thế gian thương ta, hay Trời Phật thương ta? Ai hơn?

Ví biết việc gì cũng ở nơi Trời, con hữu sự biết kêu rêu ông Trời, mà sao không thờ Trời, tức là Đức Ngọc-Hoàng Thượng-Đế vậy, để bày đặt ra chi ông nầy, ông kia cho rộn ràng.

Ôi! Cũng vì dốt mà làm theo, cũng vì bắt chước mà làm theo, ta nay thấy cái cuộc bể dâu như thế, mà đau đớn lòng vậy.

Tận đây, tôi xin giải rành cái lai lịch và thế kỷ của ông Trời cho mọi người biết, khỏi lầm lạc nữa.

Cuốn nói có kinh sách làm bằng cớ, là bốn kinh « Cao thượng Ngọc-Hoàng bốn hạnh kinh ngũ phẩm » (kinh này chẳng ai có), duy có một mình ông Trần-phong-Sắc tổ-sư gặp được, sửa soạn truyền bá ra (dịch rồi quốc-âm), kể Ngài vãng sanh hôm 24-8-28, để lại cho tôi nối tâm-pháp mà xuất bản. Cuốn kinh Cao-thượng này nguyên là ở trên đền « Linh tiêu-diện » (cõi 26 Diệm-ma-thiên), của Đức Ngọc-Hoàng-Thượng-Đế để cho chư tiên nào gần gần sổ trên thiên-cung sắp luân hồi thì thọ trì mà ở lại ngôi cũ. Cuốn kinh quý báu hết sức, mà làm sao lọt xuống thế-gian này nơi tay ông Trần tổ-sư, thật cũng là một cái hạnh phúc lớn lao cho nhơn dân trong lúc mở khai đại đạo này vậy. Ai ai sẽ xem qua, thấy những lời châu ngọc dạy bảo, thì phải bắt dùng mình mọc ốc, phải kính trọng lụy lụy vậy, vậy mới phải cái giá-trị của cuốn kinh Trời. Trong ấy nói rằng họa phước, giàu nghèo, sống thác, đều ở nơi tay ông Trời, thật là trúng vậy.

(Bốn kinh này xưa kia dịch rồi thì tính in bán ra 1 đồng bạc một cuốn mà trả tiền in, luôn và bức tượng Ngọc-Đế cõi Thiên-dàng tốt đẹp lắm). Nhưng mà nay về phần tôi lãnh Pháp-môn kế nghiệp, thì tôi muốn in ra mà phát thí cho nhơn dân thọ trì mà nhờ cái phước, luôn và tượng thờ. Nghĩ vì số tiền in rất cao, vì tới hai bốn một bốn để tụng thì hai chữ (nhỏ và quốc-âm), còn một bốn

giải nghĩa và lý in riêng nhau, nên đây phải nhờ sức lực-châu chư thiện-nam tín-nữ ai muốn giúp sức với tôi, thì xin mau mau thương nghị, cho kinh xuất bản sớm sớm. Tôi mong cảm đức ngàn ngày, đã biết rằng việc chung cho hơn dân).

Ông Trời, tức là đứng Tạo-hóa có một, lúc hỗn độn sơ khai, muốn dựng nên đời, mới biến ra trước hết là ông Nguơn-Thỉ (Nguơn là đầu, Thỉ là trước), kế biến ra ông Thế-Tự-Tại (thầy của Đức A-Di-Đà-Phật), kế ông Lão-Tử, kế năm ông là Ngũ-lão, cộng là chín hiệu (luôn và Tạo-hóa).

Khi biến xong ra các vị, thì đứng Tạo-hóa mới viết một ngang (chữ nhứt) giao cho tám vị để lập đời. Thì tám ông chỉ có năm hai đầu chữ nhứt mà kéo vòng lại, ráp thành ra một vòng tròn không mối. Đứng Tạo-hóa cười phán rằng: Rõ ràng các người làm vòng Vô-cực đó, vậy ta ở ngoài vòng xem các người sáng tạo. Tám ông vưng lệnh sanh sanh, biến biến, hóa hóa mà làm ra ngôi Thái-Cực, có vạng vật và có loài người, mới có đi tu sau này thành Tiên thành Phật vậy. (Thế kỷ của Đức A-Di-Đà-Phật tự lúc này mà ra).

Khi ngôi Thái-Cực mở khai đàng hoàng rồi, đứng Tạo-hóa mới vui lòng mà chiếu ra một cái hồn, cho xuống thế-gian mà giảng-sanh (đầu thai) làm ông vua thứ nhứt, nhằm ngày mồng chín tháng giêng sanh ra vậy. (Nên mới có vía ông Ngọc-Hoàng kể từ đây). Rồi hết kiếp vua, thì đầu thai làm quan, hết kiếp quan thì tới thầy, thợ, thầy tu, thầy thuốc, dân dã, v... v... ở mỗi thứ người thì mỗi bậc và mỗi kiếp, một kiếp là tám trăm năm vậy. Khi đủ kiếp rồi, đầu đó phân biệt có ngôi thứ, thì Ngài trở về nhập vô Tạo-hóa, Tạo-hóa thấy cái hồn của mình khôn quá và công hạnh vô lương, thì Ngài mừng mà để cái hồn đó riêng ra mà phong cho là: Ngọc-Hoàng Đại Thiên Tôn, kiêm luôn chức: Huyền Khung Cao Thượng Đế, để cai trị cả ba cõi, còn đứng Tạo-hóa thì Ngài ra ở cõi ngoài càng khôn xa lắm, mà an dưỡng thanh nhàn một cõi vậy.

Ngọc-Hoàng-Thượng-Đế mới chia cõi trên ra làm 36 tầng, gọi là: Thiên-Đàng-Tam-Thập-Lục-Cung. Ngài lựa tầng thứ 26 là cảnh Diêm-Ma-Thiên mà ngự, gọi là cảnh « Thiên-Đàng » ở giữa, ngó lên dòm xuống cũng dễ thấy biết được rõ hết vậy. Cõi xa và cao hơn hết là cõi 36 (cõi chót) thì là



nước Cực-lạc của A-Di-Đà-Phật, đức lớn hơn trời đất ; lớn hơn Ngọc-Đế là đức cả cao dày, nhỏ hơn Ngọc-Đế là vì Ngọc-Đế là hồn của Tạo-hóa.

Thiên-Đàng, Cực-Lạc, hai cảnh khác nhau xa. Cho nên nói rằng: Trời cũng là Phật, Tiên mà Phật, Tiên cũng là Trời, là vì có một đấng Tạo-hóa và hóa ra cả thấy.

Sau Ngọc-Đế có chiết hồn xuống thế làm Bắc-Du-Chơn-Vô mà thôi, chớ không phải Ngọc-Đế là ông Cao-Đài, Ngọc-Đế là Lão-Tử, Ngọc-Đế là Giê-Du, Ngọc-Đế là Khổng-Tử, mỗi người mỗi khác vậy. (Xin coi cuốn kinh giải nghĩa thì rõ hơn nữa?) Thế cho nên thờ Ngài thì thờ chánh danh hiệu là : Ngọc-Hoàng-Đại-Thiên-Tôn, Huyền-Khung-Cao-Thượng-Đế, và vía Ngài là mừng 9 tháng giêng vậy. Coi theo kinh Bồn-Hạnh-Ngũ-Phẩm mà thọ trì tức nhiên sẽ thấy linh nghiệm, vì ông Trời không phải nói gạt, sợ e mình làm sai và không trúng. Ai thọ trì kinh không nổi, thì Ngài cho phép lại mỗi bữa ngay chỗ bàn thờ Trời mà niệm 9 lần danh hiệu của Ngài, như vậy thì cũng được. Cũng ăn chay tùy thích vậy, cũng cúng tế Tam-Ngươn-Tứ-Quý, tùy theo cái Nhơn-Tâm.

Nói tóm lại, cũng gọi là thờ Trời mà khởi khai đàng nhập môn, khởi cầu cơ, khởi bày đặc Tứ thời cúng mỗi bữa, thờ như thường vậy, cúng như thường vậy. Khởi thất công thức khuya dậy sớm, cùng nhóm hội nhóm hàng, luyện phép luyện tắc om sòm. Kinh chánh danh hiệu đây đâu có nói mấy cái bày đặc đó ?

Làm thay ! Làm thay !!!

Đạo Phật

CHÁNH PHÁP MÔN LÀ « TỊNH ĐỘ TÔNG »

Làm người ở đời khi sanh tiền trên Võ-Trụ ai cũng công lưng lo làm ăn, mua Quan chát Quới, làm giàu làm có, lui cui cả ngày. Kể giàu sang thì cầu cho sống lâu mà hưởng của, người nghèo khó thì cầu cho mạnh giỏi mà nuôi thân. Mấy điều đó là ở đâu mà ra vậy ??? Chỉ ở nơi Trời, vì Trời sanh ta ra. Như nói thờ Trời mà muốn cầu giàu sang được không ? N hèo hóa giàu được không ? Đã biết mạng số ở nơi Trời, thì tức nhiên cầu sự gì cũng dặng. Ví dụ một

người nhà giàu kia, sao có kẻ tới vay mượn được, còn có kẻ tới vay mượn không được ??? Là tại mình biết cách ôn ỹ, biết cách hỏi vay nên mới mượn được; thì ông Trời cũng vậy, khi sanh người ra thì đã chia chát ra cho mỗi người đủ của cải rồi. Mà có người thì xài vô độ cho tiêu hết, còn sao người biết dụng của cải đó mà làm cho sanh lợi ra thêm nữa, chớ phải ban sơ sanh ra mà bạch tuộc như nhau vậy sao ??? Vậy cho nên có câu rằng: *Thiên sanh nhơn hà nhơn vô lộc, Địa sanh thảo hà thảo vô căn*. Vậy thì phải thờ Trời là chánh lý, thờ theo Pháp-môn Bồn-bạnh của tôi đã vừa mở đạo ra nơi kỳ Bão rồi.

Còn Pháp-môn Phật mới sao ???

Con người có phần hồn và phần xác. Lo cho phần xác hệt, tức là thờ Trời, còn lo cho phần linh hồn tức là thờ Phật vậy.

Nếu ai tin chịu có Thiên-Đàng Địa-Ngục, tin chịu có Luân-Hồi và Nhơn-Quả thì phải lo phần linh hồn cho trong sạch, còn từ giả thế gian được về Thiên-Đàng hoặc là nơi Cực-Lạc; bỏ dứt cái kiếp Luân-Hồi, không sa vào nơi Địa-Ngục. Ấy là thờ Phật, tụng kinh niệm Phật vậy.

Vả chẳng đạo Phật chia ra nhiều tông-giáo (xin xem sổ báo trước) như thầy chùa (Thiền-Tông) thì thấy có ai thành cái gì đâu? Bất quá thì muốn cho được cái tiếng chơn tu, nên bày đặt ra « Thiêu mình », rồi nói Phật rước, kia kia nọ nọ, tưởng thuở nay chưa có thầy chùa nào (Hòa-thượng) thành Phật rồi hoặc trở lại kêu, hoặc xuống cơ, hoặc hiện Kim-Thân cho nhơn dân thấy rõ ràng đâu ??? Nói là nói vậy cho đỡ tiếng tăm nhà Thiền, cho dễ sự thâu nạp trong Tam-Nguơn Tứ-Quí. Còn như sự Thiêu-Xát là bắt chước theo Phật-Tổ Thích-Ca. Song le Phật-Tổ thành trước rồi mới thiêu sau, chớ không thiêu trước, sau mới thành.

Còn tu Minh-Sư thì xưng là ông Lão, kinh luật thật là rõ thông lắm, luyện tập cả ngày, trường trai tuyệt dục, lên đến bậc Lão, rồi thì cũng đau, cũng già-cúp, rồi cũng chết ngất vậy. Vậy mà dám nói rằng Liễu (là Vãng-Sanh theo Phật). Theo Phật đây bị theo luôn, Phật niếu ở lại, nên về cho bá tánh hay không được. Còn cầu vô đạo, thì lễ mễ tiền bạc, cầu tới bậc thượng thì tốn có mấy trăm đồng vậy.

Kỷ dư tu theo Mật-Tông thì dễ kiếm ăn, thờ Bà Quan-Âm dễ cầu tai qua nạn khỏi, thờ lịnh ông Quan-Đế dễ độ mạng vân vân. Thì cái tu nào cũng có cái tham ở trong, nếu luận đích xác, như cái nghề làm ăn vậy, như kể sanh nhai. Thì dân có phải lễ tu hành.

Nói tóm lại, nếu đạo nào mà vụ sự tiền bạc, dục huê-lợi, là đạo bất chánh, mà cũng vì bởi thế, cho nên đạo Phật mới bị lu lờ cho đến ngày nay (tối mất cái chơn đạo), y như lời Phật-Tổ đã nói trước.

May thay ! Đời này lại có ông Trần-dại-nhơn Cư-sĩ ở Tân-an, trong 47 năm trường trai, thêm gia công khổ hạnh mà tầm ra được hai Pháp-Môn (Bồ-nhạnh và Tịnh-Độ) thay mặt cho lịnh Phật-Tổ Thích-Ca mà phổ độ chúng sanh, thật đáng tôn Ngài là bậc Thầy-Tổ vậy, là bậc Bồ-Tát vậy... Nay Ngài vắng-sanh đã hiển hiện, để cả Pháp-Môn lại cho tôi kể nghiệp, thì tôi cũng nguyện y như Ngài mà nối giữ cái oai đức ấy, mở đạo chánh ra, mô dám theo dết lời gi thêm bớt, hay là xuôi dục như dân lầm lạc, hoặc là cầu mà thủ lợi, thì tôi thề bị đọa cả kiếp ở Địa-Ngục.

Ấy vậy, cúi xin như dân ráng mà làm Tịnh-Độ lấy để nhờ thân qua kiếp sau, ai phát nguyện được, thì người ấy là đa thiện căn phước đức như duyên.

A-Di-Đà-Phật là một ông Phật Chúa-Tể ở Cực-Lạc. Cao hơn cõi Thiên-Đàng là 12 tầng, nghĩa là cao tột bậc vậy. Đức lớn hơn Trời Đất, thế-kỷ về tam ngàn trước, thì Ngài là ông vua đi tu, thầy là Thế-Tự-Tại. Thành Phật cho mình rồi độ cả nước hết thấy tứ sanh và dân chúng đều thành Phật. Nghĩa là : đầu thai làm Vua, tu thành. Đầu thai làm Quan thì độ Quan tu thành. Đầu thai làm dân thì độ dân tu thành, hề một bậc người thì đầu thai ở trọn một kiếp, cứ vậy mà đầu thai độ người hoài hoài cho tất cả đều thành Phật hết. Thì biết là hằng hà sa số kiếp nào mà nói. Độ xong loài người, rồi đầu thai qua loài tứ sanh (noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh, thai sanh) là trâu bò, chim chóc, tôm cá, trùng dế... ở cho đủ kiếp của mỗi loài mà độ chúng nó thành Phật cũng tất cả vậy hết. Thì biết là hằng hà sa số kiếp nào mà nói.

Xong rồi Ngài mới rút cả nước riêng ra, đem lên cao tột bậc, đặc là : Tây-Phương Cực-Lạc thế-giải hay là An-Dương-Quốc.

Có ông Phật nào, ông Tiên nào... mà tu vô lương kiếp như vậy không.

Linh Ngọc-Đế tu đúng bực nhứt, mà còn phải kém đức hơn A-Di-Đà-Phật. Xin xem 48 lời nguyện thì đủ biết, thế cho nên khi Ngài vừa nguyện rồi, thì Trời Đất rung rinh tất cả vậy.

Vì thế cho nên, niệm danh hiệu Ngài có 6 chữ, mà gồm đủ cả tánh lành vậy, siêu thắng vậy, tiêu tội vậy.

Nên Phật-Tổ Thích-Ca mới đặc riêng ra Pháp-Môn Tịnh-độ-Tông này, để nhờ oai đức và danh hiệu của Ngài mà độ chúng sanh về Cực-Lạc. Thì Thích-Ca là Thầy của Tịnh-Độ, nghĩa là Thầy của bọn Cư-Sĩ tu tại gia vậy.

Phật-Tổ Thích-Ca có lời nguyện độ tất cả chúng sanh, nên Ngài bây giờ còn đi ta bà thế giới, chừng nào Ngài độ hết dâu dỏ đang hoàng thì ngài cũng về Cực-Lạc châu Phật A-Di-Đà, thì chừng đó là kết chung cuộc vậy.

Dưới cõi trần này, còn ba vị Phật chưa về Cực-Lạc, cũng vì mỗi vị có lời nguyện riêng với chúng sanh, như là :

1° Phật-Tổ Thích-Ca, Giáo-Chủ cõi Trung-Giải. Ai tu Tịnh-Độ thì niệm danh hiệu Ngài là : Nam-Mô ta bà thế giới Bồn-Sur Thích-Ca Mâu-Ni-Văn-Phật. (Thầy-chùa họ cũng niệm câu này nghe ra trật lất, vì ông Thích-Ca là Tổ thầy-chùa chứ không phải thầy của thầy-chùa).

2° Phật-Tổ có đệ tử để thay mặt là Phật-Bà Quan-thế-Âm Bồ-Tát, ngụ tại Nam-hải, núi Phổ-đà. Niệm danh hiệu ngài là : Nam-Mô Đại Từ Đại Bi Tâm Thịnh Cứu Khổ Quán-dại Linh Cấm Quan-thế-Âm Bồ-Tát. Cõi Trời có ngài châu lĩnh Ngọc-Đế luôn, nên tượng Thiên-dàng phải có hình ngài đứng chung, là vậy.

3° Địa-tạng-Vương Bồ-Tát, là Giáo Chủ cõi U-Minh-Vương, coi về Thập-diện cõi địa phủ. (Xin đừng lộn Địa-tạng-Vương với Mục-kiền-Liêng).

Ấy vậy pháp môn « Tịnh-độ-Tông » chánh là của Phật-Tổ mở ra, ngài để dành trên 2000 năm nay, chờ lúc Đại-đạo mở khai dân chúng ngài mới cho ra đời, trước là để phân đạo tà chánh, (vì nhiều chi đạo ra đời mà đạo nào cũng tự xưng là chánh hết), sau là cho cái sự tu để đúng cho bọn Cư-sĩ cùng nhau thức tỉnh giấc mê mà lo Chấn Hưng Phật Giáo lại.

Kể từ đây, thì đạo Phật đã thoát khỏi tay nhà Thiền từ rày sắp lên cái chơn đạo lỗ lỗ mờ ra vậy, bọn Cư-sĩ sẽ tận tâm ma lo sùng bái, trở về cội nguồn. Vậy ai là người có cẳng lành, thì xin lưu ý.

Đến cái cơn ta phát nguyện qui-y theo Tịnh-độ rồi, hoặc ngày tư ngày tết, hoặc dịp cơm đồ quả, hoặc làm tuần tự, thì ta đã sẵn cái pháp luật trong mình, hoặc cầu Trời, hoặc niệm Phật, cho cái vong linh ông bà cha mẹ ta (luôn và cửu-huyền thất-tổ) được cùng nhau siêu thăng, lay một lay cảm động lòng Trời, niệm một câu kinh xúc-cảm chư Phật, thì dầu cho bao nhiêu tội lỗi tùy theo nặng nhẹ cũng lần tan như nước đá vậy.

Thì có phải khỏi tốn tiền mướn Thọ-tụng, khỏi nhọc công đi chùa dâng hương. Đồ quả, tuần tự, cúng kiến, mà làm tốn hao cho nhiều là chỉ để đãi thiên-hạ, còn vật trâu làm beo là kết thêm tội cho vong linh. Người mình hay lo trang điểm cái bàn thờ: bàn căn, lư to, sơn thủy tốt, lục bình xua, mỗi mỗi là dạng bề ngoài để khoe khoan và chưng diện, chớ thật tình là vong nào ở dưới Địa-phủ dòm lên thấy cảnh tình-cảnh như thế, chắc phải rầu thêm, mắc tội ngồi rục trong Địa-ngục trông con cháu nó cầu siêu rồi, cầu dầu không thấy, thấy chúng nó kết thêm tội, và làm chuyện bá láp.

Kết cuộc, chẳng phải một chuyện tiểu-thuyết mà phải nói dòng dài, bản-đạo chỉ xin dứt ngan đây. Vì sau này, có nhiều thứ kinh sách đã ra đời, như là: Kinh Tịnh-độ-Tông (chỉ rành phép tu), Phật-giáo-khuyến-tu (thức tỉnh người) Tây-qui-trực-chỉ và Lão-nhơn-đắc-Ngộ (trong bản Đại-Di-Đà) và kỳ dư là Qui-ngươn, kinh Bồn-hạnh, vãng Thích-Ca, v. v... xin xem theo đó mà phát-nguyện, cũng đủ cả mọi lẽ vậy. Còn như ai có nghi ngờ, hoặc ghé lại Am tôi mà hỏi thăm, hoặc viết thư, hoặc mời đi đến tại chỗ, tôi sẵn lòng lắm.

Sau này, bản đạo cúi lạy và nhơn-dân, ngày nay bản-đạo một bên vì sự tương-lai của Nước-nhà, một bên vì sự họa phước của dân chúng, mà đem hai cảnh Pháp-môn ra, Thiên-đàng và Cực-lạc, để dựng hiến, không nạp của ai một su con, mà ai tu-hành theo đây cũng không tốn hao một su con, ai có làm theo được thì nhờ lấy.

Quý hóa thay cho hai Pháp-môn, vậy bần-đạo chấp tay
đề cầu nguyện : a) cho cả Nước được Thái bình : b) cho cả
nhơn dân được an cư lạc nghiệp, và không dứt niệm hai
câu thánh hiệu :

Nam Mô Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn Huyền Khung Cao
Thượng Đế-Nam Mô A Di Đà Phật.

ĐẠO ĐỨC TRỰC LUẬN

Phàm làm người ở đời, bất câu là bực nào, phải có Đạo
đức. Nhà giàu sang mà không đạo đức (không hay cứu
giúp và in kinh thí phát ra cho nhơn dân thức mê) thì giàu
sang hưởng không bền. Làm quan mà không đạo đức (sầu
mọt dân, không thương dân) thì là quan Hà-lam, mau mất
chức. Nhà nghèo mà không đạo đức (nghèo sanh đạo tặc)
thì nghèo không cất đầu nổi. Đạo để mở khai dân chúng.
Đức để dạy người biết cách « Làm người ». Đạo-đức hiệp
lại thì phụ với cơ Trời, hợp theo chung Phật.

Người Tu-hành mới phát nguyện trước hết phải biết
nghĩa hai chữ Đạo đức, dầu cho nhập Đạo nào, thì sự hanh
đạo cũng chánh đáng. Đây tôi xin giải nghĩa hai chữ Đạo-
đức :

Đạo. — là lớn cả vậy, (xin coi quyển Vô-Vi in gần rồi,
nói về Đạo cả)

a) — Chữ Đạo, hai chấm đầu là Âm-dương (ở nơi Trời
là Nhật-Nguyệt ; trong mặt Nhật âm tinh ó, đựng Chơn
hống tám lượng, trong mặt Nguyệt âm tinh-thố, đựng Chơn-
diên nửa cân. Hai món hiệp lại luyện nên Mu-ni bửu-châu,
Phật gọi là Xá lợi-tử) Bằng ở nơi người thì hai chấm là
hai con mắt của người hành đạo. Vì có câu : « Lưỡng mục
nội quan » là nói theo Tâm-kinh câu : « Đa thời chiếu kiến »,
nghĩa là hai con mắt người tu phải soi thấy Chơn-đạo cho
lâu, thì Ngũ-huân sạch không, tức nhiên thành Phật.

Đại đạo có câu rằng : « Thủy-hỏa tự giao vô thượng hạ.
Nhứt đoàn sanh ý tại song mâu (Song mâu là cặp con mắt)

b) — Một ngang (chữ nhứt) là nói Âm dương hiệp nhứt
(Âm dương là Diên-hống, hay là nước lửa, hay là Càng

khôn vân vân... hiệp lại một. Bằng nói nơi Minh người thì là Tam-bữu vậy (Tam-bữu là Tinh-khi-thần) tam gia tương hội (hiệp một) Kiết-anh-nhi. Người tu mà luyện đặng chữ Nhứt thì nên công-phu, nên Đại-đạo vậy.

Đừng Tạo-hóa viết một chữ Nhứt, kéo hai đầu ráp lại thành ra một Vòng-tròn tức là ngôi Vô-cực vậy, rồi mới sanh sanh biến biến lập thành ngôi Thái-cực ở trong, cho tới có ta đến bây giờ. Vạn sự qui nhứt, nhứt sanh vạn vật.

c) — Chữ Tự kể đó, Tự là Minh, vì hiệp một hay không cũng tại mình, tại mình hành đạo đúng hay sai, tại mình chỉ tâm không. Tâm-kinh câu đầu nói : « Quan tự tại bồ tát » là nói sự thành Phật là tại mình vậy, nghĩa là nói đạo ở nơi mình, tự nơi mình.

d) -- Chữ Tự -- chiết ra, một phết là Huyền quan nhứt khiếu, chỗ đó là chỗ sanh Tiên, sanh Phật. Còn cái khuôn viên bề ngoài lý như thân mình, như cái vỏ, như cái túi (xát thịt), trong có ba ngan là ngôi Tam-bữu, nghĩa là cái túi đựng ba vật báu là Tinh-khi-thần vậy.

e) — Chữ đạo sau rốt hết có cái quai xurót, đó là chữ Chuyển, nghĩa là Pháp luân thường chuyển, như cái bánh xe quay chạy tròn, tức là hành đạo vậy, tức là công-phu vậy. Kết chung lại là chuyển Âm dương, luyện tập thường như Tâm-kinh nói : « Đa thời chiếu kiến, Ngũ huân giai không, thì sẽ thấy được Diệc phục như thị là phép Phật vậy. Như có câu làm chứng :

Chẳng phải giàu mà không hành Đạo, chẳng phải vì nghèo mà bỏ mất Chơn đạo, giàu nghèo gì phải tưởng đến Đạo cả, thì mới phải là làm người ở đời vậy.

Chữ Đức là đề cái Ác từng Thiện, dắt người vào nẻo ngay đang thẳng. Sách nho nói : Tại minh mình đức, là đủ lẽ vậy.

a) -- Một bên chữ Nhơn là người, trên một phết là dẫn, dẫn người đi, thành ra như chữ Hành, như chữ Động, là chỉ nói người phải Hành-động.

b) -- Chữ Thập là mười, là nói làm người phải có mười dữ và mười lành. Trước trừ mười dữ nơi mình là : « Tham, Sân, Si, Sát-sanh, Đạo-lạc, Du-đạo, Tà-dâm, Vọng-ngữ, Lưỡng-thiệt, Ác-khẩu.

Sau mới kết mười lành là : Nhơn, Nghĩa, Lễ, Trí, Tính, Trung, Hiếu, Liêm, Sĩ, Đễ.

Dữ trừ, rồi lành kết mới phải đạo làm người, nghĩa là làm người, phải lo Nhơn-đạo làm trước.

b) -- Chữ Tứ là bốn, nghĩa là Bốn ơn lớn ; Ôn Trời, ơn Vua, ơn Cha Mẹ, ơn Thầy chứa đủ thì làm người có đức vậy.

d) -- Chữ Nhứt là một, nghĩa là trừ 10 dữ kết 10 lành, làm 4 ơn hiệp lại một.

e) -- Chữ Tâm là lòng, vì chữ Nhứt đề chữ Tâm, là nhứt Tâm, hiệp lòng, nên Phật có nói : Nhứt Tâm bất loạn.

Chữ Tâm có ba điểm (Tam điểm như tinh tượng), rồi cái lưỡi câu (Hoành câu tợ Nguyệt tà), Phi mao từng thử đặc, tổ Phật đã do tha. (Thành Phật không cũng tại cái Tâm vậy).

Tam-Giáo trọng cái Tâm : Tích thì : Minh-tâm kiến tánh. Nho thì Tồn tâm dưỡng tánh. Tiên thì tu tâm luyện tánh.

Cũng một chữ Tâm, mà Đức Thái-Thượng-Lão-Quân đặc lại 4 câu (trong Minh-tâm) :

1° Mặc mặc mặc, vờ hạn Thần Tiên từng thử đặc. (Nhờ cái tâm lẳng lẳng vậy mà thành bao nhiêu rồi Thần Tiên).

2° Nhiều nhiều nhiều, thiên tai vạn họa nhứt tề tiêu. (Nhờ cái tâm hay nhiều dung vậy, khổa lấp vậy, mà ngàn tai muôn họa cũng tiêu hết).

3° Nhẫn nhẫn nhẫn, trái chủ oan gia từng thử tận. (Nhờ cái tâm hay nhẫn nhục mà trừ đoạn được cả oan gia trái chủ).

4° Hưu hưu hưu, cái thế công danh bất tự do, (cái tâm dằng xuống, thối thối bao nhiêu công danh chẳng phải do nơi mình).

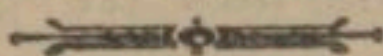
Kết cuộc, chữ Đức lớn cả vậy. Người hay nói chứa Đức hơn chứa của.

Kinh Di-Đà có câu : Bất khả dĩ thiểu thiện căn phước đức nhơn duyên đắc sanh Tịnh-độ (Bằng ít phước khó vãng sanh về Cực-lạc).

Nói cùng, người tu nên chứa Âm-Đức, còn người không tu không chứa Đức hay sao ?

Thế cho nên làm người ở đời phải Đức Hạnh song toàn, rồi có làm đạo mới phát huệ.

Ấy nghĩa lý của hai chữ Đạo Đức vậy.



NÓI VỀ PHÉP TỤNG KINH VÀ NIỆM PHẬT

Trong kinh Kim-Cang có câu : Nhược phước hữu nhưn, ư thử kinh trung thọ trì, nãi chi tứ cú kệ đẳng vi tha nhưn thiết, kỳ phước thắng bỉ. (Bằng có người nào tụng được cuốn kinh này..... vân vân, thì phước hơn ta vậy.....)

Phật-Tổ nói vậy, thì ai tụng kinh Kim-Cang được phước nhiều hơn Ngài, thế thì có khó gì mà tụng không đặng. mà ai lại tụng không đặng. Nhưn sao có nhiều người tụng đi tụng lại biết mấy lần, và thầy chùa tụng cũng nhiều, sao không thấy phước gì ??

Nghĩa là : Hồi Phật-tổ đi tu, sáu năm ngồi chơn núi, góc rừng. khô da gầy thịt mà tầm không ra cái mối nhiệm, sau gặp Nhiên-Đăng Cổ-Phật điếm đạo, Ngài mới đắc quả. Khổ hạnh là bao nhiêu, một mình một trí vậy, nào có kinh sách chi đâu. Nay Ngài truyền Đạo lại, chép lời mẫu nhiệm làm ra cuốn kinh, để lại cho chúng sanh cứ đó làm theo mà hành Đạo, thì tức nhiên thành Phật như Ngài vậy, thì có phải có phước hơn Ngài chăng? Ngài dạy làm theo kinh dạy, chớ Ngài có phải biểu tụng niệm om sòm, hoặc mấy ngàn mấy muôn tiếng mà thành Phật hay sao ?

Ấy vậy, tụng kinh mà không hiểu nghĩa, đoạt thông cái lý kinh, thì cũng như cái máy hát vậy, còn quay còn hát, hết dây thien thì ngừng. (Tây nói: travailler machinalement).

Trong Hộ-Pháp chú có câu : Tưởng bằng bí chú đắc oai linh, hà nhưn bất thức trì niệm lực, thiên kinh vạn quyển tổng giai vô nhứt tự.... (Biết được cái bí mật của câu kinh câu chú, thì mới có cái oai linh hiển hiệu, bằng người nào cứ tụng niệm mà chẳng thông cái bí mật đó (mật đây là Ba-La-Mật trong Tâm-Kinh), thì ngàn kinh muôn quyển cũng như không có một chữ nào vậy).

Bởi vậy cho nên những người tu hành tụng kinh thiên kinh vạn mà chẳng thông hiểu cái mật nhiệm, tụng cả đời Phật ở một bên cũng không nghe nữa, lựa là nói Phật ở Cực-Lạc mà nghe thấu.

Còn nói qua niệm Phật, thì kinh Di-Đà có câu : Nhược nhứt nhứt, nhị nhứt, tam nhứt, tứ nhứt, ngũ nhứt, lục nhứt, thất nhứt..., nhứt tâm bất loạn, chuyên trì danh hiệu dĩ xưng danh cổ, chư tội tiêu diệt..... (Bằng có người nào, hoặc một bữa, hoặc hai bữa trong bảy bữa (chớ không

phải hoặc một bữa cho tới bảy bữa, (trật), một lòng chẳng loạn, cứ một thứ lục tự mà trì, xưng tụng danh hiệu, thì cả tội tiêu diệt.....)

Thì cái yếu lý là chỗ Nhứt tâm bất loạn, cái mật nhiệm ở chỗ đó.

Ví bằng niệm Phật theo thể thường, thì niệm bao nhiêu bay ra miệng bao nhiêu, tan mất hết, làm sao lọt vô tai ông Phật.

Kinh nói: Phật có lục thông, chúng sanh lung lay trong lòng thì Phật cũng biết trước, lựa là tụng kinh niệm Phật ra tiếng.....

Nếu hiểu như vậy thì sai cái phép của Phật còn gì. Nếu thật trong lòng không chút vọng động, trống không không, nhứt tâm tưởng Phật, thì dầu cho không niệm tụng ra tiếng, Phật cũng chứng ngay. Vả chẳng chúng sanh là cả muôn vạn ức, nếu Phật phải chuyển lục thông mà soi khắp cả từ mỗi người, thì Phật cũng phải điên cả con người với chúng sanh vậy.

Vậy mới hạp với lời của Phật nói rằng: Phép niệm Phật hay hơn các phép, một câu niệm Phật tiêu 80 ức kiếp tội. Vậy nên có câu: Nhứt cú Di-Đà vô biệc niệm, bất lao đàng chỉ đạo Tây-Thiên. Chúng sanh bằng: Dục xuất luân hồi kiếp, thì khá: cấp lão niệm Di-Đà. (Chớ chẳng phải biểu niệm chừng một câu mà trong khoảnh khắc được về Tây-Phương, nói vậy thì ai lại niệm không được, con nít niệm cũng đặng, mà sao không thấy một ai vắng sanh??

Kinh Qui-Ngươn, Đức Tôn-Bồ đề giải rằng: « Vô biệc niệm » nghĩa là: Đi đứng nằm ngồi đều nhớ 6 chữ trong lòng, không niệm cũng như niệm, niệm cũng như không niệm, một niệm thuộc lão, một ngày không biết bao nhiêu niệm, một năm không biết bao nhiêu niệm, niệm niệm từng tâm khởi, niệm Phật bất ly tâm, là vậy đó.

Nhiều nhà danh-sư, trưởng trai tuyệt dục, chỉ biết khổ khổ tụng kinh, lần chuỗi niệm Phật, hỏi lại Phật có nghe không, thì dường như tỉnh như mê, đâu biết được. Nhiều ông Hòa-Thượng nói rằng niệm Phật có trên muôn xe, hỏi có thấy Phật chưa, thì bao giờ thấy...

Ấy vậy, nếu nói tu Phật, mà không thấy Phật, còn đòi về Cực-Lạc, mà chẳng biết đàng đi, thì sao gọi là trúng

phép tu Phật. Sống sờ sờ đây, hai con mắt mở trao trao, dòm hoài không thấy cái gì, tưởng Đông tưởng Tây, tưởng Tây-Phương trước mặt, tưởng hoài tới chết, rồi dám nói *Vãng-sanh*. Chắc *Vãng-sanh* hay không ??

Vậy thì : Sanh tiền bất tri Thiên-Đường lộ, thì Tử-hậu nan lý Địa-Ngục môn.

Ai biết *Tây-phương* ở chỗ nào ? Ai biết *Tây-phương* xa mấy ký-lô mét ? Ai biết đường về *Tây-phương* hay không ? Biết được mới đáng gọi là người tu vậy. Phải biết *Tây-Phương* như biết *Da-kao*, như *Paris*, như *Saigon*, như *Cholon*. Đường về *Tây-Phương* như đường *Calinat*, như đường *Charner*. Bề xa như *Saigon-Thủ-đức* 12 kilomètres, như *Saigon Cholon* 5 km. Tưởng cho có, chớ tưởng mà không có thì tưởng như không.

Còn nói đường về Trời, đường về Phật, thì không nhằm ; như đất liềng mới có đường đi. Như lên núi có đường, chớ còn cảnh Trời, cảnh Phật bị một lớp Không-khí phân cách ra thì đường liềng đâu có ??? Có thang thì có, mà đường đi thì không. Thế cho nên người tu hành mà muốn về Trời, về Phật thì phải vịn từ nấc thang mà leo lên, nghĩa là phép tu có nhiều bậc vậy. Thang này có 12 nấc. Thì cảnh Trời, cảnh Phật đâu có xa, thế sao mà đi không tới ???

Còn nói qua việc đốt hương xông trầm thì lại nhớ bài kệ này : Lư hương sạ nhiệt, pháp giới mộng huân. Liên-tri hải hội tắc diêu văn. Tùy xứ kiết Tường-vân, v. v. (Lư mới đốt hương, khói bay khắp Thế-giới, chư Phật ngự tòa Liên-dài ắc hay mùi thơm, khói hương bay tới xứ nào thành 1 vùng Mây-lạnh xứ ấy, v. v. . .)

Nói vậy mỗi lần đốt nhang xông trầm, đều bay lên kết năm sắc Mây-lạnh, thì sao mắt thịt mở trao trao đây không thấy ??? Chính thấy khói bay giời lắm thì tới nóc nhà, rồi tan đâu mất hết ???

Lư hương tức là cái thân mình vậy, khi lại bàn Phật thì chẳng biết chi cả, chỉ biết có thân mà thôi.

Còn Sạ-nhiệt là cái tâm, tâm sạch, tâm thơm, đề tưởng Trời tưởng Phật, dựng cái tâm cho Phật, câu tụng câu niệm ở nơi tâm mà kết thành, rồi lần theo đường Tào Khê, leo lên từ nấc thang, xoi chun ra nơi Thượng-nguơn kết nên Mây-lạnh, rồi lần lần bay lên cõi Phật, lần chun và ở tại Phật.

Như vậy mới « Lư-hương Sạ-nhiệt », như vậy Phật mới chứng cho, như vậy mới phải phép dưng hương, niệm Phật.

Kỳ dư thì chỉ đốt hương để làm hạnh, tụng kinh niệm Phật để làm theo thói quen, tu như vậy còn bực Hạ-thừa lắm. Kinh nào cũng dạy: Tụng thì thiên biến, vạn biến, rồi cứ thiên biến, vạn biến mà tụng hoài, rồi ngày qua tháng lại hao tổn thân thể, thần khí, thết rồi còn lại cái túi da không, rồi nói sao tu không chứng quả. Biểu tụng thiên biến, vạn biến là vì Phật biết chúng sanh vẫn mê mụi trong tâm. Tụng trì nhiều lần, trước cho quen, sau có lâu có nhiều thì mới hiểu nghĩa sâu xa và mầu nhiệm vậy. Vì Trời Phật không phải đem sự nhiệm mầu mà nói ngay trên mặt sách, để cho chúng sanh ráng chỉ tâm mò kiếm cho ra.

Thuở nay người tu chỉ biết tụng kinh niệm Phật theo thói thường vậy, nghĩa là hoặc ngồi, đứng, quỳ, hoặc là thuộc lòng, hoặc xem mặt chữ. Ấy là tụng kinh niệm Phật về phần sát, chớ chưa biết tụng kinh niệm Phật về phần hồn. Ấy là chỗ bí mật vậy.

Mình biết mình có hồn có sát, phần sát thì rõ rầm được, thấy được, vậy chớ phần hồn ở đâu, ra làm sao??? Vì ai cũng nói rằng mình tu hành để cầu cho phần linh hồn mình khỏi đọa, mà sống đây không biết được cái hồn của mình là cái gì, ra làm sao, ở đâu, rồi chết, làm sao biết được nó sẽ đi đâu, đọa hay là không đọa, lựa là nói về Thiên-Đàng, về Cực-lạc, quá ngán. Nhiều người tu hành chỉ nói rộn, khoe mình tụng niệm thiên biến, vạn biến, mà chẳng biết phép tụng niệm về phần hồn, thế cho nên không một ai thành hiển hiện, không một ai Vãng-sanh hiển hiện mà làm chứng, làm bằng cứ vậy.

Ấy là phép tụng kinh niệm Phật « Tam-Mụi » vậy. Bằng ai chẳng biết phép này thì chẳng phải lễ tu vậy.

Bản-đạo viết bài này thì rất lao động Thân-Tâm, nên phải cam ngưng bút ngang đây để lo phần thanh tịnh. Phần tôi học vừa biết A B C, nhưng vì câu *thương người như thương thân*, nên cực chẳng đã phải ra viết ít bài, may ra có thức tỉnh được một vài người thì cũng là có ích vậy. Vì bằng nói cho tốt lẽ, thì ao mực như Động-Đình-Hồ, có viết cạn cũng không sao tã ra cho hết cái phép của Phật được. Kinh sách in ra rất nhiều, cầu xin nhơn dân coi theo

đó mà hành đạo, hôm nay hai pháp-môn đã ra đời, thì cũng đủ cho thiên-hạ tu-hành rồi, miễn là đừng lần lựa mà mất cơ hội, thì rất khó gặp lại. Ráng mà cầu đạo, đừng làm người mà vô đạo thì không nên.

Tôi bất quá là truyền kinh điển giáo vậy thôi, và tôi vẫn còn đang tu, chớ phải tôi là ông Tiên ông Phật chi chi mà dám độ ai, ai có nghị luận cũng cam chịu vậy, vì tôi cũng tự xét: « *Nhơn thân bất độ, hà thân độ ???* » (Mình độ cho mình thành chưa, mà nói chuyện độ người ???)

Nam mô A-Di-Đà-Phật.

LỜI RAO

Lịch « Tịnh-độ-Tông » năm Kỷ-Tỵ (1929) mới ra mặc lần thứ nhất, có đủ Ngày Vía, ngày Sân-Hối, ngày chưởng tử giải kỳ, ngày nên dùng và ngày cử, và lại có vía ông thầy tổ Trần-phong-Sắc, v. v. dọn ra lắm công phu.

Giá 0\$20, xin mua xem cho biết. Rồi về sau ai tu Tịnh-độ mà được vãng-sanh thì sẽ có ngày vía biên vào Lịch để làm kỷ niệm.



In tại nhà in XƯA-NAY — Nguyễn-háo-Vĩnh

62-64, Boulevard Bonard, Saigon

CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO

Muốn nói đạo Phật là cao thượng, thì khởi đầu nói về bậc tu hạ thừa tụng kinh niệm Phật cho tới bậc cao xa là tối thượng nhất thừa tu luyện, thì mới rõ cái cao thượng.

Vì vậy mà đạo Phật xưng là : Vô Thượng Thâm Thâm Vi Diệu Pháp, (phép Phật là hết chỗ cao sâu vậy, tốt vậy), thì trong câu này rút ra thì thấy hai chữ Vô-Vi ở ẩn trong.

Phật-Tổ đã có nói trước rằng : cách đây hai ngàn năm, Bụt-Pháp sẽ bị tối mất churn đạo, quả y vậy. Nên ngày nay mới có cái Pháp-Môn « Tịnh-độ-Tông » ra đời, tức là đề cho bọn Cư-Sĩ (tu tại gia) *Chấn Hưng Phật Giáo*.

Cái vấn đề Chấn Hưng Phật Giáo nói ra thì lớn lao lắm, mà quan-hệ lắm. Đã nói rằng Nhà-thiền phá hư Đạo Phật, rồi Nhà-thiền nói đề chấn hưng đạo Phật lại, chắc không ?? Hẳn đây, tôi biết có một ông Sư ở chùa Phật kia, Ngài lập trường dạy Phật học, và Ngài đứng ra nói rằng, Ngài sẽ chấn hưng đạo Phật lại. Thì cái cách chấn hưng của Ngài là cốt dạy người học kinh luật Phật, giữ phần tụng niệm, trì trai giới sát, theo Nhà-thiền thuở nay. Ấy là cái công hạnh lớn lao vậy, vì Ngài sợ sai đạo Phật đương thì lu mờ rồi lặn mất, nên Ngài lo thức tỉnh chúng sanh dắc về đạo Phật. Phải lắm. Nhưng mà có một điều ngăn trở, là nếu Ngài chỉ dùng cái cách chấn hưng « củ mem » kia mà đem ra nữa, (chỉ có sơn phết cho mới vậy) thì đề gì mà con mắt chúng sanh trong thế-kỷ hai mươi này lắm sao ? Rồi nếu như có người hỏi : « Kia bạn-lữ của mấy ông Thầy-chùa ở các chùa khắp cả Lục-châu đang thì họ còn tụng Bình-bán..., Lưu-thủy..., ăn mạng lủ khủ, vợ con cã-bầy, sao ông Thầy-chùa không lo chấn hưng bọn của ông trước đã, coi theo kinh dạy bỏ bớt các thói tệ, được rồi, rồi sau mới dám tự xưng là mình mở cái vấn-đề đề chấn hưng đạo Phật lại. Vậy mới chánh-lý, phải vậy không ?? » Hề nói cái nào quấy, sai, thì phải bỏ cái quấy, sai mà thế cái phải cái nên vào, vậy mới trúng diệu.

Chi bằng, ở Nhà-thiền, lo theo phạn Nhà-thiền là : giữ 500 bờ-lát-giải-cấm, giữ theo kinh Phạm-võng, kinh trọng

kinh Kim-cang vân vân... trì trai giải sát, trưởng trai tuyệt dục... thử có thầy-chùa nào giữ được trọn vẹn tất cả vậy chưa, mà dám nói chấn hưng Phật-giáo ?? (Cáo-lời).

Tôi vả chẳng kém tài mà ít phước, nhưng trên vì vung theo Tam-qui Ngũ-giải của Trời Phật, dưới vì Sanh Lão Bình Tữ Khổ của nhơn dân, giữ theo lời Thầy tôi dạy (ông Trần-phong-Sắc ở Tanan) nguyện xả thân mà độ tận chúng sanh nên mới mở ra hai Pháp-môn (Trời Phật), để sau này cho bá-tánh tu-hành, hoặc làm lành lánh dữ mà trau thân sửa phận làm người ở đời, hoặc luyện tập theo phép mà thành chánh quả.

Thì tôi chẳng qua là giúp chút ích cho nhơn dân, chớ tôi chưa dám tự xưng mình là chấn hưng Phật giáo. Cúi xin Thiện-nam tín-nữ biết cho.

Nhưng sau này, bằng có ai tin chịu làm y theo, nhơn dân lần lần trở về cội nguồn, biết tà biết chánh, rồi thử coi Xả-hội ta còn tối mịch nữa chăng.

Ai là người giữ theo đạo Phật, thuở nay mở miệng niệm Nam-Mô A-Di-Đà-Phật hằng ngày, thiên niệm vạn niệm, chỉ coi như một câu thánh hiệu tầm thường, chớ nào biết được cái lành của câu sáu chữ ấy, mà 6 chữ ấy hẳn là chứa đủ cả sự nhiệm mầu, huyền bí..... vậy nên mới có sau này sanh ra cái Pháp-môn mới tinh khôi, là *Tịnh-Độ Hữu-Vi* và *Tịnh-Độ Vô-Vi*.

Nhà-thiền đâu biết được pháp-môn này, vì trên mặt kinh không có nói, mò hoài kiếm hoài tới chết cũng không gặp chính có lời khẩu-khuyết chơn truyền mà ra vậy.

Hữu-Vi là chuyên tu-niệm, cầu phần vãng sanh về đất Phật, tu thêm mà dự liêng-đài. Nhưng phép Hữu-Vi cũng cần phải có tâm pháp riêng, là tụng kinh niệm Phật về phần hồn, mới trông vãng-sanh, chớ không phải tụng niệm theo thể thường. bao nhiêu bay mất bấy nhiêu.

Vô-Vi thì chuyên tập luyện được thành chánh quả, hiển hiện, nghĩa là thành và hồn và xác.

Thì tóm lại là ở nội trong 6 chữ mà ra.

Ngày giờ rất còn rộng dài cho tôi được đem Pháp-Môn *Tịnh-Độ Vô-Vi* ra mà giải quyết, nhơn tiện đây thì tôi xin đem cái vấn-đề Chấn-Hưng Phật-Giáo mà tỏ bày cái cách thể nào của tôi sẽ tận tâm để lo lẫn.

Bá-tánh cũng biết, sự chấn hưng phật giáo không phải một việc nhỏ, một mình tôi tài cán gì làm cho kham. Ít nữa phải có nhiều người chia ra đi đều các nơi mà giảng kinh Phật, hoặc là thuyết-kinh; nhưng mà điều ấy lại là điều quốc-gia hiện thời đang nghiêm cấm, thì làm sao kết chung cuộc được, mà lại khó kiếm người chí tâm đồng tánh nào chịu xả thân với xã-hội.

Đã rằng đạo Phật là cao thượng, muốn chấn hưng một cách hẳn hoi, thì tức phải đem cái chánh-lý ra mà nói, không dặng dùng tà-thuật cám dỗ lòng người, hoặc vẽ bùa đọc chú, làm phép bắt ấn, v. v. cho mê hoặc lòng nhơn dân, rồi tự xưng đạo của mình làm cho thiên-hạ theo cho nhiều. Thế thì cứ do nơi nguyên gốc, là lấy kinh sách lưu truyền thuở nay mà làm bằng mặt.

Vã chẳng kinh sách là một thứ có thể sau này thức tỉnh được cả mọi người, dạy người làm đạo, dạy làm lành lánh dữ, dạy người mở mang, chỉ cho người đời biết đường ngay nẻo vậy, v. v. Dân trong nước được thông minh tiến bộ, có phải nhờ xem kinh đọc sách hay chẳng. Có xem kinh sách rồi, vì dầu không tu hành được, chớ cũng biết cái lành cái dữ mà chừa, trau dồi lấy thân mà làm người ở đời toàn vẹn vậy.

Thiên kinh vạn quyển thuở nay chất như núi Tu-Di, một đời ta đọc cũng không sao hết được. Rải rác xưa rày nhiều bộ kinh chữ nho đã dịch ra quốc-âm mà là đủ gì đâu. Vì bên nho còn cả chồng, rồi lại kinh sách chữ Tây lại cả đống nữa, có thấy mới có biết. Bên nào cũng đồng nói có một lý, đem ra đo, thì mới thấy cái thật là thật, mới thấy mỗi đạo là rộng lớn và cao sâu.

Ngộ thay! Một hôm tôi đang ngồi lo lắng về cái vấn đề thậm trọng này, thì khiến cho tôi được tiếp chuyện với một ông Tây, nghe tôi là người tu-hành, nên đến viếng cho biết. Ông Tây này mới qua Saigon vừa được tám tháng, chưa biết tiếng Annam, béo người và mập mập tươi tốt.

Chuyện vãng một hồi, thì mới hay ông Tây này là người tu, tu về đạo Vô-Vi Đại-Đạo (Bụt-Pháp), và hiện thời hành đạo rất chánh đáng. Người ăn chay trường mà lại ăn ngọ, (tôi mới thấy một người Tây này lần thứ nhứt mà ăn ngọ) một điều thuốc không hút, một việc chơi nhỏ không ham,

giữa cái chốn phiến ba đô hội này, mà người chỉ bỏ lấp được các sự thù tạc vắng lai với người đồng loại về các sắc tiệc. đám, (bien étrange à la vie mondaine).

Người ở trường Ecole Polytechnique xuất thân, lại thông chữ Hồng-mao, nói năng trủng điệu và tao nhã. Người nói rằng đã xem sách đạo Vô-Vi của hội *Société Théosophique ở Paris*, là một Hội để khảo cứu về cái chánh-lý của Đại-Đạo Vô-Vi (Bụt-Pháp) ở bên Ấn-độ đã trên 6 năm nay, còn sự hành đạo thì người giữ được ba năm nay.

Khi người rõ biết tôi rồi, thì người rất vui lòng tính cùng với tôi sẽ hiệp lực nhau lại mà Chấn-Hưng Phật-Giáo và tổ-chức (giới thiệu) cái Hội Đại-Đạo *Société Théosophique ở Paris* (danh khắp cả toàn cầu), cho thiên-hạ biết với. Hội này góp đủ cả kinh sách chữ Hồng-mao nói về đạo cả, nguyên ở bên Ấn-độ có người diễn ra chữ Tây. Cả lý đạo thì nói một cách giống hệt như kinh sách nho, mà rõ ràng và dễ hiểu hơn nữa, vì người Tàu thường hay dịch kinh Ấn-độ hoặc có chỗ thêm bớt hay cải sửa.

Một chồng sách của người đưa cho tôi xem, toàn là đạo lý yếu luận, cao sâu mầu nhiệm vô cùng. Rồi đây, tôi cũng lần mò dịch ra Quốc-âm hiệp lại với sách nho, hai bên đều sẵn, tưởng dễ cho thiên-hạ hành đạo, hoặc là nhận chắc cái thật là thật. Ông Bạch-Liên hiện thời ở Châu-đốc (cũng người Đại-Đạo) đã dịch rồi vài pho và cũng gần xuất bản. Còn tôi thì đang lo dịch bộ : Đeo Theo Chưn Phật, bộ Ngọn-Đuốc-Tây-Phương, bộ Một-Sự-Nhân, v. v... toàn là sách chữ Hồng-mao đã dịch ra chữ Tây.

Ông Tây này quí danh là M. Raimond Georges, ở Bình-tây, tánh tình vui vẻ, ai muốn giao thiệp cũng được, và người lại vui lòng đem cả bộ kinh và sách chữ Tây để tại nhà tôi, ai muốn mượn xem được hết.

(Sau đây tôi sẽ nói về cái sự Tổ-Chức của hội *Société Théosophique* ra thế nào.)

Khó thay ! Nghĩ vì một mình tôi, một phần lo việc Hảng và việc nhà, một phần lo công-phu tu-hành mỗi ngày, một phần lo phổ độ người, một phần lo diễn dịch Kinh-Sách (Nho và Tây), một phần lo ấn tống, một phần lo trả lời những thơ từ ở Lục-châu gửi hỏi Đạo, một phần lo gửi

Kinh sách cho không ở khắp nơi, ôi một mình cả ngày đêm chia từ giờ từ buổi.

Ấy vậy, tôi cúi đầu lạy cả nhơn dân, ai mà có lòng tưởng đến đạo Phật và muốn cho cuộc Chấn Hưng Phật Giáo này được kết quả, thì xin mở lòng từ bi giúp tôi nên việc, là việc chung cho trong nước vậy.

Thứ nhứt: Cúi lạy mấy ông cự-phủ ở Lục-châu, nhà nào mà đạo-đức, thuở nay mấy ông và mấy bà dám đem bạc ngàn bạc muôn ra để lập chùa cất miếu, hoặc dựng hương cúng điện, hoặc bố thí, v. v... thì mấy ông mấy bà chỉ yêu cầu sự phước đức riêng cho mấy ông và mấy bà mà thôi, chớ mấy ông và mấy bà mà nhơn cái cơ hội này, xuất tiền ra, để giúp tôi in các thứ Kinh sách, hoặc cũ rồi, hoặc đương dịch, được phát ra cả và thiên-hạ cùng xem mà lĩnh ngộ, thì mấy ông và mấy bà đã cầu được phước riêng cho mình, mà nhơn dân lại được chia chút ít nữa, có phải là trọng hậu lắm chăng?

Thứ nhì: Cúi lạy mấy ông Hòa-thượng ở các chùa giàu có thuở nay nơi Lục-châu, như chùa Tổ-đình ở Cholon, như chùa Sắc-tứ-thập-phước ở Bà-chiểu, v. v... xin ghé mắt: Vả chăng mấy ông tự thuở nay thâu của bá tánh có số muôn rồi, mà chẳng hề thấy mấy ông in được cuốn kinh nào phát ra cho bá tánh, có thâu mà không có xuất, duy nói để cầu kinh cầu Phật cho bá tánh mạnh giỏi bình an mà trừ phước vậy thôi. Nay nhơn cái cơ hội này, mấy ông cũng nên xuất bớt ra một phần bạc, hùn với tôi mà làm phước, để in phát thi những kinh sách sau này, bất quá thì cuối đạu nấu đạu, mấy ông đâu có tổn hao tiền nhà tiền túi gì mà sợ, mà lại được phước nữa.

Tôi xin kể sơ những Kinh sách sẽ in ra sau này:

Tây-Qui-Trực-Chỉ, Lão-Nhơn-Đắc-Ngộ, Tịnh-Độ Hửu-Vi, Tịnh-Độ Vô-Vi, Qui-Nguơn diễn nghĩa, Phật-Giáo-Khuyến-Tu, Vãng Thích-Ga, Kinh Tam-Bảo, Hồi-Dương-Nhơn-Quã Công-quá-Cách, Kinh Cấm-Ứng, Kinh Minh-Thánh, Kinh Phổ-Môn, Đạo-Đức-Kinh, Tánh Mạn-Khuê Chỉ, Tiên-Phật-Hiệp-Tông, Lục-Tự-Phật-Giải. Còn kinh chữ Tây dịch ra là Đeo theo chơn Phật, Ngọn đuốc Tây phương, Một chữ-Nhân v. v. . . Hoặc là có thứ gì ai dịch sẵn thì in phát thêm.

Thì các thứ kinh sách này có phải là lưu-truyền tự thuở nay chẳng, chớ nào phải của ai đời này viết ra, hay đặt ra được.

Có nhiều người làm chuyện bá-láp, là in rải ra những tờ giấy của Lưu-bá-Ôn mới rồi, bị Nhà-nước bắt phạt và quở trách, vì là đặc chuyện nói láo rằng tháng chín tháng mười chết không đất chôn, kia nọ v. v. ... làm cho náo động hơn dân, phần nhiều vì coi đó mà đình công và bỏ phế cả công việc, thật là một sự rất quái gở. Phải biết những chuyện vậy là chuyện mờ hồ, sờ sờ trước mắt đây mà không lo, để lo chuyện xa, té ra cầu phước in phát ra, mà lại bị họa. Phải chi để tiền in cúng kinh còn khá hơn. Vì kinh sách là lưu truyền thuở nay, mấy mươi đời rồi, trên 2000 năm nay đâu có bằng cứ hẳn hỏi đó, lẽ nào Nhà-nước hẹp lượng ngăn cấm sự ấn-tổng bao giờ. Tại mấy người làm bậy, thì phải chịu quấy.

Cúi xin lưu ý.

Muốn đạt thông cái nghĩa lý Tịnh-Đô-Vô-Vi thì trước phải thông cái nghĩa Tịnh-Độ-Hữu-Vi ra làm sao ; còn như muốn làm qua Vô-Vi thì phải làm Hữu-Vi trước, cũng như ăn trái Bưởi thì phải lột vỏ cho tử tế rồi mới ăn cái ruột vậy. Ví bằng nghe nói đến Vô-Vi mà ham muốn liền, thì chẳng khác nào như mò Trăng dưới nước vậy. (Xin xem tới, đây tôi xin nói trở lại về sự đạo giảng sanh). Pháp-môn Tịnh-độ của tôi mở ra đây lấy làm phản đối với nhà Thiền, phản đối với Minh sư, phản đối với tông Mật, cả ba đạo Phật. Mà rồi ngoài ra lại còn phản đối với các chi đạo khác đương ra đời nữa.

Thế mà, dẫu rằng vưng chịu để mở đạo chính cho hơn dân làm theo, thì phải lấy chánh lý mà luận, rồi đối cùng không đối sau này cũng sẽ rõ thấy, vì hơn dân buổi này phần nhiều rất thông minh trí huệ, và nam mà và nữ, thì dễ gì mà bày chuyện trò cười để gạt gẫm ai được sao ? ? ? Hơn dân có cặp mắt tinh anh, thì dễ nào khi dòm qua mà không phân biện được tà chánh sao ?

Tôi xin nhắc lại, lúc này là lúc Đạo-cả ra đời, đâu có chủ ý nấy. Đạo nào gốc cũng bởi lành, nhưng phải biết một điều là đạo nào mở ra mà làm cho người ta « Hao-su », rồi hơn lấy đó mà thù lợi, đem cái Lành ra mà bán mất bán

rẽ, thì tuy gốc bởi Lành, mà Lành không vào được cho mỗi người. Người giàu sang quyền tước thì lại được trước, còn một đám dân nghèo kia thì tiền đâu có mà mua cái Lành. (Ôi ! quyền tước xưa nay bán mua đả đánh, mà hôm nay cái Lành (bởi đạo-đức) mà cũng bán mua nữa, thì là tệ thái quá).

Tôi vì thấy cái mối Tệ ấy, nên mới đứng ra mở Pháp-môn thí là đem cái Lành ra mà cho không, đả là một việc chánh-lý mà lại không làm Hao đến ai, mà cũng không bày cái khó dễ cho ai nữa, thì tức nhiên phải có cái phản đối, phải có cái tật đổ về sau này cùng cả chi đạo khác.

Tôi xin nguyện, kể từ đây, làm làm sao cho thiên-hạ rõ biết đạo Phật là đạo chánh, và phải hành đạo cách nào dễ cho cùng nhau đồng trở về nguồn cội, khỏi lầm lạc nữa. Tôi cũng dư biết, hễ ăn no rồi thì lo việc nhà, ăn no rồi thì lo phần thanh tịnh, vì có câu : Nhứt nhứt thanh nhàn nhứt nhứt tiên. Thế mà sao lại phải ra lo lắng chi cho cực nhọc, người ta tu không tu cũng không cang gì đến, phải khuyến dụ đầu này, phải phở cáo đầu kia, làm cho rộn lòng hơn dân làm chi vậy. Cúi xin nghe rõ : Vả chẳng từ khi mở khai Trời Đất đến giờ, cái nòi giống dân An-nam ta là đứng một thứ dân Ấp-Chót cả. Đạo mở khai dân chúng thì mở nơi Ấn-độ, nơi Trung-huê, nơi Âu-châu, theo kinh sách truyền lại thì dân người ta trước đã được nếm cái lành mà văn-minh tấn bộ và cũng lắm người tu-hành thành chánh quả. Cái dân ta đây là có biết cái đạo là cái gì. Xét câu : Thiên-Địa tuần hoàn, thì dân ta trải mấy mươi thế kỷ trước, chắc cũng là dân một nước văn-minh hùng biện, hơn vì bị sự tàn bạo, hoặc ngược xuôi chi chi đây nên Trời đất mới diệt, rồi đọa đày cho đến kiếp bây giờ, hôm nay mới vừa được chút tiến bộ, thì có đạo lộ lộ ra, để dạy dân chúng. (Răn trước dạy sau, ấy là cơ mầu nhiệm của Trời Đất). Nếu dân ta mà biết rằng : Đạo là để mở khai dân chúng, để tấn hóa cho nước nhà, thì hơn dịp lúc này đạo ra đời, ta khá giữ đạo, thờ đạo cho hết lòng, cảm động lòng Trời, có lẽ nước ta sẽ lần lần trở nên văn-minh và liệt-cường như các nước. Nhưng mà đạo thì thường có tà có chánh, phải lấy trí mà phân biệt, đừng sa nơi chước cám-dỗ của ai, như vậy mới gọi dân có kiến thức, như vậy mới trông thoát kiếp. Nói rằng : nước

nào giữ đạo chính chắn, thờ đạo hết lòng, thì cả nước đặng thanh hành; như Âu-châu thờ đạo Thiên-chúa, nước Trung-huê thờ đạo Khổng và đạo Phật, nước Ấn-độ thờ đạo Thích, thì cả ba nước có phải là dân giàu nước mạnh và văn-minh chẳng??? Còn nước Nam ta nói rằng cũng có đạo (đạo Phật bên Tàu đem qua), nào là lập chùa lập miếu, nào là thầy cả, thầy con, chùa-chiềng rân rât khắp xứ khắp quê, đâu đâu cũng có chùa Phật, mà bấy lâu sao không thấy về nước có gì là gọi thanh hành, không thấy có ông Hòa-thượng nào mở mang cho nước, không thấy có ông Kiết-ma nào dạy bảo cho dân lành, duy chỉ thấy mấy ông giỏi có một việc là đi làm đám. Thế thôi! Giữ đạo như vậy mà biểu sao hơn dân mở mang được, bởi thế mà đạo Phật, pháp Phật mới bị chôn vùi tự bấy lâu, làm cho đến ngày nay các chi đạo khác nương theo luồng gió bẻ măng áp ra đời, áp chế và nhận dè đạo Phật hơn nữa. Có phải lỗi tại nhà Thiền chẳng??? Bá-tánh nghĩ sao???

May mắn thay! Đạo Phật đã là cao thượng, thì tức nhiên có phép nhiệm màu để sau cứu cái chẳng may ấy. Là Phật tổ Thích-ca riêng để dành cái Pháp-môn « Tịnh-độ » lại một bên, cho ra đời ngày nay, lại đã lựa riêng một bọn dân kia, để sùng bái đạo Phật lại, (tức là Chấn Hưng Phật Giáo hôm nay). Quã là một bọn cư-sĩ tu tại gia đó. (Vị như một đời loạn ly kia, mà mấy ông tiên dạy sẵn một bọn học trò tiên để sai xuống mà giúp nước lại vậy).

Thì chơn đạo đâu có mất, đạo Phật đâu có lu lờ nữa mà từ đây sẽ lần hồi qui phục như mấy thế kỷ trước.

Pháp-môn Tịnh-độ Nhà-thiền bấy lâu nay cũng có vậy. Nhưng độ lại cái Tịnh-độ của tôi thì khác xa lắm. Nhà-thiền làm Tịnh-độ, nghĩa là niệm Phật theo công cử, sám hối theo sóc vọng, chớ đâu biết được phép 30 vạng Lục-tự và vãng sanh. Mà Nhà-thiền cũng không biết sao mà Tịnh-độ Hữu-vi, sao mà Vô-vi, họ biết có phép tham thiền theo 36 cách xưa nay vậy.

Còn cả chi đạo khác, nghe nói phép tu Tịnh-độ thì cho là bực hạ-thừa, nghĩa là một sự tu hay về có một việc niệm Phật, lại niệm có: Lục-tự Di-da không, dễ quá, làm sao thành Phật đặng.

Ấy chẳng qua vì Tịnh-độ mới ra đời, cái Pháp-môn tuy cũ mà như mới, chưa phổ-cáo được đủ mọi nơi, kể ông Trần-dại-Nhơn lại vội vãng sanh gấp, tưởng Tịnh-độ phải bị bẽ lại, chẳng dè có đệ tử người có đủ tâm-pháp và lời khẩu truyền, ngày nay nối cái được Ngài mà truyền bố ra mở rộng ra, thì Tịnh-độ tuy là nhỏ vậy, mà muốn cho nó to lớn khắp bầu trời đất cũng được. Vậy tôi quyết chỉ cho người biết phép phật là cao thượng và chánh lý vậy. Thật là cũng nên gọi ; chấn hưng Phật giáo luôn thể.

Tôi đã có nói phép niệm Phật hay hơn các phép, cái câu lục tự : Nam Mô A Di Đà Phật là một câu dễ cho người :

Nhứt tâm bất loạn, chuyên niệm đủ số 30 vạn, thì Phật Di-Đà xuống thọ ký. Rồi làm qua vãng sanh; còn lâm chung Phật mách bảo trước, xuống rước hồn về Cực-lạc làm dân Phật mà tu thêm. Ấy là Tịnh-độ Hữu-vi vậy.

b) Gắn chí công phu, mười trắng luyện tập, rèn nên Xá-lợi-Tử tròn vóc, hóa được mình vàng chẳng hoại, là bậc Đại-giác-kim-tiên, là Phật vậy.

Ấy là Tịnh-độ Vô-vi đó.

Tịnh-độ, chữ Độ là chữ thổ có chấm, nghĩa đất tịnh (cảnh Phật), nghĩa này theo Nhà-thiền.

Còn Tịnh-độ mà giải nghĩa theo Đại-đạo Vô-vi, thì cao xa lắm lắm. Tịnh đây tức là mình tịnh cho thân mình, mây trần bỏ ráo, ly gia các ái, mà được thời tịnh đốc (calme absolu). Độ là độ cho mình, công phu luyện tập (luyện kỹ), thuỷ hĩa giao cấu, kết nên Thánh-thai, diệp phục như thị, xuất vi Phật-tử, tức là thân ngoại hữu thân, tức là đặc đạo đó.

Phép tu Tịnh-độ Vô-vi chẳng phải ai ai làm cũng được. Phải là người đại chí khí, đại căng, đại phước, đại đức, thì cửa Thiên-Đàng mới mở ngay cho. Ví như muốn qua bờ sông kia, thì phải tập lội, chìm nổi lặn hụp, rồi mới qua được, chớ chẳng phải nhảy một cái mà qua tới bờ. Còn muốn lên non cao, thì phải dày sành đạp sỏi, tuông chông lược gai, đi từ chút, bước từ hồi, mới trông lên tới chót núi, chớ chẳng phải bay một cái mà tới được.

Thì cái « Tịnh-độ Hữu-vi » như là cái cầu dễ dùng mà qua « Vô-vi », như khúc đàng nổi, như khúc cây thập hai đầu lại vậy, tức là lúc ban sơ phải tụng kinh niệm Phật,

hết lòng lập nguyện, lập chí, chứa đức, như may cảm động lòng Trời Phật thì tự nhiên có Chơn-sur điềm đạo « Vô-vi » cho, chớ tùy lòng mình muốn không được.

Như phần số không được phần đắc-đạo hiển hiện thành (Bồ-Tác) thì công tụng kinh niệm Phật bấy lâu lại được phần Vãng-Sanh (Vãng là chết, Sanh là sống, nghĩa là chết cái xác phàm trần, sống cái linh hồn về nước Phật, liên-hóa hóa thân, làm dân xứ Phật, tụng kinh tu luyện thêm mà thành Phật).

Như vậy, tu phần nào cũng có kết quả, chớ chẳng phải nghe nói « Vô-vi » thì vội ham muốn, mà dòm lại thì chưa có làm « Hữu-vi » trước, ví chẳng khác như gặp cục vàng lớn quá, muốn vát về xài mà vát không nổi, nếu ráng quá sức thì thiệt mạng, bằng tiếc của dời rồi đứng đó ngó hoài hay sao ??? Chi bằng kẻ một miếng đem về xài dờ, đừng tham cục nguyên, mà rột hồi không có gì hết.

Tôi dòm thấy có nhiều người chẳng phải tu hành gì, nhưng mà cả đời duy biết có làm lành lánh dữ, khảo cứu các thứ kinh quyền, nhờ xem kinh mà thông hiểu mỗi đạo, nhờ đọc sách mà phát huệ nhiệm mùi đạo, rồi tự nhiên không thêm tụng kinh niệm Phật, để lo tìm cho ra cái Đạo-Cao, quyết chí tu cho thành chánh quả liền. Thì chẳng khác nào như muốn nhảy một cái mà qua cho tới mé sông kia. Ôi! có đi tầm đạo cho già dời, chết rục xương, cũng tầm chẳng ra đạo. Phải biết môn « Tịnh-độ Vô-vi » là môn khó nhứt, phải xa lánh hồng trần, xuất gia đầu Phật, một mấy Trần đừng cho nhiệm ; rồi công phu luyện kỹ, mới là đắc quả thành đạo.

Ấy vậy, muốn bước vào chơn đạo thì thông thả mà bước từ bước, như vịn từ nấc thang mà leo lên cao. Vì đức tốc bất đặc mà uổng cho một kiếp thân-sinh. Nhứt Thất Nhơn Thân Nan Tái Phục.

Như mình quyết chí tu hành, mở niệm thì Trời Phật biết trước, ắt tất nhiên sẽ ủng hộ, khiến có người mở đạo cho mình. Y như sách nho nói : Nhơn Tâm Sanh Nhứt Niệm, Thiên Địa Tắt Giai Tri, thì lo gì tu không thành.

Chớ nói ngay ra, thì đạo ở nơi mình, tự mình mà thành ra đạo, nào phải ở đâu xa. Mình nói rằng mình đi tầm đạo, nói ra nghe như khoe mình là mộ đạo, rồi kỳ trung có

người các cứ hỏi đạo ở đâu mà tìm? Chỉ cho tôi tìm vớ rồi nói sao??

Thôi, hôm nay đã vì chúng dân tất cả mà mở đạo, thế phải vụ tất cho hoàn-toàn. Tôi chẳng nệ chút tài hèn, nguyên phân giải cho hết lý chánh.

Đây xin luận về môn « Tịnh-độ Hữu-vi » trước, nói cho có đầu đuôi, khởi vào chơn đạo làm sao, rồi lần qua « Vô-vi » làm sao.....

*
* *

NÓI VỀ TỊNH-ĐỘ HỮU-VI

Kinh sách in phát ra cũng nhiều hiệu nói về Tịnh-độ, đây tôi xin dẫn sơ lược phép Hữu-vi mà thôi, mà có phép Hữu-vi, mới có Vô-vi, có trước mới có sau, cũng như cái cây có gốc ngọn vậy.

Phép tu này, tóm gộp cả hai lại, thì thâu về có 6 chữ là Nam Mô A Di Đà Phật, nghĩa là chủ trương duy có gởi thân cho Đức Phật A Di Đà, là Giáo-tổ (Phật chúa tể), cõi Tây-phương Cực-Lạc.

Con người sanh ra ở đời, bị ngũ trược ác thế, bởi tình lục dục mà ra. Đầu bối trong thân mình có lục căn vận chuyển, là Nhãn (mắt). Nhĩ (tai) Tỷ (mũi) Thiệt (miệng lưỡi) Thân (mình) Ý (ý tưởng), hẳn là 6 căn bịnh thậm trọng vậy. Phật ngài đại thần thông, cho chúng sanh 6 vị thuốc. Nam trừ Nhãn, Mô trừ Nhĩ, A trừ Tỷ, Di trừ Thiệt, Đà trừ Thân, Phật trừ Ý, bằng mà lục căn trừ được rồi, thì ngôi Tiên Phật đâu có xa.

(Lục-tự Di-Đà giải nghĩa về Vô-vi thì cao xa lắm, xin xem tới),

Nhắc sơ lại, hồi Thầy Tam-Tạng qua thỉnh kinh bên Tây phương, khi ra về Phật-Tổ kêu lại mà dặn riêng rằng : « Người về nhớ tâu lại vua Đường, vì nhơn dân làm nhiều tội lỗi, nên có lắm tai ương trong nước, bằng ai biết ăn năn chừa cải, nguyện vái làm lành, thì cũng được tiêu tội. Ấy vậy ta cho người biết cái cách Sám-Hối, cho trùng phép, là một năm có 12 kỳ, mỗi tháng có ngày có giờ mà chư Phật hội tại hướng nào, đặc bàn hương án ngay hướng đó, đọc bài Sám-Hối của ta cho đây, thì được tiêu tội mỗi lần la mấy kiếp vậy !

Thế cho nên Pháp-môn Tịnh-độ nhờ có phép Sám-Hối làm đầu cũng như phép rửa tội vậy, sạch sẽ rồi mới tu hành, rồi kỳ trung mỗi tháng mỗi y ngày y giờ mà Sám-Hối luôn luôn, thì tội gì cũng sẽ lần tiêu như nước đá.

Ai muốn tu theo Tịnh-độ thì lựa ngày nào nhằm Sám-Hối mà phát nguyện và qui-y luôn, có Hội cả chư Phật chứng minh cho. (Xin xem cuốn kinh Tịnh-độ-Tông in lần thứ nhì tỏ rõ lắm, và chỗ Nhựt-khoa và kinh tụng thì in chữ lớn bằng hai, mấy ông già dễ coi lắm, cúi tháng Octobre này thì xuất bản, ai ở xa muốn thỉnh thì nhờ gởi theo 6 xu cò. Lại có tượng Phật sẵn, đủ ba cõi, khỏi thỉnh của khách-trú tốn tiền, mà lại họa sót. Xin nhớ một điều, là tôi bày sự gì ra cũng không muốn cho thiên-hạ tốn tiền, mà lại những kinh sách nào của tôi xuất bản thì phát thí, phải coi chừng những kẻ vô tâm từng dậu mà bán kinh nên tôi có lời rao này làm tin vậy. Cúi xin Thiện-nam Tín-nữ biết cho).

Phép qui-y này không cần có thầy bà gì (mà như có ai tu Tịnh-độ rồi rước họ tới chỉ giùm càng tốt) một mình lập bâng xong rồi, thì treo bức tượng Tam-thế-Phật lên, quì xuống vái mà đọc bài Sám-Hối (cả nội nhà cũng nên ăn chay và Sám-Hối luôn thể, dầu tu không tu cũng hùn tiêu tội được vậy). Đoạn vái tên họ rành rẽ, rằng mình phát nguyện qui-y theo Tịnh-độ, nhờ oai thần ơn được của Đức Phật A Di Đà rước linh hồn mình sau khi lâm chung được vãng-sanh về Cực-Lạc, bỏ dứt cái kiếp luân-hồi, được liêng hoa hóa thân mà tu thêm nơi cảnh Phật.

Nhơn hữu thiện nguyện, thiên tắc từng chi, tức thời có ông Hộ-Pháp đem cái thành tâm mình về mà tấu với Phật, thì ắc đặc kỳ nguyện, đừng tưởng rằng làm lấy có, mà không ai chứng cho mình.

Rồi mỗi ngày mỗi coi cuốn Tịnh-độ-tông mà làm theo, mơi và chiều 2 buổi cúng tại bàn Phật. Như hay chữ thì làm Nhựt-khoa (có chỉ chỗ nào khởi sự tới chỗ nào hết và có giải nghĩa từ câu kinh), như biết chữ chút ít, thì là Nhựt-khoa-thập-niệm, còn như dốt đặc, thì cứ niệm Nam Mô A Di Đà Phật không vậy, cũng thờ cũng cúng hai thời đủ vậy. (Nhựt khoa dễ đọc ráng học thuộc lòng, đọc cho mau, quen rồi mỗi bữa chỉ mất có một khắc đồng-hồ vậy thôi, tưởng cho ai có ràng buộc nhiều việc, nhưn cũng được.

Rồi còn kinh Di-Đà thì vài ba hôm có rảnh sẽ tụng một biểng, hoặc ngày sóc vọng tụng cũng được, ai có muốn cầu siêu độ thì mỗi đêm mỗi tụng. Kỳ dư các kinh khác, vía ông nào tụng kinh ông nấy, ấy là ai muốn thì tụng, chớ chẳng phải tụng cho đủ hết mà được nhiều phước, còn không tụng đủ hết mà ít phước, cứ đi đứng nằm (nằm nghiên) ngồi mà nhớ hoài hoài trong tâm cái câu lục tự, thì đủ.

Khởi cáo đầu, các tóc, như vào chùa qui-y vậy. Còn bức tượng thờ, cũng khởi khai quan diêm nhân, cũng không cần gì nhỏ lớn hay hoa hòe; linh tại ngã, bất linh tại ngã, treo lên lạy một lạy, đem hết tinh thần của mình (sự thành tâm) gom vào cả bức tượng, thì tự nhiên linh hiển.

Vả lại sự thờ phượng có ích lắm, đừng tưởng như nhiều người nói rằng thờ trong tâm, không cho dọn bàn treo tượng, hoặc có nhiều nhà biếu thờ hương Tây, họ sợ dọn cái bàn xéo, không ngay giữa nhà, sợ coi không dặng, ấy là họ muốn chung diện theo cái nhà, chớ chẳng phải tu hành gì. Không chịu thờ, tức là làm biểng, sợ mất công cũng lạy và sợ tổn nhan đền, nên nói thờ trong tâm. Phải biết, trong nhà mình có thờ Phật, là mình người giữ đạo Phật (như mấy người giữ đạo Thiên-chúa ai ai dầu nhỏ lớn gì cũng có vọng bàn Chúa trong nhà hết, bước vô nhà thì biết ngay họ giữ đạo gì), mà mình có thờ Phật trong nhà thì tự nhiên có Thánh Thần giảng, cơn tà ma quỷ my làm lộng, cơn tai bay nạn gởi, cũng kiên dè lánh xa nhà mình, không dám xấp nhập bất tử. Mà rồi như tâm mình còn tà-vọng, mỗi ngày qua lại trông thấy đến bàn Phật hoài, thì cũng lần lần giải được, đôi dũ hóa ra lành. Như vậy thờ trong tâm là quý, hay là thờ ra ngoài là quý??

Khi mình lập nguyện Sám-hối rồi, thì kể từ ngày đó mình đã giao mạng làm con của đức A Di Đà Phật, đi đứng nằm ngồi một lòng tưởng đến, chừng nào đến niệm đủ 30 vọng như « luật Tịnh-độ », thì ngài hiển mạng thọ ký (làm dấu) cho mình tin. Mà lại cơn sanh tiền đây, ví dầu có sự gì tai nạn, thì có Thánh Thần ủng hộ phò trì, còn đến cơn gần lâm chung biết được trước, thì cái hồn trong sạch sẽ được về Cực-lạc liêng hoa hóa thân, vắng sanh hiển hiện có người thấy, chớ không phải chết êm, rồi nói vắng-sanh. Vậy mới rõ: Hoàng-thiên bất phụ đạo tâm nhơn.

Thì tu mà có cái gì trông cậy về sau mới tu, chớ tu mà lu-bù, thì uổng một kiếp thân sinh, uổng công ăn chay niệm Phật.

Còn muốn biết rõ sự linh hiển (ấn chứng) hay không, thì tôi xin thuật lại một vài chuyện đời nay, đâu có bằng cứ hẳn hoi đó, nếu tôi dám thêm bớt tôi sẽ phải đọa Địa-ngục.

Trước hết tôi tự-thuật sự phát nguyện của tôi, rồi lần lần tới mỗi người khác.

« Cách 10 năm nay, tôi nhờn vì mua bán lỗ lả, buồn mới đi châu-lưu khắp cả toàn cầu. Đi đến nước Ấn-độ lại khiến tỉnh về 2 ông Phật Di-lạc », rồi tự nhiên lập bàn thờ, rước thầy chùa về tụng kinh niệm Phật khai quan điểm nhãn, thờ phượng hẳn hoi. Thờ mà thờ chơi vậy, vì thầy chùa tụng rồi cứ việc về, không dạy bảo sao hết, nên không biết ăn chay và tụng kinh niệm Phật là gì, mà không biết tại sao khi không phát tỉnh ra thờ Phật, nội nhà cũng lấy làm lạ. Được một tháng có người tới chơi, xem thấy hai ông Phật ngộ, đòi thỉnh. Tôi cho thỉnh, rồi tự nhiên dẹp bàn thờ. Tối bữa đó ngủ nằm thấy một điềm chiêm bao rất lạ.

Tôi nằm chiêm bao thấy một con Ếch-Bà to lớn, nằm trọn căn nhà giữa, miệng há đỏ lòm và la Nam-mô A di đà Phật lớn lắm, làm cho tôi phải niệm theo lớn vậy, cho đến đôi nội nhà nghe được mình thức dậy chạy lại kêu tôi, thì miệng tôi vẫn còn đang niệm.

Tuy vậy chớ tôi cũng không biết điềm gì lành dữ, nhưng mà tôi có nguyện từ đó sắp lên không ăn thịt con ếch, thế thôi.

Vài tháng sau, bữa nọ nhờn đi dự tiệc của một người Tây, có dọn đĩa ếch chiên, tuy nhớ lời nguyện, mà sợ người Tây phải dị nghị, nên ăn phứt.

Kể từ ngày đó khiến ra trước hết sanh tật uống rượu nhiều, sanh tật chơi bời đắm sa hoa nguyệt, xài phá nhiều của tiền rất lãng, rồi lại kéo qua cờ bạc, thua hoài, phải bán nhà bán đất, sự nghiệp điêu tàng, cảnh gia đình rối rắm, lại còn mang bệnh ghềnh Á-phiện. Rồi ít lâu, khiến ra vợ chết, con chết, kể mẹ chết, liền liền ba cái tang trong một năm, ôi, làm cho tôi hết sức bái xái nợ nần từ giã

lắm thân hôm nay đau mai mạnh, và lại mất sở làm rằng khác.

Buồn lòng mới sanh kế, kiếm một ông Thầy Bói giỏi, có nghề ngải châu-giang, tính chuộc phương phép hay về bỏ một người.... mà lấy ít ngàn đề tiêu xài, liệu tốn vài ba chục mà cầu một số bạc lớn. Gớm chưa!

Thầy Bói đang cuộc xong là 30\$, đoạn xủ quẽ. Quẽ ứng rằng: «chư vị nói tuổi này cốt là đệ-tử của Phật-màu chuần-đề, hơn vì đi hái hoa đánh rơi, mất hoa về ngồi khóc, bỏ tụng kinh niệm Phật nên phải bị đọa là ba kiếp rồi, kiếp nào cũng tu lạng xạng không trọn, kiếp này sao không hối ngộ, lại còn mong chước cướp giựt của người, đã bị phạt nhân tiền đây mà sao không tởn, nếu không ăn năn chừa cải, lo tu hành thì số vô thường khó lánh».

Tôi nghe nói giực mình, mà ông thầy cũng thôi đoán cuộc, khuyên tôi thôi thì về tu hành đi. Tôi hỏi làm sao tu thì ông thầy nói ông là thầy Bói thầy ngải mà biết đâu chỉ xin về vô chùa qui y, hay là thỉnh tượng Ông tượng Bà về nhà mà thờ cũng được.

Tôi ra về, ngụ ý vào Cholon thỉnh một bức Bà Quang-Âm, về nhà không có bàn, thờ trên đầu tủ đứng, sắm lễ vật, coi ngày qui-y lại đi thỉnh được về một cuốn kinh Phổ-môn, một tháng tịnh ăn chay 2 ngày còn kỳ dư thì mỗi bữa uống rượu đã vậy cũng lại tiệm hút đã vậy, rồi về nhà cầm cuốn kinh, ba ngày mà cũng ráng bữa nào đọc hết bữa nấy, còn trong tâm thì không để ý gì là tu, dường như làm trả nợ quỷ thần vậy.

Vừa được trót tháng, bữa nợ đi hút về, gặp người bạn cũ lâu đời, bắt sua lại lo le xâu chuỗi (18 hột) ra tôi mới hỏi cái gì, thì mới hay người bạn này là tu-hành trường trai, tu về Tịnh-độ.

Người bạn theo về nhà, điềm chỉ ông Trần-phong-Sắc, và chỉ luôn cho tôi tu Tịnh-độ. May mắn thay, tôi nghe xong bức thì dọn bàn Phật, thỉnh tượng Tam-Bảo về, hai người luôn cuối lo lắng, bày kinh Tịnh-độ ra là cuốn Lão-Nhơn, nội ngày ấy phát nguyện luôn, nhằm ngày mừng tám tháng mười là ngày Niết-Bàng, tôi vái vang xin qui-y, và đại nguyện ăn chay trường luôn ngày đó, mai ra nào là rượu thịt nào là cờ-bạc, nào là hoa-nguyệt, nào là hút xách đều

buông tuộc hết một bữa, rồi tự nhiên ăn chay trường luôn cho đến bảy giờ, không đau ốm chi hết, mà nhẹ nhàn thân thể, dùng cắt một gánh đầy trên vai quăng hết một lượt vậy.

Từ đó, phát tâm tụng kinh niệm Phật hết lòng, mỗi ngày mỗi làm Nhứt-khóa trì lục-tự, niệm vãng sanh, tụng Di-Đà tụng Phổ-môn, tụng Đại-Bì, mỗi ngày hơi thì tụng Minh-Thánh, mỗi ba mươi thì tụng Táo-Quân, Rằm và mừng một thì tụng Kim Cang, thêm dồn vào Tý Ngọ Mẹo Dậu mà luyện Chuẩn-Đề và Kim-Quang, nói-tóm lại là tu lung lắm, không sót món nào, thêm đi đứng nằm ngồi nhứt tâm tưởng Phật.

Nói trở lại, khi vừa được bảy ngày, được đầu mười ngàn lục tự, thì nửa đêm nằm chiêm bao thấy một ông Thầy-chùa tốt tươi, đầu bịt khăn nhiễu đỏ lói mới tinh hảo, tay cầm quạt lông, diện mạo khôi ngô, nước da trắng nõn, mày mắt sáng rỡ, ngồi tại bộ vàng mà rằng: Bần-đạo là Huê-thượng ở chùa Bà-Hom, nghe nói hai vợ chồng tu hành, nên đến thăm và khuyên khá giữ lòng tu niệm cho bền thì sẽ thấy ứng nghiệm, đoạn vỗ vai rồi từ biệt ra đi.

Sáng ra tôi thuật chuyện lại, mới hay ông ấy là thầy của vợ tôi, mỹ danh là ông Trần-quang-Hỷ, tịch đã ba năm nay. Tôi hỏi lại ông Trần thì mới hay là Phật thọ kỳ. (Có nội bảy bữa) tôi liền làm bài vị mà thờ.

Kể qua một tháng, tôi nằm thấy linh ông Quan-đế xuống tại nhà, kim giáp hấn hỏi oai nghi, ngồi tại ghế giữa, kêu tôi mà dạy rằng: người khá ráng tụng Đ. B. cho thường, đề mà trị tà ma quỷ mỵ, tụng cầu siêu và tẩy uế, lại trị bệnh hay nhứt. Nhớ và ráng mà học thuộc lòng.

Rằm tháng chạp kể đó, thì lại thấy mình qua Nam-Hải, nơi núi Phổ đà, cao vọi sum sê, mênh mông biển rộng, có Phật-Bà, hiện đứng giữa biển, mặc đồ trắng, hào quang chói sáng lòa, kêu tôi biểu tắm biển. Tắm xong, lại chỉ cho tôi một chiếc thuyền con, ở xa có một Á-Xâm chèo lại, dòm thấy chiếc thuyền không đáy. Rồi lại hiện ra một cái cầu móng rất dài bắt ngang qua biển nhỏ như đàn rầy xe lửa chỉ tôi coi mà nói rằng: cầu này xưa kia Tam-Tạng đi qua thỉnh kinh, và Tôn-đại-thánh chạy qua chạy lại không biết mấy lần. Xong rồi, thì đưa tôi về nhà.

Một hôm nữa, nhắm mồng một năm thấy có tiếng người con gái kêu ngoài cửa như vậy: Phật-Bà Quan-Âm dạy cho đôi hai vợ chồng thầy Muôn lập tức.

Via vợ tôi nghe kêu, thì sữa soạn bắt thùng nấu nước, được tắm sạch sẽ mà đi, mới luôi cuối thì nghe tiếng giầy lép bẹp trước nhà, chạy ra dòm thì thấy một người đòn-bà cao lớn, ăn mặc đồ xam, gương mặt hào quang chói sáng lòà, thấy dưới chun có mang đôi giầy hạ đỏ lỏm, vừa phát rềm bước vào, thì đồng-hồ đồ ré, làm cho dục mình thức dậy, lạnh mình và rớn ốc cả. Còn vợ tôi ngồi mà nghe trong cổ có ai đọc Nam mô Quan-thế-Âm bồ-tát, làm cho cả nhà không ai dám ngủ, đồng nhau hồi 12 giờ khuya, dậy rửa mặt thay áo vào Am mà lên nhan đèn tụng Phồ-môn. Rồi ngủ lại thì không thấy gì nữa.

Có một sự nầy đáng tinh hơn, là từ ngày tôi qui-y rồi liền lập đàn mà cầu siêu cho bà mẹ, mỗi đêm tụng Đại-Bi và Di-Đà, cầu cho mẹ tôi mới quá vãng được vài tháng. Tôi tụng được một trăm ngày, bữa đêm đó năm thấy mẹ tôi về tại nhà, kêu mà nói rằng: Mẹ ở dưới Âm-phủ, hằng nghe con tụng Di-Đà, còn mẹ thì trì lục-tự, con khá hết lòng lo tu-hành (không có nói mắc tội gì hay là siêu sanh hay chưa, mà vĩa tôi lại quên hỏi).

Tôi chưa tin chắc, chiều lại tôi nhan đèn đánh lễ lịnh Táo-Quân, cầu xin dắc giùm mẹ tôi về một lần nữa, thì quả khuya lại năm thấy mẹ tôi đi về với một ông mặc mày đen thui, xớt ngang qua bộ vãng chỗ tôi đang ngồi lần chuỗi mà trì lục-tự, vĩa nói đề niệm hết xâu chuỗi sẽ hỏi thăm đủ điều, dè đâu thoát qua một cái rồi đi mất. Sáng ra, tôi biết sự linh hiển, không dám đòi thấy nữa, duy giữ việc tụng cầu bết lòng.

Phần vợ tôi, thì một hôm năm thấy thầy chùa vào nhà, nói rằng Cô sao làm biếng tụng kinh, đánh vào trán một cái đầu lỏ đầu chảy máu. (Cũng là thọ ký)

Tôi còn lắm chuyện, nhưng không lẽ thuật hết e choán giấy.

Hiện thời, thì nội nhà (vợ con) đều tu Tịnh-độ, một người chị cũng có thọ ký rồi. Còn phần tôi, thì nhờ công tu bấy lâu, (ăn trường chay và ăn ngọ) nên may mắn mà được gặp môn Vô-vi, ráng tâm công phu mà đi cho trúng rỏ.

phòng ngày sau sẽ điều độ người đồng chí cùng thoát kiếp trần ai. Hôm nay, giữ lời thầy di truyền xả thân ra đi phò độ chúng sanh, đến cái ngày cái giờ rồi thì tôi cũng xuất gia vào non tu luyện. (Phật đả mách bảo tôi cái ngày cái giờ xuất gia, và có dắt đến xem cái chỗ đề sau này về luyện đạo, tên xứ gì).

Sau này có vài người được thọ-ký và thấy nhiều sự lạ tôi xin thuật lại, để làm tin cho pháp-môn Tịnh-đô là pháp môn nhứt của đạo Phật.

« *Cô Hai, con ông Giáo Hồ-Quang-Ngọc ở Tân-an* » : Cô năm nay lối ngoài ba mươi tuổi, ăn chay trường và cha và con, và đã được Phật thọ-ký cả hai. Sắc mặc (quần hàng áo lụa của Cô bỏ hết) duy ăn mặc theo đạo cô, quần vải áo bông. Cô niệm kinh có hào-quang chiếu ngay mình, đã nhiều lần như vậy,

Có một hôm đốt nhang ngồi niệm hương, trên cây nhang có đức Di-đà hiện kim-thân xuống, rồi lại hiện ra một tòa sen tốt tươi. Ấy là thấy thiết tình, chớ không phải ngủ nằm chiêm bao. Một khi cô nằm thấy Phật dắt cô về cảnh Cực-lạc, rồi cho cô pháp danh Diệu-Thiện, khuyên về tu-hành chính đáng, sẽ được chứng quả.

Còn ông thân của cô là ông Giáo thì một buổi tối kia, đang qui làm Nhứt-khóa, tức nhiên ngọn đèn Huê-kỳ giữa nhà không có thắp, mà bực lên như cháy, sáng lòa cả nhà.

Cô Ba, là Mme Sửu ở Travinh, pháp danh Nhứt-Nguyệt. Mỗi khi cô tụng Nhứt-khóa, thì một hai khi ngó thấy hào quang hiển hiện, và khi cô vừa nằm ngủ, thì hào quang chói ngay mình nơi giường cô nằm, là vì cô mộ đạo lắm. đến lúc sắp đi ngủ vẫn cũng niệm Phật. Có một hôm cô nằm chiêm bao thấy có một người giống dạng người tu, tay cầm một cái cây sơn đỏ lôm, chỉ ngay ngực cô. Vía cô sợ người đó đánh, nhưng mà cây không đụng mình cô; thức dậy cô mới hay là Phật thọ ký cho cô, chỉ ngay và ký ngay tâm cô, cho cô biết Phật chỉ trọng tâm, mà tự nơi tâm mà được thành Phật.

Cô Nguyễn-thị-Kế, buôn bán ở Cầu-ông-lãnh. Nhân ngay vía Phật-tổ, cô nằm chiêm bao thấy ông thầy chùa tốt người và lịch sự lắm, bước vào bàn Phật của cô đang sắp vật hoa quả, để cúng vía, chỉ trái cây mà biếu cô cho. Vía

cô bạch rằng để chờ cúng Phật rồi thì cô đãi tăng, ông gặt đầu cười rồi đi ra ngoài đầu mất. Ấy cũng là Phật hiện xuống chứng quả cho cô. Sáu ngày trước ông Trần vắng sanh, khiến sao cô lại nóng nảy muốn đi viếng ông, chừng viếng rồi, cô lại xin pháp-danh, thầy cho là Trường-cửu. Ấy cũng là Phật căng vậy, vì ông Trần gần vắng-sanh còn ráng cho đệ tử pháp-danh.

Hai người tá-diên của ông Hương-cả Nguyễn-xuân-Long, cư-sĩ ở Thạnh-phủ Béntre. — Hai người này tu bên Cao-dài, mà làm qua Tịnh-độ (vì ở Thạnh phủ nhiều người tu Cao-dài mà xin Tịnh-độ về làm). Một người vào thất bảy ngày, trong lúc đang niệm Phật, có một con rít lớn rớt ngay mình và vẫn cần cồ. Y không lay động chi hết và không sợ nữa, một chút xiêu lại biếng mất. Qua ngày kế, thì ngọn đèn lưu-ly trên bàn Phật rực lửa lên, sáng cả Am, rồi có đức A-Di-Đà hiện kim thân giữa bàn Phật. Cái ngọn đèn lưu-ly giữa bàn Phật nghe nói lại cho tới bây giờ mỗi lần làm Nhứt-khóa thì mỗi lửa, người ngoài muốn xem cũng được. Còn sự này mới lạ và linh cảm lạ dường. Từ khi y xem cuốn Tịnh-độ-Tông rồi, thấy bài luyện Bắc-quái Chuẩn-dề, thì y theo, cất Am riêng (gát cao); đóng thùng kiến, rồi vào luyện. Được ba ngày, y thấy Phật-mẫu Chuẩn-dề hiện xuống với ông Quan-thánh, rõ ràng kim thân, hồi giờ tý, y còn thức luyện đạo.

Y sợ hoản, vụt tuông ra thất mà chạy, làm nữa đêm phát dậy xóm dậy làng, chạy cách mấy xóm, mãi đến 4 giờ sáng y chun đại vô nhà một người Cư-sĩ Tịnh-độ kia, chun tót dưới bàn Phật mà ngồi dưới, làm cho nội nhả cả kinh, vì các cửa nẻo vẫn còn đóng chắc, mà không biết y làm sao chung vô được. Thiên-hạ chạy theo đông dầy, cho y là điên; tới chừng sáng ra lối 8 giờ thì cùng nhau dắt y về nhà, y cứ nói xàm hoài (họ nói y nói xàm, vì y cứ nói chuyện ở Cực-lạc tốt đẹp, Phật vô số, tòa sen lớn, v. v...) Xúm nhau trên 10 người cứ niệm Lục-tự cho y hết điên (đây thật không phải điên), tới đứng bóng thì y vùng la lớn lên rằng: Kia đức Phật A-Di-Đà xuống tới, và nói và chỉ thì cái ngọn đèn lưu ly nơi bàn Phật vùng rực lên sáng lửa cả nhà, ai nấy đều lấy làm sợ sệt mà cúi đầu nhắm mắt. (mấy người này sợ nhắm mắt, phải lên coi có

Ông Phật A-Di-Đà ra làm sao, thật uổng và quê quá) đó rồi y tỉnh lại như thường, thuật chuyện lại rằng Phật rượt y mà bắt, đem về Cực-lạc dạy y phải ráng công tu niệm, đừng ham luyện Bắc-quái Chuẩn-đề, vì y còn tội lỗi nhiều luyện chưa đặng, ráng tâm cho đến 32 tuổi, thì Phật sẽ rước về Cực-lạc, (y năm nay 26 tuổi, tu trường trai mà tuyệt dục, hiện thời đã ly gia, cất Am ra ngoài đồng xa một mình mà tu-hành). Chuyện này mới xảy ra hôm tháng rồi đây, nội Thanh-phú ai ai cũng hay.

Thầy Trần-văn-Chính, Coiffeur-Japonais, ngang gare diên chợ cũ. Thầy đây tu Tịnh-độ vừa được năm sáu tháng, chạy trường, năm thấy A-Di-Đà Phật hiện kim thân xuống tại nhà, to lớn dinh dàng, mắt bằng khu-tô, đi với một con Nai, con nai mõ miệng nói xuống thọ ký cho thầy. Còn mỗi ngày vía lớn, y nói đừng làm Nhứt-khóa. thì dòm thấy có người đứng một bên, mặc quần trắng nõn, mà không dám dòm lên. Còn trong khi tôi nhập thất 7 ngày, có cây y lại giữ chừng giùm ngoài am dưới lầu, thì nửa đêm y mơ màng đang nằm tại vồng dưới thang lầu, thì có người đen thui lại đặc đầu vồng mà kêu y bảo nằm chỗ khác, vì nằm đây động người ta đang ngồi thất. Y hoảng hồn chạy ra nằm vắng ngoài. (Ấy là linh Táo quân ginh giữ người ngồi thất).

Thầy Võ-văn-Điều police Urbaine Tandinh. Thầy rất mộ danh ông Trần-phong-Sắc, mới tu đây mà có lòng giữ đạo chính đáng, sau khi ông Trần vãng-sanh, bữa nọ y nằm thấy bốn thân ông Trần ở hướng Tây, xuống nhà y, tay cầm cuốn sớ, mõ biên tên họ y rõ ràng và nói thọ ký cho y, và khuyên cho y tu-hành cho chính đáng.

Ông Trần-phong-Sắc, hai mẹ con tu về Minh-sur. Khi mẹ con qua đời, ông năm giữ nhà mồ 100 ngày, mẹ về kêu mà biểu ông phải tầm chánh Pháp-môn mà tu, vì người mẹ tu theo Minh-sur đã lâu, có công trường-trai tu-niệm, mà nay không đặng siêu, nên về mách bảo lại cho ông biết. Ông mới bỏ Minh-sur, tầm môn Tịnh-độ, có Phật về kêu mà bảo ông phải ráng phồ-độ chúng sanh, thì phần quả vị tòa-sen của ông bực nhứt. (47 năm trường-trai tu theo Minh-sur mà không thấy gì hết) Ông độ đặng ông chín Hoán ở Tân-an vãng sanh về kêu, rồi tới chừng phiên ông thì cũng

vãng sanh liễu hiện vậy, hôm 24-8, việc gì cũng sắp đặc trước và đi viếng cả thân bằng 10 hôm trước. Ông hứa sẽ trở lại điều độ bá tánh và trong hàng đệ-tử.

Dường ấy, Tịnh-độ Hửu-vi bộ không có ấn chứng sao? Ai chê dễ mà bỏ qua, tôi lấy làm uổng lắm, thật là tu Tịnh-độ thật dễ, mà khó.

Còn lắm chuyện lạ, không lẽ thuật cho choán giấy, ai muốn ngó thấy thì tu theo Tịnh-độ thử coi, chớ muốn thấy, mà không muốn tu thì làm sao thấy được. Vì bằng chờ cho ngó thấy ông Phật hiện ra rồi mới tu, đều ấy là đều vọng ước của kẻ thất trí.

Xin lưu ý. — Vì cái vấn đề thậm trong này, mà có nhiều người hỏi tôi như vậy : Sự cất Chùa, lập Miếu, dựng Hương cúng Điện, và những sự làm chay bố thí (cộng hồi nào đến giờ số bạc hao toán cho trên ngàn muôn) mà sao lại cho là ít phước hơn là cúng tiền in kinh (năm ba trăm bạc là nhiều) mà sao gọi là phước hơn ??

Cúi xin nghe :

Mấy Ông mấy Bà hao tổn bạc muôn phải rồi, mà mấy Ông mấy Bà dám sánh cái công hạnh đó với ông Lương-vô-Đế chẳng ?

Ông Lương-vô-Đế cất 72 cảnh Chùa nguy nga đồ sộ, rước hết thầy các Sãi về nuôi, và trai tăng bố thí, tổn hao cả vạn. Lúc Đạt-Mạ Tồ-Sư ngài đi qua, ông Lương-vô-Đế hỏi Ngài rằng : Bạch Thầy, tôi làm như vậy mà cái công lao của tôi dường nào, a Thầy? Tồ-Sư đáp rằng : Có công hạnh gì đâu bắt quá thì Bệ-hạ xuất cửa kho, tức là của dân mà làm ra, còn nuôi Sãi và bố thí là vì Bệ-hạ sẵn của cải, chớ Bệ-hạ đâu có nhơn thân rình gánh cút gạch nào mà xây Chùa, nhin bữa nào mà trai tăng, bắt quá cuối đậu nấu đậu, mà công hạnh gì. Ông Lương-vô-Đế giận hỏi : chớ làm sao mới có công hạnh ? Tồ-Sư đáp : Bệ-hạ làm làm sao cho có người được vãng-sanh Cực-Lạc, mới gọi là công hạnh, Phật ngài mới chứng thì sau mới trồng đặc quả (Nghĩa là xuất tiền khắc bản in kinh sách cho nhiều, phát thí ra cho cả và thiên hạ, ai ai xem rồi mà biết lĩnh-ngộ, hoặc tu-hành theo mà vãng-sanh, hoặc làm lành lánh dữ mà tu thân sửa mình, ấy là công hạnh đó).

Ông Lương-vô-Đế vì giận sẵn, không thêm hỏi nữa, để cho ông Tồ-Sư từ biệt mà đi mất.

Còn sự dựng Hương cúng Chùa, bất quá là yêu cầu sự lợi cho mình, cầu sự mạnh khỏe, cầu sự phước đức, hoặc làm lấy danh thì nghĩ lại không chút gì công hạnh, cho bằng sự in kinh thí, đã cầu cho mình, mà cầu cho cả bá tánh. Vả chẳng cũng thời một đồng bạc xuất ra, làm làm sao lợi dụng cho mình, mà được lợi dụng cho người, thì mới gọi biết xài tiền.

Phật Ngài nói : Kinh Sách lưu truyền cả mấy đời, tụng niệm được thì người ấy có phước, còn tụng niệm không được mà khắc bản in phát ra cho có kẻ khác tụng, thì cũng như mình tụng, thì phước bằng nhau. Ấy gọi là truyền kinh diên giáo, vì mình làm sự đó không được, mà muốn cho thiên-hạ làm được, ấy là vì lòng nhơn vậy, chớ chẳng phải vát tiền mượn thợ tụng cho mình, ấy tham vậy, cũng như mình đói mà mượn họ ăn cơm giùm thì ai no ?

Tu Tịnh-độ cần nhứt có lúc lâm chung (Phật cho hay trước) đừng khóc, để thanh tịnh mà niệm Phật 10 câu hoặc nội nhà xúm lại tiếp niệm giùm mà đưa hơi thì mới có Phật xuống rước. Vì bằng xao lãng không niệm được câu nào, thì uổng công tu luyện bấy lâu. Cũng như đi học, công thập niên đăng quả nhờ một hội khả vi, thì nếu thi rớt hết chỗ trông cậy.

Về sự ăn chay ai muốn ăn mấy ngày cũng được, hễ ăn nhiều ngày chay thì niệm kinh được nhiều, vì ăn nặng mà niệm kinh thì không được tinh. Rồi lúc yếu mình sẽ ăn chay trường. Sự ăn chay là lánh sự sát sanh, vì lòng Phật nhơn từ, không nỡ ăn thịt thú vật, tức như mình ăn thịt lẫn nhau, súc sanh vẫn là người, mà người vẫn là súc sanh, cũng đồng nhau một tánh hồn. Ngày nào ăn nặng, thì ăn tam-tịnh-nhục, là các đồ làm sẵn ngoài chợ, con cá mua biểu họ đập sẵn ngoài chợ rồi mới đem về : nói tóm lại là đừng đem đồ vật sống về nhà mà làm. Cữ ăn thịt trâu thịt bò cày thịt chó, thịt mèo, thịt cóc, thịt ếch. Còn như rao nhớt-cá thầy-chùa nói là thịt chó mọc ra, ấy là nói huyễn, vì ăn được sứa bò, beure, fromage đều ăn được hết ; nhiều người lầm ăn chay ăn sauce magte (làm bằng mỡ heo và củ-hành), còn bột Nhứt-bồn để bỏ vào canh chay cho ngọt thì lại có nước tóm-khô ở trong. Cây poireaux của Tây (tôi thấy cuốn nấu

ăn chay có dạy) thuộc về tôi, tôi ở vào ngũ huấn, thì phải cứ, vì ăn nó dục dâm.

Người tu-hành trường trai, như mấy ông mấy thầy không nên mang đôi giày da, không mang guốc quai da, không dùng bóp phoi da, không dùng giày-nít da, thậm chí cái lượt gở đầu cũng không dùng lượt sừng. Ấy là tỏ lòng như không nở dùng cái sự đau chết của loài thú, chứ không phải dùng mà có tội lệ gì.

Nói đến đây, tôi lại nhớ tích ông Đại-Hồng-Bào-Hải-Thoại muốn viếng dung hương chùa ông Quan-đế, mấy hôm mà viếng không được, cũng vì còn mang cái đôi giày da mà lên phương trượng. Mấy lần, hễ khuya dậy sớm sửa soạn lên dung hương, thì ngó thấy có ai đã mới đốt hương còn cháy dở nghĩa là đã có người có lòng trước ông vậy. Ông mới hỏi ông trụ-trì, thì người nói rằng : hay là quan-nhơn vì còn mang đôi giày da lên yết kiến, nên lệnh Quan-đế ngại cho phép người khác dung hương trước chăng. Thôi khuya nay, quan-nhơn bỏ đôi giày da, rồi đi cặng không để lên phương trượng dung hương, thử coi có ai còn dung hương trước nữa như vậy không. Quã vậy, khuya bữa ấy đi cặng, thì lên phương trượng thấy không có ai dung hương trước hết. Dung hương và ra mắt đánh lễ xong rồi, ông Hải-Thoại dòm thấy có cái trống Sấm lớn, chỉ mà nói với ông Trụ-trì rằng : đây cái trống này bịt bằng da trâu, mà sao lại được ở nơi phương trượng chầu lệnh Quan-đế, còn ta mang có đôi dép da quèn, lại phải bị quở mấy phen vậy ? Vừa dứt lời, tức thì nổ vang một tiếng, văng mất hai mặt trống.

Đây nói lại phép tu Tịnh-độ, thì luật giữ có ngũ-giải cấm là : Sát sanh, du-đạo, tà-dâm, vọng-ngữ-tu-phiền, kỳ-dư thì công ăn việc làm như thường, việc vợ chồng cha mẹ anh em giữ như thường tình, làm bao nhiêu, ăn bao nhiêu, không ăn của thập-phương mà phải tụng niệm cho họ, mình tụng niệm cho mình.

Còn việc vợ chồng thì phải giữ theo Chương-Tử-Giải-Kỳ nghĩa là hãy coi sự ăn nằm làm trọng, có thì có tiết, cử-ngày Vía cấm phòng, mấy ngày Bắc-đầu hạ-giáng thì ngũ-riêng không phạm mà mang tội, và vô độ thì sanh bệnh.

Phải coi lịch thường thường (1), và biên riêng ngày kỵ cho biết mà tránh. Vả lại, ngoài sự vợ nhà (một vợ một chồng) thì không nên hoa nguyệt ngoại tình, thậm chí người đờn ông mà đi đến chốn thanh lâu cũng có tội.

Người tu Tịnh-độ cũng xa lánh mấy chỗ hí-tràng, chốn đô hội, những sự trò cười điều cợt, e lãng cái tâm, chỉ chí tâm rảnh rang-để tưởng Phật.

Vậy tôi cúi đầu xin :

Thứ nhứt. — Mấy ông già bà cả, ráng làm Tịnh-độ mà nhờ thân. Mấy ông bà đã trải qua một cuộc đời rồi, nường đành lại cho tuổi trẻ, nay rảnh hết lo sự đời nữa, chỉ ở không mà xem chừng cho lũ con sắp cháu nó tấn bộ, chúng nó làm thế cái việc của mình làm hồi đó. Rồi thì ăn no chỉ lo niệm Phật, không mệt nhọc gì, được câu nào như bỏ ống câu nấy, hoặc biểu con cháu nó niệm giùm với, đến con lâm chung khỏi đọa luân-hồi, họa may được theo chơn Phật, có phải quý báu chẳng. Cũng như chuyện của mình thì mình làm vừa ý, mượn ai làm thế sao cho bằng, như mình ngứa thì mình gãi lấy mình, mình đói thì mình ăn cho mình, thì niệm Phật cũng vậy, mình niệm cho mình thì quý nhứt. Đừng kể rằng có của tiền để lại cho con cháu, sau chúng nó lập chùa cầu siêu, chắc chúng nó sẽ làm hay không ? Ví như mượn thợ tưng, thì lại như nước đổ lá môn, không ăn thua gì hết. Chỉ bằng sanh tiền đây, mình làm cho mình có lẽ chắc tay hơn. Cái câu niệm Phật mà có gì khó, dễ vậy mà lại gom đủ cả tánh lành, nhờ niệm ân cần mà thoát nỗi đàng sanh tử, niệm một ngày cũng phải, niệm một tháng cũng phải, niệm quanh năm càng tốt, con vô thường xảy đến, nó cũng kiên nễ, mà lúc xuống Âm-phủ dầu cho có tội lỗi nhiều, thì cũng đem cái ống niệm Phật trúc ra mà chuộc mớ nhảm. Chớ bạc vàng của cải đem theo được không, hay là nói để gỏ dây-thép về Dương-gian cho con cháu nó gởi xuống mà chuộc tội.

Thứ nhì. — Cái khuyên những trang sồn sồn nhứt là bạn Âu-học, những viên quan Thờ ký, những các sắc thầy thợ, những cu-ly băng-bù, ráng tu về Tịnh-độ. Nghèo hơn

(1) Lịch Tịnh-độ đã có ra mặc rồi, kể từ năm nay là năm Kỷ-Ty. Đủ ngày vía, vía nào cũng thì có đề chữ cúng ở sáu, ngày Sám-Hối, ngày Cấm-phòng, đủ hết.

hết mà chuyên tâm niệm Phật, chẳng phải tôi nói bừa rằng Phật sẽ cho trở nên giàu, nhưng mà nếu nghĩ rằng mạng số ở nơi Trời Phật, mình tưởng có Trời, niệm kinh Phật, có lẽ cảm động ơn trên, chư Thánh chư Thần sẽ ủng hộ (Trời Phật ngó lại) thưng thỉnh cất đầu từ chứt, giàu to không biết, chớ chắc hết nghèo nữa.

Còn nhà giàu sang sẵn tiền sẵn của ấy là nhờ có Âm-đức, hoặc kiếp này, hoặc kiếp trước hoặc của Tổ phụ lưu truyền, trong lòng được vắng lặng, dễ mà niệm Phật, niệm để dành qua kiếp sau, lộn trở lên mà làm nhà giàu sang nữa ; nếu tài có, đức có, thì quý lắm. Thứ niệm Phật mà hao tổn gì của nhà, vì mình niệm cho mình mới quý, nói gì mượn thợ tụng, như mượn họ học giùm rồi rớt hồi coi ai hay chữ. Vì bằng hiu hiu tự đắc với ba cái của cái này không thêm niệm Phật tu nhưn tích đức đồn thêm, thì cơn vô thường xảy đến có đem bạc muốn ra mà lo lót, cũng không đem theo được nhứt quển. Cúi xin xuất bạc ra, lo giúp sự in kinh này cho toàn vẹn, lo giúp sự Chấn-hưng Phật-giáo này cho đàng hoàng, tiền ấy chẳng mất, về Âm-phủ sẽ thấy chất đồng, hơn là bong cả ngàn kho vàng bạc, làm cả trăm đầu phượng, chỉ tiêu tán trong một ngọn lửa.

Còn bậc viên-quan quới-chức, mà niệm Phật được một câu, là dân sự được nhờ cái thanh-liêm chánh trị vậy. Mình làm quan, đủ giàu đủ sang, không thiếu sự gì, duy có niệm Phật mà cầu thêm đức được làm quan cho lâu dài, rồi con cháu mấy đời nhờ cái đức ấy mà nối giòng làm Quan luôn luôn, mà rồi kiếp sau mình lộn trở lên cũng được làm Quan nữa.

Rốt cuộc, giàu nghèo gì giữ đạo đồng nhau, nghèo mà có đạo, hơn giàu mà vô đạo. Sách có câu : Bất dĩ bản cùng nhi đãi đạo, bất dĩ phú qui nhi yếm đạo.

Thứ ba. — Còn bậc thiếu niên, nhứt là bọn học-sanh. Mình là người lo đời mai kinh sử, nữa lớn giúp sự tấn hóa cho nước nhà. Cái giờ chơi giờ nghỉ, niệm Phật để dành đó, cầu nào hay cầu nấy, cầu học cho giỏi, cầu thi cho đậu, trước là báo bổ sự cõm mẹ áo cha (trả hiếu lần), sau là ra đi đứng với đời làm một dãy rường cột cho nước, vinh diệu cho mình, mà vinh diệu Tổ-tông. Đừng ỷ mình học giỏi mà không cần âm-đức, có khi tên đề bản nhận mà phải bị Thánh Thần bói bỏ rồi nói sao thì không đậu vì Trời Phật

hay găm ghé vào các bọn học sanh, đạo được mở khai cũng nhờ mấy em nước nhà tấn-hóa cũng nhờ mấy em nên ta khuyên mấy em ráng mà niệm Phật, cầu Trời, như tập lần cái tánh lành cho sẵn vậy. (Xin coi Giác-thể Tân-tân).

Thứ tư. — Còn các hàng Nữ-lưu, mấy Bà mấy Cô cũng ráng mà niệm Phật. Cầu cho cha mẹ hoặc được thọ khương tại tiền, hoặc siêu rồi dưới chín tuổi, hoặc cầu cho mình đức hạnh song toàn. Mấy Bà mấy Cô thường nghe họ hay nói: Nữ sanh ngoại tộc, đáng lẽ buồn với câu đó lắm chớ. Nói vậy, làm phận Nữ-lưu, không hay điều báo bồ hay sao? Có chồng rồi, có khi nào ông chồng nói để tôi lo báo bồ trả hiếu giùm cho chăng? Ông lo phần ông không xong, có đâu cho mình, vì có câu này làm chứng: Ông tu ông đắc, bà tu bà đắc, bất tu bất đắc. Vậy thì mình lo cho mình hay hơn, mà khỏi cực lòng ông chồng. Khi đi đứng nằm ngồi, sể lén ông chồng mà niệm Phật, không khó gì câu 6 chữ, niệm thấm trong lòng ai nghe. Vái vâng niệm một câu cho cha, niệm một câu cho mẹ, niệm cho cả bà con của mình, hoặc con đứng nấu ăn, hoặc lúc ngồi may vá, khi lên các lúc xuống đài, con nào cũng có người khuất mặt biên chép từ câu Kinh, cảm động cái lòng thảo, thì Trời Phật chứng minh. Cúi xin mấy Bà mấy Cô ráng mà niệm Phật, như hay chữ thì ráng mà xem kinh xem Sách hoặc mua Báo mà đọc những bài luận đạo cho mở mang. (Nhơn bất đọc Nhứt-Báo bất tri thời sự).

Nói tóm lại, Đạo là chung cho cả mọi người, già trẻ bé lớn, nam nữ giàu nghèo đồng nhau. Vì có câu: Sớm mai nghe nói Đạo, chiều chết cũng được siêu.

Vậy, cả thấy ráng đeo theo chơn Phật mà nhờ thân, ráng mà tu theo về « **Tịnh-độ** », là Pháp-môn chánh nhứt của Đạo Phật.

Vì xét kỹ lại, nước Nam ta bấy lâu không có Đạo ra đời, nên dân ta phải chịu làm em út các nước, nào phải một vài ba chục nhà giàu ở rải rác mà đủ gọi nước ta dân giàu nước liệt hay sao. Nếu sánh sự ấy với các nước, như một với muôn, thế nên phải lo giữ Đạo mà lần theo các nước.

Trên Võ-trụ này, thế sự vạn bang giai thị giả. Cha mẹ, vợ chồng, anh em, chúng bạn, bất quá như bầy chim đậu một nhánh ban đêm sáng trời thì bay tứ lán, con nào lo cho

này. Gia thì sự nghiệp của cái bạc vàng, lúc sống rất tranh giành với nhau như buổi chợ búa mai rộn rục, nào ai nhớ đến cái cơn vô-thường kia xảy đến, dầu cho mấy thúng hột xoàn cũng buông xuôi mà đi, có tiếc thì đi thụt lùi mà ngó chừng cho đã, chớ không làm sao được. Như vậy, giành giật tranh đấu mà làm chi?

Có nhiều người, lúc sanh tiền lo làm ăn cực nhọc để của cải cho nhiều nói rằng để hậu cho con cháu. Sự ấy là phải lắm, vì cái trách nhiệm làm cha mẹ phải nặng nề vậy : còn vợ con và cháu chích là chừng mình tạo ra vì như mình lập một sở vườn thì tự nhiên phải vun bón.

Nhưng mà, ví dụ như trong một số bạc một muôn đồng mà tính để lại cho chúng nó nối nghiệp, thì cũng nên truất lại vài ngàn để mua cái Đức, để bạc mặt chừng 7, 8 ngàn.

Như chúng nó biết noi theo gương lành của mình mà lo làm ăn tấn phát như mình vậy, thì chúng nó sẽ gây dựng sự nghiệp một ngày một đồ sộ, thêm, còn cái Đức kia vẫn còn y nguyên để lưu truyền hoài hoài, đời này qua đời kia, cái Đức sẽ trở nên to tát, chắc dòng dõi sau này sẽ làm lời bực gì, chớ chẳng phải làm anh nhà giàu mà thôi.

Còn như rủi chúng nó bị của mình là của chặc đầu lột da mà để lại, rồi chúng nó sẽ xài phá hết mà cất đầu lên không nổi, thì sao chúng nó cũng còn trông cậy nơi cái Đức kia, Đức của cha mẹ để lại với cửa, thì không lẽ phải đến khó khăn mặt kiếp.

Thế cho nên nói chứa Đức hơn chứa của, cái Đức không phải cầm cố được như vườn ruộng, phải bán mất mua rẻ như tài vật, mấy mươi đời lưu truyền được hết, sống đây cất được, chết kia đem theo được.

Xin xem tích này làm gương :

Tích thứ nhứt. — Có nhà phú hộ kia, xưa nay làm giàu nhờ cho vay đặc nợ, nhưng mà cho vừa vừa phải phải, không các cớ ai. Ngày nợ có người bạn đến viếng, ở chơi ba bốn ngày, hơn dịp đó, ông Phú-hộ lấy giấy nợ mượn đi đòi giùm, và dặn đòi được tiền thì coi món gì thiếu ở nhà giùm mua đem về, nghĩa là tự-do muốn mua cái gì đó thì mua, vì nhà giàu có, coi tiền bạc như nước. Người bạn ra đi, tính anh Phú hộ này không còn thiếu món gì, ngọc ngà châu báu đủ thứ, đâu còn thứ gì nữa. Ý bèn lập tâm :

khí đến nơi, đòi ai ai cũng than nghèo than thiếu, và xúm nhau năn nỉ khóc lóc. Y bèn hội hết lại, kêu từ người rồi của ai thì y đốt giấy nợ nấy, đốt hết ra về. Ai nấy mừng rỡ, niệm Phật vang rân. Về nhà, ông Phú-hộ hỏi đòi được không, thì Y thưa rằng có đòi được hết, và cũng mua đồ hết. Phú-hộ hỏi mua cái gì. Y trả lời rằng : Vả chẳng nhà Phú-hộ mà thiếu cái gì, báu vật đầy đầy, duy có thiếu thì thiếu cái Đức, nên tôi mua Đức cả đem về nghĩa là tôi đã kêu các chủ nợ hội lại mà đốt ráo những giấy nợ, họ mừng quá..... Đến sau ông Phú-hộ này chạy giặc, lạc tới xóm thiếu nợ đó, nhơn dân ở đó lên giấu ông trong xóm, bằng không ắc bị giặc giết, rồi hỏi lại mới hay là cái xóm này chỗ người bạn mình đốt giấy nợ năm đó.

Tích thứ nhì. — Cũng một nhà Phú-hộ kia, không phải tu hành gì, ông thì hiền từ đức hạnh (nhà nho), còn bà và lũ con thì cứ cho vay đặc nợ mà làm giàu thêm, không biết bố thí là đi gì. Ngày kia ông đả u nặng, lúc mê sảng, nằm thấy quỷ vô thường vô số, cầm sớ chỉ ông mà nói đã lời sớ rồi. Ông giật mình ghê gớm, kêu vợ con mau mau xuất tiền ra, nào rước thầy tụng kinh, nào làm chay siêu rồi, nhưng mà bệnh lại thậm trọng thêm thì có, lúc gần lâm chung, ông sợ quỉnh kêu vợ biếu cứu, thì vợ chỉ đứng trước đầu nằm mà khóc, kêu con biếu cứu, thì con chỉ đứng dưới chũn mà ngó ; đến cơn ông tắt hơi, hồn xuống châu đức Địa-tạng-Vương, ngài phán rằng : nhà ngươi tuy cả đời hiền lành, nhưng không biết tụng kinh niệm Phật là gì, nên không kết đặng cái lành chút nào. Còn vợ con ngươi thì lo cho vay đặc nợ mà đục lợi, ăn lời quá nhiều mà chẳng chút bố thí ; tội ấy chia hai cho ngươi chịu, đáng lẽ thì ta phạt ngươi phải sa địa-ngục, nhưng nghĩ vì ngươi vô tâm mà lại có Phật cặng, nên ta tha ngươi về, khuyên bảo vợ con làm lành lánh dữ và tu niệm, còn phận ngươi thì phải xa lánh hồng trần, tìm nơi thanh tịnh mà tu hành, có người độ ngươi sẽ thoát kiếp được.

Khi ông tỉnh lại, cả nhà xúm nhau hỏi thăm lẫn lẫn rộn rục, toàn là tiếng thị phi cả. Ông nghĩ lại, cái kiếp chết đây chẳng phải vợ con niếu lại được, không phải của cải cứu lại được, thì lũ vợ con này cùng nố của cải kia thật là có ích quá, cơn vô-thường xảy đến, thì mình chịu lấy mình ; vậy

mà lúc sanh tiền lo làm cho đồ hồi xót mắc, cực nhọc trăm bề; ông bèn kêu vợ con mau mở tủ lấy giấy nợ ra, kêu hết họ lại, nôi lửa lên đốt cháy tiêu ráo (vợ con méo mặt) rồi ông xuất tiền bố thí và mượn khắc bản in kinh, đoạn ông từ biệt vợ con, lên chốn núi non, ăn dật tu luyện, sau gặp chơn sư điềm đạo mà được chứng quả.

Dường ấy mới biết lễ tu hành là quý nhứt, cái phép niệm Phật vô giá, giàu có sang trọng cũng không qua được.

GIẢI NGHĨA MỘT ĐOẠN QUI NGUƠN

Hôm nay, nhơn vì giải lý của pháp Tịnh-độ Hữu vi, mà tôi phải trích lục những bài văn trong bộ Qui-Nguơn ra, trước là cho bá tánh làm tin, sau làm bằng cớ cho đàu có kinh sách đó, chẳng phải chuyện cầu-cơ.

(Vả chẳng bộ Qui-Nguơn này, là của ông Giác-Hải thích nghĩa chữ nho, trọn bộ là ba cuốn, nói về Hữu-vi mà có lẫn Vô-vi. Nhiều bằng ba bộ Tây-Qui, nói lý đạo một cách rành rẽ, Hữu-vi thì nói về phép tu-niệm chính đáng, nghe phải mê phải ham. Còn Vô-vi thì nói về tu-luyện, chỉ cái máy làm Tiên làm Phật trước mắt, nghe qua muốn thành tức thời. Tôi sẽ nhờ sức Lục-châu hảo tâm giúp tôi mà xuất bản ra, để phát thí cho bá-tánh xem nhờ phước chung. Giá in có tới năm sáu trăm bạc trọn bộ, dịch rồi nay còn đề đó chờ).

Khoản nhứt. — Đạo Phật là đạo cao thượng, phép Phật là nhiệm màu, Phật là bậc chí-tôn đứng làm một vị cực tổ ở trên Trời Đất, lập đạo chánh pháp, ở trên tam giáo, xưa nay không sanh mà không diệt, sống đời đời kiếp kiếp, không khi nào hoại nát thân hình. Cái chơn tướng của Phật thì vắng lặng, dầu cho muôn phép gì, Phật luận đến chỗ không không là cùng. Muôn vật kia cao lớn đồ sộ mà đến chỗ hư không đó thì tốt rồi; trăm sông ngàn rạch cũng chảy về biển cả là chỗ cùng, các giáo-pháp đến cái tâm đó là đến gốc, thì hết thấy trông ba cõi Thánh-hiền đến Phật đó là tốt bậc vậy. Phật bày cái tánh Bát-Nhã ra, dụng lòng từ-bi nhân nhục, đem phép trí huệ giáo hóa cho người đời thoát kiếp luân hồi, bằng ai được minh tâm kiến tánh thì đồng thể như Phật.

Khoản nhì. -- Pháp Phật trọng dụng cái tâm, nhờ cái tâm người trong sạch mà dựng thành Phật. Sách có câu: Nhơn chi sơ, tánh bản thiện, tánh vốn lành, là cái tâm vắng lặng vậy. Cái tâm làm ra các loài, cái tâm làm ra có cảnh Thiên-đàng, cái tâm gây ra chốn Địa-ngục. Tâm hay sanh biến, thì muôn việc hiện ra, cái tâm mà bình, thì muôn pháp đều tịnh. Như tâm mình mà không không thì muôn vật kia cũng không không, như tâm mình muốn có, thì muôn vật kia đều có. Kinh nói: như tâm mình sanh thì muôn pháp kia sanh, như tâm mình diệt thì muôn pháp kia diệt, hết thấy việc đời, sự giàu sang, những của cải, đều tại cái tâm dựng ra, đến cơn nghèo khổ khốn khó cũng tại cái tâm mà ra. Cái tâm mình mà trong sạch thì có một khối lầu lầu, được lên chốn Thiên đường thẳng cảnh, bằng cái tâm mà dơ dáy thì chuyển kiếp luân-hồi mà đi xuống Địa-ngục. Con người mới sanh ra, cái tâm sạch trong, đến khi lớn lên bước vào đường đời, thì như áo kia hừng buổi; nhiễm mùi trần, sa mê thói tục, tranh danh đoạt lợi chẳng khác nào như mê một đám hát mà quên về; lặng hụp nơi sông ái hà, biển trầm dỗi dập, các cái khổ nó nhận chìm sanh lão bệnh tử kia đặc vào, thì bao giờ ra cho khỏi cái luân-hồi vậy. Ôi ! bậc Chí tôn lấy làm thương xót, nên bày phép niệm Phật mà quang tỏ cái chơn tâm, cho con người mau mau trở lại nẻo chánh là nẻo ban sơ, đi ngã nào về ngã nấy. Phật ngài đặc ra ba tạng kinh (Tam tạng: Kinh Luật Luận) để dạy dỗ con người, bằng ai mà được tâm trong sạch lầu lầu như hồi sơ sanh, thì cần gì ba tạng, tự nhiên xưng Chúa thánh tôi hiền. Cho nên nho nói: Tâm hành từ thiện, hà do nỗ lực khán kinh, mình không được từ thiện, thì tự nhiên phải xem kinh đọc sách mà lần sửa nhưn tâm lại, thì cái công đức của Phật là bất khả tư nghị, ta nên đề cái dạ ái cảm Phật hoài hoài.

Khoản ba. — Chỉ-đạo là tại nơi tâm con người mà ra, Đạo là có trước Trời Đất, không biết mỗi đầu ở đâu, chẳng hiểu mỗi đuôi ở chỗ nào, thiết trước mà không thấy trước, sau mà không thấy sau, lui không lui, tới không tới, nhỏ thì như hột các hột buổi, lớn thì bao trùm Trời Đất, là Đạo vậy. Đạo gần hết trong ngoài Trời Đất, sâu rộng vô cùng

muốn rộng thời gói hết các pháp giải, muốn chật hẹp thì lột cái kia cũng không bằng, không sanh, không diệt, phát sai nên muôn vật. rõ thấu hết hình trạng, muốn có muốn không, đừng làm ông chủ tạo-hoá, không phải như bốn mùa tươi đỏ, mà cũng không sạch không dơ. ở Nam Bắc Đông Tây, không thêm mà không bớt, muốn thâu lại như mải trần thì nhét hòn Núi Tu-di vào hột cải cũng được, muốn buông thả ra khắp mười phương thế giới, thì bao la thiên địa dường dục quần sanh. Người đời không lo tầm đạo học đạo, để thông thả làm ra danh lợi, dầu mà có danh lợi cùng đem sánh với Đạo, thì như bọt ở trên mặt nước, như sương đọng trên nhánh cây.

Khoản tư. — Người trong thế gian này, giỏi lắm một đời là trăm năm, mà nghĩ lại cũng như nháy mắt, như lửa đá nhún, sớm còn tối mất tan hiệp y như bọt nước. Vì biết sự ở đời mau lẹ như thế, thì khá tu hơn tích đức, ráng niệm Phật tụng Kinh. Những điều khó nhứt ở thế gian là đều tranh danh đoạt lợi kia, mưu này kế nọ để làm ra của, hại lẫn nhau, v. v. . . mà còn làm được cả thấy thay, huốn chỉ sự niệm Phật là dễ hơn hết mà không thêm làm. Kinh Qui-Nguyên dạy: Phải niệm Phật cho thường, một câu Nam Mô A Di Đà Phật đừng cho quên mất, để vào trong lòng, mỗi niệm vậy thường bày ra trước mặt, niệm thường hoài cái tâm không hở, có việc chi niệm như vậy, không việc chi cũng niệm như vậy, khi đau ốm cũng niệm như vậy, khi lành mạnh cũng niệm như vậy, còn sống đây cũng niệm như vậy, gần giờ lâm chung cũng niệm như vậy, đi đứng nằm ngồi cũng niệm như vậy, sắp ngủ cũng niệm như vậy, thức giấc cũng niệm như vậy, một câu niệm Phật này mà được nằm lòng, thì chẳng nhọc khảy móng tay hờn được về lây-phương, nào phải hỏi thăm ai.

Chúng sanh bằng: Dục xuất luân hồi kiếp, tưởng lại có câu niệm Phật này là thứ nhứt. Phật nói: Câu niệm Phật như một tướng dữ phá thành.

Đời nay, có nhiều người muốn hưởng vinh huê phú quý cho lâu dài, mà không ưa làm các việc phước đức. Có nhiều người muốn thác rồi đàng sanh tử mà hưởng phần an vui trên cõi Trời, mà không cần mẫn gắng công niệm Phật, thì chẳng khác nào như chim con kia lông cánh chưa đủ mà

muôn bay cao, như cây kia chẳng gốc rễ mà muốn thành mầu.

Lấy sự trồng đậu lĩa đậu, trồng dưa hải dưa, thì con người đều có như quả; hễ cái hình ngay thì chiếu bóng ngay, cái lòng tà vạy thì sanh làm việc quấy. Những điều này, chỉ cho người đời muốn biết lẽ tu hành chánh đáng phải lo toan :

Mười điều giải-luật : một là không dặng Sát Sanh. Hai là không dặng Trộm-cướp. Ba là không dặng Tà-dâm. Bốn là không dặng Vọng-ngũ. Năm là không dặng thêu dệt lời nói mị. Sáu là không dặng hai lưỡi. (Lưỡng đầu tim). Bảy là không dặng miệng hỗn hào, lời nói dữ. Tám là không dặng Tham gian. Chín là không dặng Sân-hận. Mười là không dặng Si-mê.

Mình giữ cho mình được trọn vẹn, quý hơn là biểu người khác hay mượn người khác giữ cho mình ; kinh Phật dạy rằng : mỗi người dặng mạnh giới sống đây, bền lòng gần chí mà niệm Phật, mình niệm cho mình thì mười phần dặng trọn. Còn như sau mình chết rồi, người còn sống đó có thương tưởng mình mà mượn thợ tụng làm chay mấy ngọ đi nữa, thì công đức cộng duy được cả thấy có bảy phần, chia ra cho người đứng công mượn đó hết 6 phần, còn vong thì hưởng được có một phần, còn ba phần tiêu tán mất hết.

Thì cái sự niệm Phật quý báu là dường nào ?

Khoản năm. — Con người ở đời, phải nhớ hằng ngày, mình có thân thì có Đồ Khổ, Lục đồ là :

Tham gia : nếu làm việc bố thí thì lánh dặng. Qui phạm : giữ cho tròn giải-luật thì khỏi. Sân-hận : nhân nhục dặng thì hết, Tội-mê Biếng-nhát : phải có sự tin chịu và tâm-lĩnh. Rối-loạn : giữ tâm cho an tịnh thì hết. Si mê : học tập tánh tri-huệ thì không có.

Tứ khổ là : Sanh khổ, Lão khổ, Bệnh khổ, Tử khổ. Sanh ra khổ : nhỏ nhít, bò nhẩy, cực nhọc lo lắn cho đến lớn Lão-khổ : già cả, lụm cùm, da dòn gân mõi, lờ lệt. Bệnh-khổ, đau nhức, rên siết, thuốc đắng, miệng hôi. Tử khổ : vật mình, trắng trở, sa Địa-ngục, hành hình, đầu thai.

Sáu pháp (lục đồ) như chiếc thuyền, tứ khổ như Bề ải, thuyền vừa vượt được qua Biển thì bờ đất Tây-phương thấy

liền. Thì khó gì cái câu niệm có 6 chữ Nam Mô A Di Đà Phật mà không chuyên cần, mà về Tịnh-độ cho mau cho dễ. Người sanh trong Thế gian này, như ở trong một cái thành mà tứ giăng lửa cháy vậy, mắc cái nghiệp lành dữ chi đó mới có cái thân này ra. Có người thì đặng trường thọ, có người thì chết yểu, chết non, người thì tàn tật, duyên có sao vậy? Chẳng qua là: lành hưởng nghiệp lành, dữ mang nghiệp dữ, vay vay trả trả, gọi là nợ trái oan. Người sanh trăm tuổi, kẻ sanh một tuổi. cũng không trốn khỏi cái chết một lần, thì cái khỏi thế-gian này như cái « Bến đò » đưa đưa rước rước vậy.

Đời thế-gian này, ai ai sanh ra cũng có ngủ trước ác thế và tam nghiệp chướng đeo dính với thân. Mà cả bao la thiên địa, duy có một ông Phật sức hay cứu đặng. Thế thì chuyên cần niệm Phật, việc dữ hóa lành, Phép niệm Phật hay hơn các phép vậy

Khoản sáu. — Phép cầu sư học đạo, phép niệm Phật tụng kinh, đều ở vào cái Tín, Hạnh Nguyên.

Tín, là tin chịu, tin theo lời vàng, tin niệm Phật, tin vãng sanh.

Hạnh, là khổ hạnh làm theo bồ tát đa hạnh, cực nhọc chẳng hay màng, biết có Phật mà chẳng biết có thân.

Nguyên, là cầu nguyện kết cái lành, nguyện giữ Tam-qui Ngũ-giải, nguyện cầu tu thành quả vị. Nên có câu: Nhơn hữu thiện nguyện, thiên tắc tùng chi.

Luận như người tu hành, chọn tinh quyết cầu về Tịnh-độ, thì chẳng phải nói rồi bỏ qua, phải giữ làm tin chịu, từ ngày nay làm tới tinh tấn, chẳng luận tỏ cùng không tỏ, thấy tánh cùng chẳng thấy tánh, thấy linh cũng chẳng thấy linh, giữ niệm một câu Nam Mô A Di Đà Phật, đừng cho quên mất, như nương dựa một tòa núi Tu-di xó đầy chẳng rúng.

* Xưa nay, nhiều trang tu hành, theo Phật, mới chiều đốt hương dâng hoa, vang vái được mình bình an sức khỏe, cầu mình mau lành bệnh, cầu thọ hay cầu siêu cho đôi thân, tuy có lòng tinh tấn, mà không lập nguyện làm lành cầu về Tịnh-độ. Mà rủi ro cho mình có một việc chi chẳng lành xảy ra, thì lại hoán Phật sao không bảo toàn, nói Phật

không linh. Muốn tu làm sao mà ngày ngày của lời thường thường, thì mới nói rằng trúng pháp.

Ấy vậy những trang tu hành phải hay xét nghĩ : ngày nay có duyên gặp đặng Phật pháp, phải xét chỗ cội gốc, đừng theo ngọn ; một lòng sáng láng tu cầu về Tịnh-độ, cũng như người đi đâu xa mà nhớ nhà muốn gặp về. Thì phải thường niệm Phật sớm tối, một lòng cung kính lạy lục đức A Di Đà như châu một vị Hoàng-Đế. Càng ngày càng gần, tâm khẩu minh với Phật in nhau, cách Phật chẳng xa, miệng niệm lòng tưởng tâm nguyện thấy Phật, phát lời nguyện thậm trọng. quyết lòng tin không nghi, nhiều ngày lâu năm. công phu trọn nên, tự nhiên cái phép tam-muội thành tựu. đến cơn mạng chung, Đức Di-Đà tiếp rước, cõi Tịnh độ bày trước mặt.

Tôi cúi khuyên những trang tu-hành, phải có ba điều như hết là : Tin, Hạnh Nguyện, cơn lâm chung thấy Phật rước, Phật đâu ở xa, tại tâm mà ra, cũng như hạt giống chỉ gieo mà mọc mọc ra vậy.

Tâm tức Phật, Phật tức Tâm, là vậy, phép Phật mà luận đến cái Tâm là hết chuyện.

(Trọn pháp về Tịnh-độ Hữu-vi).



In tại nhà in XUA-NAY, Ng.-háo-Vĩnh,

60-64 Boulevard Bonard, Saigon.

TỊNH-ĐỘ VÔ-VI

(KÈ TỪ ĐÂY, THÌ KHÔNG CÓ ĐĂNG BÁO)

Nói đến hai chữ Vô-Vi, tôi lại nhớ đến một đoạn sách Tây kia, xin dịch y nguyên văn như sau này :

« *Sanh Lão Bệnh Tử* », Bốn cái khổ của con người. Phải biết :

1° Tại đâu mà ra sự già và sự chết ? (Lão và Tử) Tại có sự Sanh ra mới có già và chết. (hữu sanh hữu diệt). Thì sự già và chết vì sự Sanh-ra, Tạo-ra mà ra.

2° Tại đâu có cái sự Sanh-ra vậy ? Tại sự Có (Tạo-Lập) mà có sự Sanh-ra. Thì sự Sanh-ra ở nơi sự Tạo vậy.

3° Tại đâu có sự Tạo ? Bởi có cái ham-mê tính-nguồn mới có cái sự Tạo, Thì cái sự Tạo ra là bởi nơi sự ham-mê tính-nguồn.

4° Tại đâu có sự ham-mê tính-nguồn ? Bởi có cái lòng dục-ước (muốn) mới sanh ra cái ham-mê tính-nguồn. Thì sự ham-mê tính-nguồn ở nơi sự dục-ước (muốn).

5° Tại đâu có sự dục-ước (muốn) ? Bởi có sự động lòng cảm-xuất mà sanh ra sự dục-ước (muốn). Thì sự dục-ước (muốn) ở nơi sự động-lòng cảm xuất mà ra.

6° Tại đâu mà ra cái động lòng cảm xuất ? Bởi sự giao thiệp đồng-tình mà ra cái sự đồng-tình cảm xuất. Thì sự đồng-tình cảm-xuất ở nơi sự giao-thiệp (đồng tình) mà ra.

7° Tại đâu mà ra sự giao-thiệp (đồng tình) ? Bởi vì có lực-căng nơi mình sanh ra. Thì sự giao-thiệp (đồng tình) bởi nơi lực căng mà ra vậy.

8° Tại đâu mà ra lực-căng ? Tại nơi Sắc-Tướng sanh ra lực-căng, Thì lực căng ở nơi Sắc-Tướng mà ra vậy.

9° Tại đâu mà có Sắc-Tướng ? Tại nơi mình Tri-biết mới có Sắc-Tướng. Thì Sắc-Tướng ở nơi sự Tri-biết.

10° Tại đâu mà ra sự Tri-biết ? Tại nơi sự cảm-động mà ra Tri-biết. Thì Tri-biết ở nơi sự cảm-động mà ra.

11° Tại đâu có sự Cảm-động ? Tại nơi sự Mê-Muội ra cái cảm-động. Thì sự Cảm-động ở trong sự Mê-muội mà ra.

Vậy thì sự chết, sự già, sự đau, sự trôi-sục, (tức là Sanh Lão Bệnh Tử Khổ) đều ở nơi sự Mê-Muội là gốc sanh ra vậy.

Muốn dứt sự Mê-muội, thì dứt sự Cảm-động. Dứt sự Cảm-động, thì dứt sự Tri-biết. Dứt sự Tri-biết, thì dứt sự Sắc-tướng. Dứt sự Sắc-tướng thì dứt cả Lục-căng. Dứt được Lục-căng thì dứt được Giao-thiếp. Dứt được Giao-thiếp thì dứt được Động-Lòng. Dứt được Động-lòng thì dứt được sự Tình-Dục. Dứt được sự Tình-dục thì dứt được sự Ham-mê. Dứt được sự Ham-mê thì dứt được sự Tạo-lập. Dứt được sự Tạo-lập thì dứt kiếp luân hồi là Sanh ra vậy. Mà dứt được sự luân-hồi (đầu thai) thì dứt được sự Già và sự Chết.

Ấy vậy, sự nào có Tạo thì có khổ. Cái Tình-dục kéo cái luân-hồi (đầu thai), cái luân-hồi kéo cái khổ-não và Đau-đớn. Diệt được cái Tình-dục, thì hết Luân-hồi (đầu thai) thì tức nhiên hết khổ-não. Cái tánh mạng được trong sạch rồi, thì cái Tình-dục phải tiêu mất, rồi con người không luân-hồi, không khổ-não nữa.

(Rút trong cuốn «La Vie du Bouddha» đang dịch, và sẽ xuất bản với các quyển sách Tây khác).

Xét theo đây, thì rõ ràng người Âu cũng luận cái lý Đạo đồng một ý, một nghĩa với nhà Nho ta vậy, có Âu có Nho độ lại, mới thấy cái thật là thật.

Tôi đã nói rằng môn Vô-Vi là khó nhứt, mà ai ai nghe thấy cũng ham muốn; ấy vậy, tôi cũng ráng mà luận cho tốt lẽ, ai công nhận rằng trúng xem qua, còn như sai, thì cũng nên vì mối Đạo chung cho nhau mà chỉ vẽ lại, tôi cảm đội lăm.

Đạo là đi gì? Để mở khai dân chúng, để chỉ ngay cái Máy làm Tiên làm Phật, để trộm cái máy Thiên-cơ mà dùng, thật chữ Đạo là đạo chích vậy.

Tu-hành là đi gì? Làm nghịch với sự làm theo thói thường của con người, người ta đi tới, mình lại đi lui. Đi tới thì đi xuống lại đi lên, luân-thường xây-chuyển, còn đi lui thì đi lên, lên có một lần.

Vô-vi là đi gì? Lấy có làm không, lấy không làm có. Có cái thân mình (xát thịt) là có, luyện cho thoát xát (mất xát) ấy là không; thân ngoại hữu thân (cái thân thứ nhì) tức là không mà có.

Kinh Kim-cang nói: Tu Bồ-đề: nhược Bồ-tát hữu ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng tức phi Bồ-tát. (Nếu Phật Bồ-tát mà có lòng Tham, có lòng Sân (giận), có hình Si-mê, có sự nịch-ái sa-dắm, không phải là Bồ-tát, vì trong lòng phải trống không cả bốn đều ấy. Ấy là Vô-vi vậy.

Một phần này nữa: Nhứt thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điện, ưng tác như thị quan. (Hết thấy các việc như có hình mà làm ra, thì cũng như chim báo, cũng như bọt nước (Bàng môn tả đạo) cái bóng của mình chẳng khác nào như móc sa trên ngọn, như một sự chớp nháng đâu có bền lâu, thấy đó mất đó. Phép Ngoại-đạo thì ưa chuộn sự có tức thời, như thầy-rùa luyện phi bạc, như thầy núi luyện lớn bụng, như thầy pháp luyện ấn chú, cả thấy hay nhứt, mà chỉ hay có một thuở, một lúc, rồi thì cũng hoại cũng hư. (Giỏi như phép Tiên kia, như Tam-vị-tiên-Cô ở đời Phong-thần, luyện nên cái Gáo phép, múc cả chư Tiên bên Xiển-giáo nhốt dưới hầm, thế mà chừng gặp phép chánh, làm rơi gáo phép phải co tay, lại đến thiệt mạng, uổng thay tài phép tu luyện bấy lâu).

Phép Phật Ngài luyện đến một chữ « Không » là cùng chuyện, nên Phật đặc bộ Kim-cang, chỉ rút lại có câu này: Nhược phục hữu nhơn, ư thữ kinh trung thọ trì, nãi chí tứ cú kệ đẳng..... Tứ cú kệ ở đâu? Nếu lựa cả trong phần kinh Kim-cang mà kiếm bài cú kệ, thì thiếu gì câu « Bốn câu »; mà câu nào là tứ cú kệ của Phật nói, vì Phật nói vậy, chớ không chỉ rõ. Ai hành đạo cũng nói tứ cú kệ là ý gộp cả của bộ kinh Kim-cang, thế mà tứ cú kệ đâu phải ở trong phần một kinh Kim-cang. Phật Ngài nói vậy, mình tầm vậy, thì đâu rõ lý sâu được.

Tứ cú kệ, tức là Bài-khai-kinh-kệ:

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp (có chữ Vô-Vi ẩn trong)
Bá Thiên vạng kiếp nang tao ngộ (ngộ cái gì).

Ngã kiêm kiến vãng đắc thọ trì, (thọ trì là hành đạo, chớ không phải tụng niệm).

Nguyện giải Như-Lai chơn thiết nghĩa, (phải giải thông cái nghĩa mà làm chi?)

Thích nghĩa: 1° Phép Phật hết chỗ cao sâu (tột bậc) là đến chỗ không không vậy.

2° Ngán muôn kiếp khó gặp, gặp cái mẫu-nhiệm, ngán muôn năm mà không biết cái chỗ mẫu-nhiệm thì cũng như không gặp, là khó gặp, khó gặp cái chỗ mẫu-nhiệm ;

3° Ta nay biết rồi, gặp rồi, đang ôm ấp cái gặp được đó, dùng nó, chẳng phải gặp được mà ngó, mà khen, hoặc trầm trồ. (Bỏ túi cất để chi dụng, xài) ;

4° Thì ta biết tánh Như-Lai rồi, sao mà thành Như-Lai, ta sẽ làm theo mà thành Như-Lai, là thật, là trúng rồi, còn gì nữa.

Thì việc gì ở đời, ta công nhận là chắc ý, thì phải hành động, nào phải đợi cái gì nữa, nào phải nghe ai nữa, vì bằng chờ hoài, đợi hoài, nghi nghi hoặc hoặc, rằng cao hơn tấc hữu cao hơn trị, rồi chờ cho gặp, thì ngàn muôn kiếp cũng khó gặp. Còn gặp rồi mà dằn dà, lo nhà lo cửa, lo xu xếp đầu đó cho hoàn toàn, thì như anh Tướng giặc ra trận, đánh một hồi, dừng lại ra bộ để móc phép (bửu-bối) ra, cái bộ giàn-tề giặc thấy đã chạy mất đất, té ra có bửu-bối mà liệng ai không dặng, là vậy.

Đây luận vắng tấc, con người sanh ra thì có một phần hồn và phần xác. Hồn là diễm linh quang của Ngọc-đế ban, còn phần xác thì của cha mẹ sanh ra, có hồn có xác mới hay cử động. Ta trao đổi phần xác, tức là thờ Trời, cầu cho xác thịt không đau, mà luyện cái thần hồn cho trong sạch, ấy là tu Phật. Trang tu-hành phải biết cái Hồn của mình, biết nó ra làm sao, được lọc cho nó trong sạch, được trông cho nó thoát kiếp luân-hồi, được trông cho nó vắng sanh Cực-lạc, được trông cho nó tượng nên hình mà vào đến chốn thiêng liêng thắng cảnh.

Phần xác thì ta rờ rẫm được, còn phần hồn của ta ở đâu ; nói rằng nó vô hình, vô sắc, nếu vô hình sao biết có, vì lấy sự sống chết làm bằng. Vì có nó mới có sống, không nó là chết.

Môn Vô-Vi bước đầu, là soi thấu cái linh hồn, rồi hành đạo mới được, mà phép soi thấu cái linh hồn lại là cái huyền-bí, chẳng phải mặc kinh mặc sách nào chỉ dạy, trừ ra người có tâm-đạo và là đại cương, đại chí, đại tính, đại hạnh, đại nguyện, thì cửa Thiên-dinh mở ngay, có chơn-sư đem lời khẩu khuyết mà chỉ rõ.

Nếu như biết được cái linh hồn của mình rồi, tức là mình đoạt được cái máy Thiên-cơ, quyền sanh-tử không

ồn giao cho đứng Táo-Hóa giữ nữa, nên mình mới gọi là mình luyện đạo trường sanh bất tử, thì tức là cái sát đã được làm chủ cho cái hồn, không phải luôn tuồng như hồi xưa nữa, mà xuất nhập vô thời. Cũng như nhà có chủ tớ có thầy, cái hồn có làm đi gì tức nhiên phải hỏi sát, như muốn bỏ sát mà đi luôn (là kiếp chết) mà sát không cho, cũng không đi dặng, lũ quỷ vô-thường có muốn mời thỉnh cũng chỉ đứng đó mà ngo thôi. Nên gọi là cướp quyền sanh tử.

Thấy và biết được cái linh hồn rồi, cũng như người mới có con so, cưng tiều hơn trứng mồng, nuôi nấng, lọc lừa dạy dỗ, cho nó mau trở nên trong sạch lại như hồi bang sơ (như chi sơ tánb bốn thiện, tánh ấy là linh hồn vậy). được ngày sau có chỗ mồng mà lên chốn thiêng liêng, để lăm lặc đi xuống mãi.

Làm sao gọi nuôi nấng, lọc lừa và dạy dỗ?

Làm nên ba ngôi (Tam-Bửu) cũng bởi nơi cái con người, vì con người sanh ra có ba vật báu nhứt, là Tinh Khí Thần.

Luận như người tầm thường, ba vật ấy ví như bột đường để làm bánh, là người tầm thường thì đi xuôi mà sanh sang con cháu để nối nghiệp đời, luân luân chuyển chuyển kiếp này qua kiếp nọ. Ấy là luân hồi vậy.

Luận như người hành đạo, thì bị đi nghịch, tam gia tương kiến kiết anh nhi, Phật gọi là Xá-Lợi-Tử tròn vóc (xuất vi Phật-tử), Tiên gọi là Tam Huê tựu đảnh (ngũ khí triều ngươn), nho gọi là Cửu-khúc-minh-châu (siêu phạm nhập thánh).

Thì cái sát cũng như cái tuổi đựng ba vật báu, ba vật đầy đủ thì cái tuổi no tròn, ba vật có hao mòn thì cái tuổi xẹp-đẹp. Ba vật báu ấy, hồn làm chủ trương như vị Táo chúa và hai vị Táo con phải châu chực, không rời nhau mà nương nhau, nuôi nấng thương mến với nhau hậu trọng lắm.

Vì vậy mà người hành đạo lại sợ chết lắm, công phu chẳng dám trời sục, giữ sát thật làm trọng. Thế cho nên cái câu: "Xã phú cầu bần, xã thân cầu đạo" lại làm cho nhiều người tu phải ép sát, không kể cái thân, có người lại hủy hoại thân thể. Tỷ như cái túi kia, không hay tung tiều cất

để có nơi, rách lũng không hay vá lại, phải lột mất bấu vật, rồi cái túi có mắt, thì còn gì mà đựng bấu vật nữa, thì không trao đổi xát thịt, thân rủi có đau có chết, mới lấy gì mà cầu đạo.

Chẳng phải xả phú (của làm ra đồ mồi hôi xót mắc mà xả đi đâu uổng vậy), không cần xả thân (thân sinh ra một đời thật khó dễ: nhứt thất nhưn thân nang tái phục), chỉ là nói người hành đạo, được đạo sánh quý hơn châu báu ngọc ngà, chẳng màng sự danh lợi là nhỏ, mà màng cái mối Đạo là lợi lớn, chẳng quản đến thân này, mà lại quản đến một cái thân riêng kia lâu lâu trong sạch và nhẹ nhàn, là thân ngoại hữu thân, đó.

Nên tôi có luận một bài thuốc bổ đạo, để dưỡng xát thịt của người hành đạo như vậy :

Người nào tu hành, bất kỳ về Tông nào, cần nống thang thuốc "Bồ-Đạo" này :

Toa thuốc có năm vị (Ngũ Hành) là: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

Đề trừ năm căng của Người là: Tâm, Cang, Tỳ, Phế, Thận.

Uống được thường thường, thì ngôi Tam-Bửu trong mình là Tinh Khí Thần được đầy đủ, tức nhiên không đau mà trường thọ.

1° (Kim) Kim thuộc Phổi, đừng nói chuyện (ít nói) thì dưỡng Phổi, Phổi là Phế.

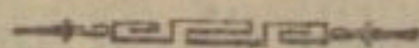
2° (Mộc) Mộc thuộc Gan, bỏ sự giận hờn thì dưỡng lá Gan, Gan là Cang.

3° (Thủy) Thủy thuộc trái Cật, đừng dâm dục (tuyệt dục dức) thì không hao hai trái Cật, Cật là Thận.

4° (Hỏa) Hỏa thuộc trái Tim, dứt bỏ sự lo lự, vọng động, thì dưỡng Tim, Tim là Tâm.

5° (Thổ) Thổ thuộc bao-tử, ăn uống có độ lượng, thì dưỡng bao-tử, dễ tiêu hóa, bao-tử là Tỳ.

Uống thuốc này, phải cử hai điều kỵ: nam cử hút thuốc, nữ cử ăn trầu.



“NGÔI TAM-BỒU”; TINH KHÍ THẦN

Tinh. — (Sperme: Huệ-mạng).

a) Luận về người thường, tinh là vật-chắc tinh-ba của các món ăn vào, bảy bữa sanh một giọt, nửa để làm huyết mạch nuôi thân, nửa để làm tinh-giống sanh sản. Thì việc vợ chồng phải có chừng đời và độ lượng mà sanh con để cháu nối đời, ví bằng Nam-Nữ luyến ngoại tinh (tà-dâm), bầu tinh hao, thì chẳng những không sanh sản, mà cái xác thịt trở nên yếu ớt, hoặc đau ốm, lại mang tội gian-dâm với ơn trên, thì làm con người không ích lợi chi cho Xã-hội.

b) Luận về người hành Đạo, thì Tinh ở nơi nội thận (hai trái cật) gọi là Ngươn-Tinh, hề động cái dâm-dục thì lại nhều xuống dưới ngoại thận, gọi là dâm-tinh, rồi gần cái đàng dương-quang (đàng tiểu tiện) thì ắc phải chung bậy ra ngoài, tức là giao-dục đó.

Nên người luyện đạo buộc phải trường-trai tuyệt dục. Trường trai mà phải tịch cốc (tịch cốc chẳng phải nhịn đói), là vì tránh loài ngũ-cốc (Gạo, nếp, lúa-mì, bo-bo và bắp) nó hay sanh tinh nhiều, nhiều tinh thì hay vọng niệm dâm dục, rồi chảy ra ngoài hết. Nên người ăn chay mà ăn đậu legumes sống, hay là trái cây, hay là bông, thì rất nhẹ mình, lại sống giai nữa.

Rồi tuyệt dục, bầu tinh dưới (ngoại thận) không hao chảy bậy ra ngoài, nghĩa là không đời nữa, thì bầu tinh trên (nội thận) không phát xuống nữa, đậu ở đó, như đóng chốt khóa cửa lại vậy.

Người muốn luyện trường sanh bất tử, phải có tinh luyện mới đặng, tinh là tinh ở ngoại thận (chớ chẳng phải tinh nội thận) nghĩa là cái dương-thần còn cử động được (chớ chẳng phải xuội lơ). Luyện ấy gọi là “Luyện Tinh Hóa Khí” nghĩa là: tinh ở ngoại-thận được đầy đủ (tuyệt dục), mà chẳng dám cho tràn cho chảy bậy ra ngoài nơi đàng dương-quang (cái đàng dương-quang với con tinh ưa nhau lắm, rủ reng luôn luôn, vì vậy mà con người mới có cái dục về dâm sắc dục), mà lại luyện cho nó tăng ra hơi mà đem vô (như nấu nước sôi cho cạn vậy, cạn là thành hơi nước (vapeur) bay lên), thì dùng ngọn gió kêu là Tồn-phong ở ngoài thổi dộng vào, trên đun lửa xuống, dưới đun nước (tinh) lên (gọi là Thủy Hỏa giao cấu), thành ra hơi bay

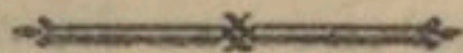
theo đảng Tào-khê, lên nơi Thượng-Ngươn-diền (cái ốc), (người tu luyện đạo phải cạo đầu cho trống trãi cái nê-hườn-cung), đông lại mà rút xuống từ nhỏ dưới Ổ-gà, ngọt như Mật (Mật đây là mật ngọt, mà cũng là Ba-la-mật, mật nhiệm), Phật gọi cam-lồ-thủy (Tiên gọi Huỳnh-tương-Tửu), lần chảy xuống đũa Thân nơi Vĩ-Lũ, làm nên món ăn của cái Thần-Hồn vậy. (Kinh Di-Đà nói: Hườn đảo Bồn-Quốc, phạn thực kinh hành, là khoản này. Còn môn Tịnh-độ nói tu không ăn của thập-phương, cũng là chỗ này, vì mình ăn của mình ở trong mình).

Những trang già cả, dương-thần xuôi lơ, là bầu ngoại-tinh đã khô, muốn luyện đạo, phải dùng phép "*Khao trước oán qui*" (khở ông tre mà kêu con rùa về), ấy là đòn ông, còn đòn bà thì "*Cổ kim chiêu phụng*" (khải đòn kim mà kêu chim phụng về).

Thì tuổi nào luyện Tinh cũng đặng, già lớn thì luyện lâu lâu, nhỏ tuổi thì luyện mau mau, nhứt là ấu niên xuất gia (16 tuổi sắp lên) thì luyện mau lắm, vì ngôi Tam-Bửu vẫn còn đầy đủ, không phải đã hao kém như mấy ông già, mà cần phải châm thêm cho đầy đủ lại thì cái ngày giờ châm thêm nó hóa ra lâu.

Đến khi luyện tinh hóa khí được rồi, thì hai cái bầu tinh (ngoại-thận) phải trống trơn, thì mau mau luyện cho nó teo lại (xẹp lép vậy), đặng nó không rút ở trên xuống nữa. Ấy là phép "*Qui túc*" (thụt đầu rùa), Nam gọi là "*Sát Bạch Hổ*" Nữ gọi là "*Trảm Xích Long*". Đến cái thời này, thì có lắm điều đại nguy hiểm, phải giữ lung lắm. Nghĩa là: luyện được qui-túc, tức là một cái ấn-chứng thứ nhứt, cũng như thi đậu certificat mà sắp vào trường lớn vậy, cái đạo đã được bắc mùi, trong đã kiết thánh thai, xá-lợi-tử đã được tròn vóc, con người mới chắc trường sanh vô bệnh, phẫn lão hườn đồng. Dương-thận thụt vô, bầu tinh teo lại, thì cái nguy hiểm này là dâm dục, vì nội thận chỉ chứa đủ món ăn thần hồn là cái Mật kia vậy, Mật kia là Ngươn-Tinh vậy, mà nếu ở dưới đòi, trên phải thả xuống, xuống rồi lại chạy ra hết, thì trên cũng trống (thần-hồn phải đôi), dưới cũng không, sức phải dâm, thì Thần trì, khí táng mà chết. Thế cho nên, tuy là đắc đạo rồi, mà cũng chết được vậy, lấp lững uổng một kiếp tu, phải xa lánh mấy cô như lánh thú dữ vậy. Chừng nào qua khỏi thời tam niên nhũ bộ, cửu niên diện

bích, thì mới chắc mình vàng chẳng hoại, ấy là việc sau, xem tới thì rõ. Nói tóm lại, là mình luyện đến đó rồi, thì mình ít ăn rồi, hoặc không ăn, chỉ có nhờ một chút xiêu cái mật kia để nuôi sống thần hồn, mà nếu để cho dâm-dộng nó kéo rớt cái Mật xuống ngoại thân mà giao dục cho nó tuôn ra hết, thì tự nhiên phải chết. Ấy là chỗ nguy hiểm lớn lắm vậy, đừng ý y luyện đặng, mà lơ-dĩnh. Như ông Thũ-Tọa Mạnh ở Biênhoa, luyện đến qui-túc rồi (phần lão hườn đồng), mà vì có một cô kia theo cảm dỗ, nhìn và dăng không dăng xit bậy một cái phải bị Thiên-khiển, bỏ mạng lối ba tháng nay vậy, tôi biết và thấy rõ ràng. Rất tiếc, rất tiếc.



ĐÔI LỜI CẢO THỐI

Hôm rày có nhiều ông ở Lục-châu đến nhà, lại nhiều người khác lớp viết thư, có người thì đón tại Hảng, hỏi sao tôi ngưng ngang không viết tiếp bài chấn Hưng Phật giáo, hoặc đau ốm, hoặc biếng nhác chi chẳng ?

Vậy Bần-đạo phải thưa lại cho rõ : những bài luận-đạo của tôi đã viết rồi (còn nằm tại nhà Báo) in trót tuần chưa hết, còn cái vấn-đề ấy thì còn nói giải đến vài ba tháng nữa mới rồi, là vì tôi muốn luận và giải cái môn Vô-vi cho trọn pháp, nói cho có đầu đuôi, rồi lại còn sửa soạn đăng luôn Bài Phật-giáo-Vấn-Đáp (trọn bài một trăm mấy trương), tưởng làm thì công như vậy mà tổ-chức rồi cái cuộc Chấn-Hưng-Phật-Giáo, chẳng dè có sự ngăn trở riêng, cúi xin chur đọc giả do hỏi nơi tòa Báo thì rõ.

Nên tôi phải viết bài bố-cáo này cho biết rằng : tôi chẳng có đau ốm (người tu-hành gì lại đau), mà cũng chẳng phải biếng nhác, (vì mỗi đêm tôi ngủ có vài giờ), còn bao nhiêu thì lớp lo thơ-từ, lớp lo hầu khách-đạo, lớp lo công phu, duy có đêm khuya thanh vắng một mình ngồi nhớ từ câu mà viết, dường như ai hiện vào trí mà viết vậy, cho nên viết gởi rồi thì chiều ghé lại mua một số xem mới hiểu viết đi gì. Ấy là lời thật tình, mà từ ngày 16 Octobre tới nay, cũng chẳng mê mịch gì, đêm như ngày, ngày thì lo việc Banque không biết ngủ trưa, mà lại mạnh dạn thêm, tinh thần tráng kiện. Thử ai thức thử vài đêm vậy coi ?

Nhiều ông phân phiền, abonner Lục-Tĩnh cốt để xem Bài Luận-đạo, nói tiếp về môn Vô-vi, mà khi không đức ugan không nói trước, thì tức cho độc-giả, thà đừng bày đầu mà dấu đuôi, kia nọ, vân... vân...

Thưa ! Cúi xin nghe chung :

Lý đạo Vô vi thật là mầu-nhiệm và huyền-bí lắm vậy. Tôi mà quyết giải cái vấn-đề ấy, là cốt muốn giúp trang tu-hành theo lối tối thượng cho thoát thông cái nghĩa lý cao thượng của đạo Phật, chứ chẳng phải như mấy ông dịch kinh dịch sách kia, bôn sao dịch vậy, cái gì cũng biểu tầm chơn-sur, hay là chờ gặp chơn-sur điếm đạo. Chơn-sur ở đâu sao không làm ơn chỉ dùm luôn, mà cái ông "*Chơn-sur*" đó ra làm sao ? Thiết tưởng mấy ông mà dịch kinh sách đó cũng chưa biết ông chơn-sur ra làm sao.

Vả chẳng ông "*Chơn-sur*" là vô hình, sắc, mà cũng chẳng phải ông Tiên hay là ông Phật, mà cũng chẳng phải như người thể-giang có thịt có da. Thà không thấy biết rằng, chờ biết được, thì tôi muốn chỉ dùm cho những người tu-hành để đi tìm, dấu mà làm chi ; chứ phải chỉ dùm mà cầu năm tiền một quan gì sao, mà nói ngay ra, những người tu-hành hồi nào đến giờ, có ai gặp ông chơn sur chưa ; nếu nói có gặp, tôi nguyên lấy theo sói trắng vậy.

Thôi ! Ngôn thiếu tri đa, nếu ai nấy còn ngống tôi viết bài Vô-Vi nữa, thì xin nghe chung lời này là chót vậy :

Tôi có một con ngoại-vật nó đeo theo mình, không nhỏ mà không lớn, không nói mà không la, mà nó có thể giúp đỡ cho mình không "*Đau*" không "*Già*" không "*Chết*" (*douleur, vieillesse, mort*), một ngày ăn bốn bữa ăn, một bữa ăn là hai giờ đồng hồ, mỗi bữa ăn là một lượng Mật. Ai liệu sức nuôi nôi, thì tôi cho không, cho ăn tử tế, bằng không có sức, nó ăn thất thường, thì nó sẽ sức đau, rồi chết uồn, hoặc nó đói nó bỏ đi mất.

Cúi xin lưu ý, vậy gọi là vài lời cáo thối, ai nấy xin miếng thứ dùm, từ rày sắp lên tôi không viết bài nữa.

VÔ-VI (tiếp theo)

“Nói về Khí”... (air). Kim-quang có câu: Thiên địa chi tông, vạng khí chi cang. Bao la thiên địa dưỡng dục quần-xanh. Thì cái không khí ở nơi Trời là bao hàm vạng trượng, nuôi cả vạng vật, còn ở nơi người là hơi-tức. Cái câu luyện khí hóa thần, là lấy không khí của Trời đất mà luyện cho đông đặc lại thành hình xuất hiện, nên cái hình mới bay cao dặng, là vậy.

Người hành Đạo, thì cứ nói chuyện nhiều, (tịch ngôn) hay là ít nói chuyện, thì không mệch, không hao hơi. Như mấy người tụng kinh niệm Phật om sòm đó thì lao hơi lắm, nói gì thợ tụng họ ca bình bát lưu-thủy, lại hao hơi nhiều hơn nữa. Nên mới dạy tụng niệm thầm, hai lỗ tai vừa nghe.

Người ta có hai khí-hơi, một ở ngoài gọi là khí hậu thiên, hai ở trong gọi là Tiên thiên, khí ở trong là Ngươn-khí vậy. Có câu: Chơn nhưn dĩ tức di chủng, người luyện trường sanh phải làm như con rùa ở bọng cây, con nhộng ở kén, con nai ở rừng. Huyết mạch trong mình chạy đều cũng nhờ không khí của Trời đem cái thanh vào, trả cái trược ra, nên gọi là khứ trược lưu thanh.

Trước hết phải tập khí hậu-tiên cho nhuần, sau quay cái bánh xe cho giáp vòng, là phép Pháp luân thường chuyển, nghĩa là phải thông đồng ba đường trước bụng, và ba đường sau lưng, gọi là Tiềng tam tam, dĩ hậu tam tam, mấy đàng ấy thuở nay nghẹt hơi như ống thụt bị bịt, nên phải thụt cho trống, tức nhiên thông đồng dặng.

Luận cái không khí, những lời viết ra giấy khó tỏ, vì trong đấy lắm đều huyền bí, thuở nay lưu truyền những lời khẩu-khuyết của chơn-nhơn, tôi không tài gì mà vẽ vờ ra cho rành rẽ dặng, phải coi máy thiên cơ làm trọng. Nếu phải là đại cang, thì tự nhiên không nói ra cũng biết, kinh sách nho có nói, mà kinh sách tây có dạy, nếu nói luyện đạo mà không xem kinh sách, khi không muốn cho chơn-sur điềm-đạo ngan, e hiểu không thấu những lời bí mật, rồi ham quá mà làm không trúng, trở lại hại mình. Nên phép

điểm đạo sợ cái chỗ phỉ kỳ truyền lắm vậy. Ví như một cục vàng lớn quá, muốn vát về làm cửa, sức thì yếu, mà hiệu người đỡ lên vai, tức nhiên phải bị đè ẹp mà chết. Cúi xin những người mới nhập đạo phải cẩn thận cho lắm.

Đây tôi xin điểm chỉ: 1° Kinh sách Nho là: Tánh mạng khuê chỉ, Tiên Phật chơn truyền, Đạo-đức kinh, vân vân.

2° Sách Quốc-Âm dịch theo Nho là: Đạo-lý lược biên, Huyền diệu cảnh, Tịnh-độ Vô-Vi, Qui-Nguơn diễn nghĩa, v. v.

3° Kinh sách chữ Tây là: Pieds du Maître, L'homme visible et Invisible. Les Maîtres et Sentiers. Les méditations. La Voie de l'occultiste, Les Aides Visibles et Invisibles v. v.

Cả mấy bộ sách này (3 thứ chữ) đều có sẵn tại nhà tôi, ai muốn xem cũng dặng.

Thần. — (Ame: Linh-hồn) Thần là hồn, hồn là một điểm linh quang của linh Ngọc-đế bang cho, nhập vào xác thịt của cha mẹ ta sanh ra, ấy là người vậy. Con người khi sanh ra, cái hồn vẫn trong sạch (Nhơn chi sơ tánh hồn thiện) rồi lớn lên chen lấn bước đời, nếu biết kết lành, mai sau còn trông trở về ngôi cũ là chỗ của linh Ngọc-đế sai xuống hồi đầu, tức là về Thiên-đàng thẳng cảnh. Bằng mà đắm sa danh lợi, chác dữ gây nghiệp, thì phải bị luân hồi, đi xuống rồi đi lên, xuống xuống lên lên không trông thoát kiếp được. Thì linh Ngọc-đế ví như cha mẹ ta, còn các hồn chúng sanh như con, biết lọc cho trong sạch cái linh hồn, thì cái hồn trong sạch đó là đưa con nên của linh Ngọc-đế, còn cái linh hồn nào dơ dáy trầm trệ, thì cái hồn đó chẳng khác nào như một đứa con hoan đàng vậy.

Người luyện đạo, cần nhứt phải biết và thấy cái hồn của mình, nó ra làm sao. Vả chẳng phần xác thịt thì thấy và rời được, thì phần hồn phải thấy phải biết. Vậy mới rằng tu hành là đề cầu cho phần linh hồn khỏi đọa. Ví bằng tu mà không biết gì hết, biết có một việc lủi đầu mà tu, không biết và không thấy cái hồn của mình (cũng như mình sấm tử-sắc mà không biết dựng cái gì ở trống) rồi dám nói bưng rằng vắng sanh, kia nọ. Đó là giả dối vậy.

Chúng ta sanh nhằm đời văn-minh, cái việc gì cũng lấy sự bằng mặc bằng tay làm chắc, nghĩa là ta có cặp con mắt, mở trao trao, phải quang sát rõ ràng mới được, đừng suy tưởng rằng vậy vậy là có, rằng vậy vậy là không, rồi

theo trong trí tưởng sự này là vậy, là khác, tây gọi là imaginer.

Phép soi thấu cái hồn, sách Nho sách Tây đều có chỉ dạy. Nho thì có cuốn Tánh-Mạng, Tây thì có cuốn L'homme Visible et Invisible (có vẽ hình cái hồn đủ thứ màu), nhưng có xem qua rồi cũng phải cần chơn-sự của mình mới hiểu nổi, vì cái sự soi hồn và thấy biết cái linh hồn của mình, quả là cơ huyền bí vậy. Chỉ thị là máy Thiên-Cơ (nhiệm màu), vì mình mà thấy biết được cái linh hồn của mình thì đó là gọi đoạt hết một nửa máy Thiên-cơ, đó là cướp cái huyền sanh-tử của đấng Tạo-Hóa vậy, lớn lao lắm, quý giá thần hồn, chớ chẳng phải vừa. Thế cho nên mới gọi là Thiên cơ bất khả lậu, dấu lắm, dấu lắm. (Có người thấy biết rồi, mới vẽ hình ra được và làm ra sách, thì chúng ta tu-hành đâu đó có kinh sách làm bằng mặc, có phải dễ hơn hồi mà mấy ông làm kinh sách đó hay không. Họ tự nhiên họ tìm ra mới là khó chớ).

Ai muốn xem các hình của Thần-Hồn ra làm sao, thì xem huyền L'homme visible et Invisible có sẵn tại nhà tôi (không cho mượn)

Còn phép luyện Thần hóa hư-vô, nghĩa là làm sao cho cái thần hồn mình nó đông đặc lại mà thành hình, hình nhẹ nhàng, biết biến hóa, như khí hư vô (Ether), bay cao, bay thấp, hiện có hiện không, đông tây nam bắc qua lại trong nháy mắt.

Muốn dưỡng thần, phải bỏ dứt cả sự tư-lự, vọng động, như là công danh phú quý, tranh danh đoạt lợi, lo hơn lo thua vân... vân... cái Thần hồn ngày nào nó ngưng được (Thần về) tụ lại một chỗ, thì cái Thần đó là Ngươn-Thần vậy.

Nói tóm lại, thì con người có ba vật báu nhưt ấy, hề chuyển thuận thì làm người trên thế gian, sanh con đẻ cháu, luân hồi lên xuống, lớp này tầng, lớp kia mọc, gọi là máy tuần-huần day trở. Còn cũng nội ba món ấy, mà chuyển nghịch lại, nghĩa là *Luyện Tinh Hóa Khí, Luyện Khí Hóa Thần, Luyện Thần Hóa Hư-Vô*, thì thành Tiên thành Phật.

Con người sanh ra ở đời, ví như một cái đèn dầu, sáng nhiều thì hao dầu nhiều, sáng ít thì hao dầu ít; thì cái bầu dầu đã hao, cái tim đèn đã lụng, mình bành đạo đây tức là

mình chắm cái hao kia lại, thay cái tim lụng nộ, ngày như đêm, đêm như ngày, ráng chi công phu, hết lòng rèn tập, gom về ba báu đầy đủ lại, thì ngôi Tiên Phật đâu có xa.

Chớ tu hành mà không biết gốc cội cái tu, lũi đầu công lưng mà tụng kinh niệm Phật, ví như mò trăng dưới nước, uồn công trì trai giải sát, một đời cũng gởi số cho Diêm-Vương, chôn xát cho Đất cái.

Pháp-Môn Tịnh-độ, môn Hữu-Vi cũng tóm vào câu 6 chữ Nam Mô A Di Đà Phật, mà môn Vô-Vi cũng tóm vào câu 6 chữ ấy, một bên thì tu niệm, một bên thì tu luyện, một bên thì Vãng-Sanh phần hồn, một bên thì thành Bồ-tát hiển hiện.

Cái huyền-bí và mật nhiệm của câu 6 chữ này, tôi đã diễn dịch ra bộ kinh hiệu là Tịnh-Độ-Vô-Vi, cũng gần xuất bản nội tháng này, nên tôi không cần giải ra đây chi cho hao chỗ, để xem trọn bộ khỏi dứt đoạn mà lại đủ hết. Nhưng tôi xin trích cái bài thơ gom 6 chữ, và giải sơ ra đây cho mọi người nghe trước:

Nam thuộc cung Ly ở Bình-đỉnh l
Mô là chỉ rõ vật vô hình.
A gồm Nhâm-thủy về nơi Thận,
Di giữ chắc bền ba báu linh.
Đà ấy sắc vàng tròn lại sáng,
Phật hay thanh tịnh ở ngay mình.
Hống Diên hai tám hòa nên một,
Rồng Cọp thâu về tại Huyệt-Tĩnh.

Sơ giải:

1° Nam là Hỏa ở trong rình con người, hỏa là Thần, Thần là linh Hồn.

2° Mô là Vô Vô không không, luyện cái tâm trống trơn, Phật gọi lấy chỗ có làm không, lấy không làm có.

3° A là Thủy, thủy là Tinh, Tinh ở nơi Thận, là hai trái cật.

4° Di là gìn giữ ba báu vật, như cái tử, như cái túi, để cất kính vật quý báu của con người, là Tinh Khí Thần.

5° Đà là Sáng, gom cả lại làm ra một vật chói sáng thiên liêng.

6° Phật là Đại-giác-kim-Tiên, là mình cứng như vàng chẳng hoại chẳng nát.

Trong Quyển chữ Tây, hiệu là “Đeo theo chơn Phật”, có một câu hay đệ nhưt :

Phật Ngài nói rằng : Ta biểu luyện một cái “Không” là thành Phật, bằng ai ngồi thoàn mà lòng còn móng tưởng một chút xấu rằng mình sẽ nên ông Phật, thành một ông Bồ-tát chi chi, thì Phật cũng bất, không được thành Phật, vì phạm luật Ngũ-giải-cấm, là trong lòng còn cái chức xấu móng, móng là Tham vậy. Chỉ hiểu rằng biểu Không thì thật là không mọi sự gì vậy.

Thế cho nên phép Phật luyện đến cái chỗ Không là cùng, là hết phép, gọi là Vô-Vi vậy.

Vì vậy mà Môn Tịnh-độ Vô-Vi không sao mà vẽ vờ ra hình dạng được. Nhưng mà tôi cũng ráng mà sắp đặt cho ra có cái ngôi thứ theo ý kiến của ông Chơn-sur của tôi, cho dễ hành đạo.

Trước hết phải lấy Đạo mà ví như vậy :

1° Ví như con Mèo rình bắt chuột (*Miêu bộ thữ*), không dám nháy mắt, ngó lom lom, nếu uốn mình chức xấu, thì chuột thừa dịp chạy mất.

2° Ví như gà ấp trứng (*Ké bảo noãn*), con gà ấp thì mê ấp, nằm im liêm, chờ cho đúng ngày đúng tháng cho trứng nở con.

3° Ví như rồng dưỡng trái châu (*Long dưỡng châu*), nằm yên một nơi, vắng lặng mà dưỡng thành trái châu.

Thì cả ba kết cuộc đều có chỗ trông cậy. Đạo cũng vậy, phải cực nhọc lung lắm, mới nên hỏa bồ-đề, vì bằng lơ dĩnh một chút xấu thì hư thì hỏng.

Vậy nên :

Xin xem ba đều ví dụ nầy :

1° Đạo như cái Chài ! Làm nên một cái Chài, trước phải ngồi xe từ sợi nhợ, dương từ đường thành từ lỗ lưới, gom lại thành một vốc rộng lớn, tính bề trí, nhọc từ chút, làm sao quăng xuống sông mà bắt cho được con cá. Cái công tình coi nhiều quá, mà chừng vát đem ra dữa sông, liệng xuống phẳng lên coi dễ như chơi, chỉ nắm có một sợi nhợ cái đầu chài, ăn thua có một sợi nhợ đó, coi cả lỗ lưới nhỏ kia không ra cái nghĩa lý gì, thì cái công nhọc nhằng ngồi dương từ lỗ kia đem quên ráo, duy nhớ có một sợi nhợ ở đầu chài.

Đạo cũng vậy, xem kinh Quyển cho nhiều, chớng nầy qua chớng kia, mà tóm lại chỉ róc rái có một chút xiếu, chút xiếu đó là cái Mật-nhiệm vậy.

Vì bằng như làm ra cái Chải, cực nhọc nhiều thật, mà không biết làm ra sợi nhợ tóm, thì cũng không dùng dặng, còn tu hành cho lâu năm, tụng niệm cho nhiều, luyện tập cho lung, mà không rõ chỗ Mật-nhiệm, thì bất quá kết cho có cái Lành để dành qua kiếp sau, hoặc xiêu về Lạc-Thiện-Đường, thì cũng là Chết vậy, chớ lâu trong thành Bồ-tát hiển hiện được.

2° Đạo như trái dừa khô! Vì như trái dừa khô, để vậy đem bỏ chỗ nào yếm đất, đừng ai động tới, một mình lâu lâu tượng ra có cái Phôi ở trong, bang đầu nhỏ, lần lần một ngày một lớn, ăn mất cái cơm dừa, rồi đúng ngày đúng kỳ mọc mọc ra, thành nên cái tược. Nếu mỗi ngày mỗi cầm trái dừa mà lắc hoài, làm sao nó đóng phôi ở trong được. Tự nhiên một mình trái dừa, hồi mới đập ra coi thì là một lớp cơm dày dục, mà để vậy nhờ cái vỏ cứng bao cái cơm, lâu lâu đập ra coi thì lại tượng có Phôi.

Đạo cũng vậy, phải thanh tịnh trong lòng, đừng vọng động như trái dừa lắc, đem Thần về cho khí núp, lâu lâu kết thành thánh thai, như trái dừa tượng Phôi, rồi mới xuất vi Phật tử (Thân ngoại hữu thân), như mọc dừa mọc thành ra cái tược vậy.

3° Đạo như cái kiến Hiễn-vi. Cái kiến Hiễn-vi, đem ra trời nắng, rọi xuống có một quầng sáng trắng, rồi tom cái quầng sáng đó nhỏ lại, thì tự nhiên cái gom nhỏ lại đó nó hóa ra lửa, đốt vật gì cũng cháy được. Lửa ở đâu vậy, là mình biết gom cái khí nóng của Trời kéo lại mà ra lửa. Chớ nếu rọi cho có cái quầng sáng trắng không mà không biết gom lại chút xiếu, thì soi cả ngày cũng không ra lửa. Thì có phải như lấy chỗ không làm có, lấy chỗ có làm không, thì Đạo cả cũng vậy, Đạo cả là lớn cả thế giới, bao la thiên địa, mà chừng hành đạo thì gom lại có chút xiếu.

Cái câu trong Tâm-kinh: “Đa thời chiếu kiến, ngũ huân giai không”, là ý nói chiếu như cái kiến hiễn vi vậy, gom lại mà chiếu cho nhiều giờ, thì tâm sẽ trở nên không.

Ngũ-huân là năm cái căng trong mình ta là Ngũ-tạng: Tâm Canng Tý Phế Thận, ăn về Ngũ-hành là: Kim Mộc

Thủy Hỏa Thổ. Năm căng trong mình ta là như năm cái Ấi (ngũ quang), mỗi Ấi mỗi có một tướng thủ (là Thần-Căng vậy), đến khi ta luyện kỹ, nghĩa là quá ngũ-quang được rồi, thì năm vì Thần năm căng nhẹ mình về châu nơi đánh thượng (như tướng khải ca hồi trào) gọi là Ngũ-Khí-Triều-Nguồn vậy.

Phép hành Đại-đạo Vô-Vi thì hay nói : lập Đảnh an Lư, (xây lò lót chảo) mà nấu thuốc kim-đơn. Tôi thuở trước cũng tưởng là Lò chảo thiết và cũng tưởng chụm lửa nấu thuốc kim-đơn thiết. Té ra Lò chảo, thang củi, thuốc men cũng ở nội trong mình mình, chẳng phải viên thuốc kim-đơn như viên thuốc tễ, như huồn thuốc táng vậy, tức là Vô-Vi vậy.

Năm căng là vai kiến của Tam-Bửu, thì nói đi nói lại cũng gom về Tinh-Khí-Thần, Tiên Phật Thánh Thần cả thấy cũng nhờ bởi ngôi Tam-Bửu đầy đủ vậy.

Nên con người, tu không tu cũng vậy, cần dưỡng Tinh, bổ Khí củng Thần. Người tu thì biết cách gom lại một chỗ mà nấu luyện, nên gọi là : Tam Gia Tương Kiến Kiết Anh Nhi.

Thế thì :

Luyện Tinh đừng cho tinh giao-cấm, mới gọi Nguồn-Tinh.

Luyện Khí đừng cho khí hô-hấp, mới gọi Nguồn-khí.

Luyện Thần đừng cho thần tư lự, mới gọi Nguồn-Thần.

Nên con người phải cho đầy đủ ba báu vật, thì luyện Đạo mới được.

Ngôi thứ.

Theo như tôi hành đạo xưa rày, tôi xin phân cái Vô-Vi có ngôi thứ như vậy, thấy sao phân vậy :

1° Thứ nhất : Hậu Thiên.

2° Thứ nhì : Tiên Thiên.

3° Thứ ba : Châu Thiên (chia ra a, b).

a) Tiểu-châu-thiên. b) Đại-châu-thiên.

4° Thứ tư : Chiếu kiến.

5° Thứ năm : Xuất-Vi Phật-Tử.

Thứ nhất. — Hậu-thiên là luyện cái hơi khí hô-hấp cho thuần thực, nghĩa là làm như cái ống Bể thợ rèn, kéo lên kéo xuống cho đều.

Thứ nhì. — Tiên-thiên là luyện khí ở trong. (chơn-nhơn chi tức dĩ chũng), làm như con Rùa, làm như con Nai.

Thứ ba. — Châu-thiên, a) Tiểu-châu-thiên, luyện khí theo ba đường trước bụng (tiền tam tam), b) Đại-châu-Thiên, luyện ba đường sau lưng (hậu tam tam), trước bụng sau lưng quay cái bánh xe chạy cho giáp vòng châu thân cả, cho đều thông đều, gọi là Pháp luân thường chuyển, luyện phép trường sanh.

Thứ tư. — Chiếu kiến, là gom cả khí lại một chỗ, soi nó cho ngay, cho nó đông đặc, thành nên Xá-Lợi-Tròn-Tỏ. Phép ấy gọi là Hồi quang phản chiếu.

Thứ năm. — Xuất vi Phật tử, là phép xuất hồn ra vào, ấy là Thân Ngoại hữu thân.

Thời-Luyện :

1° Thứ nhất : Nhập thất (7 ngày).

2° Thứ nhì : Bá nhật trúc cơ.

3° Thứ ba : Thập Ngoạt hoài thai.

4° Thứ tư : Tam Niên Nhũ bộ.

5° Thứ năm : Cửu Niên diện bích.

Cộng lại là 4727 ngày thành đạo, nhập Niết-Bàng, về Cực-Lạc, ngan vai với Bồ-tát, đồng thể với Phật. (không đầy 14 năm).

1° *Nhập-thất.* — Nhập Thất, nghĩa là sau khi mình luyện Đạo tứ số một dĩ chí số bốn được rồi, mình tuy chen dữa bụi trần mà không nhuộm trần (?) (vợ mặc vợ, con mặc con của mặc của), thuần thực cái tâm vắng lặng, các Nghiệp trừ xong (Lục căn thanh tịnh, lục trần diệt được, thất tình không có), thấy như không thấy, nghe như không nghe, cái tâm bao giờ cũng niệm Phật, thức cũng niệm, ngũ cũng niệm (?), và mỗi ngôi mình mỗi có ấn chứng chắc chắn cho mình rồi, rồi cơn nào mình tỉnh xuất gia (ly gia các ái lập đại nguyện sẵn, ngày nào năm nào mình đi thì phải cho y cho đúng vậy, đừng có sự gì những nhằng) thì nhập thất bảy ngày mà soi căng. Nghĩa là : Lựa một phòng nào kính đáo mà có vẽ thanh tịnh, trong bảy ngày phải ngồi xống-lưng, kiết-dà và bắc Ấn Tam-Mục ; *tịch cốc* (không ăn cơm, ăn trái cây, rau, cải, toàn là đồ sống, đừng ăn đồ nấu chín), *tịch-ngôn* (không nói một lời), *tịch nhản* (nhắm mắt), *tịch nhĩ* (không để tai nghe), được cho Thần về và khí núp (được sáng thần tri). Ngồi luôn luôn, (ngủ cũng ngồi), trừ ra muốn nằm thì phải chia giờ ra như vậy ; một ngày 24 giờ,

chia ra làm ba hồi, mỗi hồi là 8 giờ. Tám giờ đầu là Tý Ngọ Mèo Dậu (mỗi thời là 2 giờ) thì công-phu luyện kỹ (chiếu kiến), ngồi kiết-dà, bắc ấn tam-mui, không dặt tư-tướng mãi gì ở trong lòng. Tám giờ thứ nhì, thì cũng ngồi kiết-dà, ấn tam-mui, luyện Trường-Sanh, và 8 giờ sau thì hoặc ngồi, hoặc nằm, hoặc ngũ, hoặc ăn uống, hoặc đại tiện, nhưng phải để trí cho nhiều mà kiểm huệ, vì giờ ấy có vị Chơn-Sur hiện ra mà chỉ cái huệ cho mình, nghĩa là tức nhiên mình tỉnh không mà biết việc chưa biết, thấy được việc chưa thấy, cái huệ lạ lùng lắm.

Một điều nguy hiểm nhưt, là vào Thất đề mà luyện đạo, chớ chẳng phải vào Thất mà ngũ li-bì hay là lơ-dĩnh, vì mình đã luyện đến cái giờ tịnh đốc chỉ thời rồi, thì ví như cái nhà bỏ không, phải ngừa quân gian tế nó vào tiếm đoạt, thì khỗ. Thứ nhì, là cái điều tức, ví như cầm binh phá trận, phải thông vào ngõ nào mà ra ngã nào, nếu loạn xạ thì hư cho phôi, sanh ra bệnh ho-lao mà thiệt mạng. Khá dè dặc, nếu không phải Thầy, thà đốt thì chịu, tốt hơn học tầm bậy, nên mới gọi là dui mà dặc đũa mù, thầy như vậy quả là Manh-Sur vậy.

2° *Thời thứ nhì.* — Bá-nhứt trúc cơ (đắp nền sảng dặng cất nhà), là sau khi đậu cái Thất rồi, thì luyện kỹ (chiếu kiến) luôn luôn một trăm ngày, ngày như đêm, đêm như ngày, không phải chia ra từ hồi nữa. Nghĩa là cái thần hồn của ta thuở nay nó luông tuông, nay ta đứng làm chủ cho nó, như nhìn dặng một đứa con kia, phải lo kèm chế dạy dỗ và nuôi nấng nó, là ta đem nó vào dứa thân mình, mỗi ngày mỗi lấy khí Trời mà nuôi nó, đủ trăm ngày thì nó đông đặc lại, tượng nên thai, tức là ta đã có chửa vậy. Thai ấy tức là Xả-Lợi-Tử, tròn sáng trong bụng, nghe được, thấy được. Thời này thì Tinh ta đã mảng (Tinh mảng bắt tư dâm), gọi là Khí đã tụ, Thần đã ngưng. Lúc này giữ gìn cho lắm, gom vào Tinh Khí Thần, thủy hỏa giao cấu, Âm Dương hiệp nhưt; lỗ-tai đừng cho nghe, mắt đừng cho thấy bậy (nhắm mà đừng cho thấy-tưởng), tâm thì diệc cả sự lo lường. Tưởng cái thân mình như không có, tự nhiên yếu yếu minh minh, hoãn hoãn hốt hốt.

3° *Thời thứ ba.* — Thập ngoạt hoài thai, là lúc có nghén thành thai, Xả-Lợi-Tử tượng hình-vóc, phải luyện cho kỹ hơn nữa. Vài tháng đầu thì hai con mắt có hào-quang

phóng ra, lỗ tai nghe vù vù; trong chỗ Ngươn-Thần, cái thai nóng như lửa đốt. Tự nhiên hết ăn uống, gọi là Khi mắng bất tư thực, và hết ngủ, gọi là Thần mắng bất tư thóa.

Lúc này đã được một điểm huyền quang, linh-đơn đã luyện thành. Linh-đơn nghĩa là Xá-Lợi, Phật gọi là Mu-Ni Bửu-Châu, là một cái không khí đông đặc, nhẹ bằng không khí trời.

Đúng 10 tháng, hào quang chiếu sáng, là lúc xuất hồn, để thành thai, Phật gọi là: Xuất thai thân vi Phật Tử. (Thành Đạo)

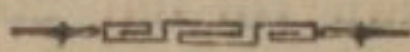
Cái địa vị này mới gọi là Phán lão huân đồng, trường sanh vô bệnh, quá khứ vị lai hiện tại. Nhẹ nhàng, thoát ra, thoát vào, vân du cõi ngoại trong nháy mắt, nhờ bởi có cái thân riêng kia, giống như thân mình, nghĩa là thân ngoại hữu thân vậy.

4° *Thời thứ tư.* — Tam niên nhũ bộ, là ba năm cho bú, nghĩa là con xuất hồn dặng rồi, như mình mới có con, nó còn yếu ớt lắm. Đừng ham xuất nhập thường, đừng ham vân du; phải nhập thần lại, ngồi ba năm luyện kỹ, cũng như mình nuôi cái thằng nhỏ đó cho cứng cáp. Nói tóm là xuất thần cho biết vậy, rồi cũng phải nhập lại xét, mà tu luyện thêm, đúng ba năm thì cái thằng nhỏ đó cứng cáp, chắc thể cho thân mình được cả, chẳng dùng xét nữa cũng được. Tức nhiên thần thông quảng đại, biến hóa vô cùng, ngan bực Thiên-Tiên, một mình một động, dọc ngan Trời Đất, lầy lừng Non Sông.

Chừng đó muốn xuống ở Thế-gian, mặc sức độ ai thì độ, dạy dân lành, chiều non nam, sáng bể bắc, tiêu điều tự tại, chắc vững một kiếp đời đời. Không vậy, thì lại bước luôn qua cái thời chót như sau này.

5° Cửu niên diện bích, là 9 năm ngồi ngó vách, nghĩa là thành Đạo rồi, mà không muốn nhiễm cảnh Thế-gian nữa, thì nhập lại xét củ, ngồi ngó vách mà luyện thêm 9 năm trường, được chứng quả bực Đại-Giác-Kim-Tiên, là Phật vậy. Vào Niết-Bàng, về Cực-Lạc, tiêu điều thảnh cảnh, vĩnh kiếp trường tồn. Ấy là bực chót vậy.

Tôi đây cũng nên cho là trọn pháp Tịnh độ Vô-Vi.



KẾT CUỘC

Vấn-đề “Chấn Hưng Phật Giáo” mà kết cuộc chung lại, là làm làm sao cho nhơn-dân rừng rừng trở về sùng bái Đạo Phật.

Ấy vậy, môn Tịnh-độ quả là một cái phép hay nhưt, vậy ai tin chịu thì làm theo, khỏi phải ai ép uôn.

Còn nói việc chấn-hưng, thì tức là in kinh sách quốc âm ra cho nhiều, đời này phần nhiều thông chữ Quốc-Ngữ. Nếu nói đề học chữ nho cho thông, rồi mới xem qua kinh nho, thì biết bao giờ mới tu? Ví vự như kiếp này mà có người thành chánh quả, như bọn Âu-học vậy, thì chắc là đời sau di truyền tinh là kinh sách chữ Quốc-Ngữ không. Thì chữ nào cũng chữ, miềng tu cho thành đạo thì thôi.

Tôi xin nhắc lại, tự thuở nay, có thấy Thầy chùa nào mà nói tới cái vấn-đề “Chấn Hưng Phật Giáo” hay không? Đừng nói chi dàu lâu, ba bốn năm trước đây, có thấy thầy chùa nào ra cổ động cho nhơn dân biết thờ Phật, trọng kinh hay không?

Chẳng qua lúc này là lúc Đạo cả ra đời, thiên hạ sao càng ngày họ càng tu nhiều quá, mà họ tu cái gì dàu, chớ họ không có tu theo thầy chùa. Trong mười phần dân, (trừ phần thờ Đạo Thiên-chúa ra) thì một phần đã tu theo Minh-Sur, Phật-đường, lớp tu núi. Một phần ba thì theo Cao-đài (thờ Trời chớ chưa phải tu) số thêm hoài, một phần th, theo Minh-Lý, Minh-Tân, Minh-Thệ, Minh..... Minh..... vân vân. Rồi rải rác lại còn Đạo nhánh nầy thêm ra nữa, như là Di-Đà đạo, đạo Trường-Sanh, đạo Mẹ, Đạo Tin-lành vân vân, ối thiếu gì.

Rồi cái Pháp-môn Tịnh-độ-Tông, là một chánh Pháp-môn của Phật-Tổ Thích-Ca, lại mở ra nữa, tu dễ, tu gọn mà được trọn cả lành, nhơn dân tu theo cũng nhiều vậy.

Nên chỉ thầy chùa họ mới rừng động, gổ mỗ muốn rút dùi, sợ thiên hạ tẩy-chai, nên bày ra tụng kinh làm đám xen lộn những dộng bình bán, lưu-thủy vào, cho nhơn dân nghe êm tai mà theo cho nhiều, té ra họ cũng không chịu. Rồi lại mau mau tính dẹp, dục ngựa buôn cương, lo chấn

hưng cách khác nữa, là có được vài thầy chùa hiền giỏi đang lập Phật học, lớp dạy chữ Quốc-Ngữ, lớp dạy chữ nho tại chùa, trong trí tính dạy chữ nho cho con người biết mà xem kinh học luật Phật mà trở về thờ đạo Phật.

Ô hô! muộn quá, muộn quá. Không phải phông nước sôi mà chạy hoản, vì bây giờ đây, phải bỏ phứt cả công việc, vào chùa mà học chữ nho, hoặc học kinh học Luật Phật, rồi biết chừng nào cho thuộc. Cũng có người nghe lời vào chùa mà học vậy, nhưng mà có được bao nhiêu đâu, còn những trẻ em kia, dụ chúng nó vào học, làm cho chúng nó bỏ cha bỏ mẹ bỏ nhà bỏ cửa, bỏ học theo kim-thời, rồi một ngày lớn lên, lấy nghề gì mà làm ăn, hay là lấy nghề thợ tưng mà làm đám mường, thì té ra cũng huờn cốt khí, vậy mà nói chấn hưng nổi gì đâu. Nhon đạo làm trọng, bỏ hiếu mà vô chùa như vậy, có lỗi phạn làm người chẳng?

Mà cho vậy là phải đi nữa, rồi những người nhập Phật học họ có được tu Phật hết hay không, mà ví dầu họ có tu hết, thì bất quá cũng nội bao nhiêu đó, làm gì cho đủ kết quả một cái vấn-đề thậm trọng vậy.

Đừng bó buộc ai, mà làm làm sao cho ai nấy tu Phật mà bất thất nhon đạo chỉ tiên, mới gọi là chấn hưng Phật giáo.

Ôi! Nói ra đau đớn cho nòi giống quá.

Tôi đã nói gần gần lười, Annam mình phần nhiều có người hiền lành lắm vậy, nhưng mà họ tu theo thầy chùa không dặng, vì họ rõ biết luật nhà thiền là khó nhứt, thà chịu không tu, hơn là tu như thầy chùa phần nhiều còn ăn mặng, phạm ngũ giới cấm, vợ con cả bầy, rồi vậy mặng những lông nhóng, bị Cao-đài, Minh-Lý nắm óc, rồi tu đại vậy, người này rủ người kia, hoặc vì ham vui, hoặc vì bắc chước, hoặc vì tư-lợi, vân... vân....

Bạc ác thay, thầy-chùa còn dạ hằm, biểu đừng xem kinh không nên, biểu đừng thờ Phật ở nhà như uế, vân vân... như có muốn tu, thì vào chùa Qui-y, một đồng bạc một lá phái mà mắc mỏ gì..... Ôi! thật là khinh bỉ dân ta thái quá.

Khiến ra ngày nay thiên hạ chia ra mảnh mung, bỏ tối mất cái chơn lý của đạo Phật, một ngày một suy đồi, thì thế nào mà lợi ra cho khỏi được kiếp trầm luân bể ái.

Ấy vậy, nói đến bốn chữ Chấn Hưng Phật Giáo thì dễ, mà làm ra thì không dễ đâu. Phải là người có mạng căng, vung chịu gánh nặng của Phật, giải ra cho rành, luận cho chánh

ly thiên hạ mới tu theo, chớ theo cái thế-kỷ này, dễ gì mà ép uồn ai, dễ gì bày đều tà mị cảm dỗ lòng người được hay sao. Cúi xin nhơn dân chớ tin lầm.

Tôi xin giải quyết.

Thứ nhứt. -- Làm con người ở đời, sanh ra đi đứng nặng nề trên vỏ trụ, lớn khôn lập nên cơ nghiệp, thì do bởi nơi ông Trời cả. Ta nhờ ơn Trời sanh ra, thì ta phải thờ Trời, nói không không được, ai ai cũng vậy. Mà Trời là gì ? là Tạo-Hóa đứng có một, sanh hóa vạn vật. Đứng Tạo-Hóa đã hưu-trí rồi, về nghỉ cõi nào không biết, có chiếc hồn ra để lại chẳng nom ta, hồn chiếc ra đó tức là Ngọc-đế, chánh danh hiệu là :

Ngọc-hoàng Đại-thiên-Tôn, Huyền Khung Cao Thượng-Đế.

Ta thờ Ngài chánh danh hiệu vậy, cũng như ta thờ ông bà cha mẹ ta vậy, nhưng mà trọng hơn. Trời không có biểu tu, không có biểu ăn chay, không có biểu tụng kinh, không có biểu cúng, mà có biểu ta, muốn làm Lành hay không thì tự ý, mà đừng làm dữ, coi theo luật Công-quá-Cách mà ở đời. Ta muốn tụng kinh, cúng lạy thì tự lòng, mà phải làm cho trúng phép, nói tóm lại là muốn làm sao đó thì làm, miễn tưởng có Trời thì đủ vậy.

Đừng ở đời, mà có việc gì cũng mở miệng ra kêu Trời, rồi hết chuyện thì làm ngơ, hoặc vái Trời cho làm ăn khá, khá rồi vát tiền đi vô chùa Phật mà cúng, vái Trời mà cúng Phật, mới lạ đời cho chớ.

Thứ nhứt của con người, là phải thờ ông Trời như vậy.

Thứ nhì :

Ở đời thờ Trời, là làm theo bốn phận, rồi ngoài ra lại còn Đạo. Ai giữ theo luật Trời, thì không tu mà làm gì, còn muốn cho có Đạo, thì tu theo Tam-Giáo. Tam-Giáo không phải tu hết về Ba được, Nho Thích Đạo, phải đánh một mà thôi, cái nào một cái. (Tây nói : on ne peut faire deux choses à la fois. Mình nói xay lúa khỏi bông em).

Nho thì cang thường luân lý, siêu phàm nhập Thánh.

Đạo thì tu Tiên, đơn thơ lai chiếu về Thiên-đàng.

Thích thì tam qui ngũ giới, vãng-sanh hay thành Phật về Cực-Lạc. Thì so sánh coi : Tiên, Nho vẫn còn luân-hồi, còn đọa được, vì còn trong vòng Sắc-giải (nội cang khôn). Duy có Phật thì đời đời kiếp kiếp chẳng hư hoại, khỏi đọa,

hết luân-hồi (vô sanh), vì đạo Phật là cao thượng hơn hết, vì đức Ngọc-Hoàng-Thượng-Đế trước kia cũng phải tu cho đến bậc ông Phật (tên là : Thanh-Tịnh-Giác-Vương-Như-Lai), rồi mới ở ngôi Ngọc-Đế.

Thì có phải là Đạo Phật cao thượng hơn hết chẳng, thì mình có tu phải lựa cái giáo nào cao hơn hết là vậy. Thì phải mà, tu như vậy có chỗ trong cây về ngày sau, bằng không thì thôi, nào ai có ép tu, cứ làm người bình thường, giữ luật thờ Trời. Vì có câu : Tâm hành từ thiện, hà do nỗ lực khán kinh ! (khán kinh là tu vậy).

Bởi con người ta sanh ra ở đời mấy ai từ thiện hết, gây các nghiệp dữ đeo theo mình, nên cần tu mà trao thân sửa phận, cũng như tu bỏ một sự hư hao kia lại vậy.

Đạo Phật có nhiều cách tu, nghĩa là chia ra nhiều tông trước kia tôi đã có giải đủ ra rồi.

Bây giờ đây, mình tu mà làm sao cũng như không tu vậy, là tu tại gia, và lo như đạo, mà và tu, thì tu như không tu, ấy là tu theo “*Tịnh-Độ*” vậy.

Mà tu là gì, sao mà tu ?

À. À ! Nếu không có đi gì, tu làm chi, có tội, có phước, có dữ, có lành, có luân-hồi, có quả báo, có Địa-ngục, có Thiên-Đàng, vân vân mới là tu, vì bằng dưới Thế-gian không có mấy món đó, gom vào gọi là Sanh Lão Bệnh Tử Khổ, thì con người có công đâu mà tu làm gì ?

Hễ ở đâu sanh ra thì về đó, nghĩa là ở Trời sanh xuống thì về Trời, trở về Trời là chỗ chiếc linh hồn ta đem xuống ; ví bằng sanh xuống mà vương vấn các nghiệp, cái hồn phải dính nợ trần dơ dáy trăm trệ, thì làm sao đi lên mà về Thiên-đàng thẳng cánh đặng, tức phải sa xuống nữa, là đọa Địa-ngục vậy, lên lên xuống xuống với cái kiếp Luân-Hồi. Thế nên phải tu.

Tôi nói nhắc lại, tu mà như không tu, là tu *Tịnh-Độ*.

Khỏi hội hiệp cất chùa, cất chùa mà làm gì, sao bằng mỗi người mỗi tu Phật và mỗi thờ Phật tại gia, có phải nhiều hơn chùa không. Khỏi dùm năm dùm bảy, bỏ phước công ăn việc làm. Khỏi hao tổn tiền bạc, thì không thiếu hụt. (Thử như một cái Trường-hương của nhà Thiền kia, thầy-chùa lượm của nhưn dân biết bao nhiêu là bạc ; thử như cái núi Điện-Bà kia hồi nào đến giờ chôn bạc của

nhơn dân biết là bao nhiêu ực ; thử như cái tử-sắc của Thánh-thất đạo Cao-Đài ở Tâyninh rút của nhơn dân hết bao nhiêu rồi). Có phải là ở yên nơi nhà, đồng tiền làm ra cực nhọc khỏi bị mất, rồi thờ Trời, tu Phật, thông thả làm ăn như thường, thì có thua gì mấy ông hòa-thượng hay sao. gia nghiệp không sợ ai thâu đoạt, vợ con như thường mà nổi giữ lửa hương, gây nòi lập giống, tu tại gia như vậy, như là không tu vậy.

Cúi xin nghe :

Ấy vậy, ở nhà tu Phật (tu tại gia), tụng kinh niệm Phật mà nhờ cho thân mình vậy. Các đều thầy-chùa làm hồi nào tới giờ, ta đây cũng làm được vậy, thầy-chùa tụng kinh gì ta đây cũng tụng kinh nấy được vậy, thầy-chùa cầu an, cầu siêu độ, ta đây cầu an, cầu siêu độ cũng được vậy.

Thì có phải là dễ không, tu Phật mà :

Không làm dữ, khỏi đánh lộn, đâu có bị tù rạt trắng trời.

Không trộm cướp gian tham, đâu có bị bắt buộc tra hỏi.

Không tà-dâm sĩ-nhục, đâu có bị mang tiếng chê bai.

Vả chẳng ta đây chẳng tinh sự gì vô bằng vô cớ, thì sẵn mặc kinh sách ta duy cứ đó mà làm theo, vì ta vẫn biết kinh sách là nói truyền đã mấy mươi đời rồi, nếu sai lầm sao hôm nay vẫn còn lưu truyền hoài hoài ; kinh sách thì nói rằng : Đạo Phật là chánh lý hơn và lại cao thượng ; ấy vậy, ta tu theo Phật (nghĩa là đeo theo chơn Phật), sống thờ Trời, chết về Phật, thoát được kiếp luân-hồi như chơi.

Tu Phật thì ta cũng biết rõ, đều cả mấy Tông-Giáo, tông nào cũng có cái khó, tông nào cũng có xen lộn cái dối giả ở trong. Duy có Tông-Tịnh-Độ dễ trăm bề, mà kết quả sau rồi cũng đồng thể vậy. Khỏi phế gia nghiệp (làm ăn như thường), vợ con như thường (khỏi lo tuyệt tự), cha mẹ như thường (khỏi lo thất hiếu), việc nhà như thường (khỏi lo đói lạnh), việc Nước như thường (khỏi sanh rối loạn), việc nhà như thường (khỏi phế nhơn đạo) có phải tu theo Tịnh-độ như không có tu vậy, ở nhà thờ Phật như mình thờ ông thờ bà, thì :

a) Bực Đế-vương mà tu Tịnh-độ, nước thái dân hòa, làm vua minh chánh.

b) Bực Quan mà tu Tịnh-độ, nhơn dân nhờ ơn, được phần thanh liêm.

c) Bực dân tu Tịnh-độ, nước nhà an trị, được thái bình lạc nghiệp.

Thì cái ông Phật có phải là một ông Luật lớn lắm vậy, là một ông Hình nghiêm chánh lắm vậy, bủa ra khắp cả, không sát phạt mà tức nhiên người sợ, không gông cùm mà tức nhiên người lo, lo sợ thì làm người ở đời được toàn vẹn, chưa đủ kết lạnh.

Cho nên nói rằng; quý quá thay cho sự niệm Phật, cái câu 6 chữ Nam Mô A Di Đà Phật hăng hơn là một anh Tướng dữ phá thành.

Thì xét cho kỹ mà coi :

Một người buôn bán kia mà biết niệm Phật, thì không gian lận, không lường thặng tráo dối.

Một người thầy thông mà biết niệm Phật, thì không chơi bời xài phá, không mang nợ.

Một người hung-dữ mà biết niệm Phật, thì trở nên hiền, không gây gỗ đánh lộn, bị tù rạc.

Một ông Quan biết niệm Phật, thì không sâu mọt dân, làm nên dân lành.

Một người nhà giàu mà biết niệm Phật, thì mua thêm phước đức để lại cho con cháu.

Vợ chồng mà biết niệm Phật, thì gia đạo bình an, phụ tùy phu xứng.

Làm cha mẹ mà biết niệm Phật, thì sắp con được nhờ hồng phước nối nghiệp.

Phận làm con mà biết niệm Phật, thì như trả hiếu cho cha mẹ, cứu cửu huyền thất tổ.

Loài Bò Bay Máy Cưa mà biết niệm Phật, sẽ dặng siêu kiếp được đầu thai làm người kiếp sau.

Thì cái câu niệm Phật là quý quá vậy.

Thôi ! thôi ! Đây là chỗ kết quả Bài "Chấn Hưng Phật Giáo" vậy cúi xin nhơn dân :

Thờ Trời và tu Phật :

Trước lúc sơ khai đã có Trời !

Rồi sau ông Phật mới ra đời !

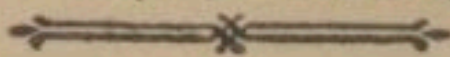
Làm người xin kính Trời và Phật

Tu Phật thờ Trời được thảnh thơi.

kính Bái .

Cư-Sĩ NGUYỄN-KIM-MUÔN

(Đạo hiệu Quan-Tự Đạo-Nhơn)



Nói về Quan Hôn Tang Tế

CỦA NGƯỜI TU TỊNH-ĐỘ

Muốn cho người một Đạo làm việc gì cũng giống nhau trong cả mọi sự ở đời, thì tôi xin luận vài lời vắn tắt để giúp nhau như vậy :

Thứ nhất. -- “Phật Đạo”. Thờ Đạo, giữ Đạo, tu Phật, bề là một Đạo, nghĩa là thờ Trời, tu Phật, thì phải hành Đạo cho y nhau, một niềm luật, cho các nước dòm vào biết mình thờ Đạo hết lòng, cho các chi Đạo khác dòm vào có chỗ kính phục.

a) Thờ Trời. -- Phải dọn những bâng Thiên mà người mình hay có thói quen vọng trước sân (chẳng khác gì mấy cái đồ nuôi khỉ, thờ Trời gì mà tệ quá vậy, rồi lại dám gọi là bâng Thiên, Thiên là Trời; có người thì đóng bâng như cái nhà nhỏ, mà thờ Trời gì lại thờ ngoài sân, mà nhỏ nhít vậy, ông Trời là lớn lao dường nào, mà mình thờ coi không bằng mình thờ ông bà mình vậy).

Phải dọn bâng từ-tế, day về hướng Đông, nghiêm trang cái bâng thờ cho có vẻ trọng hậu hơn bâng thờ ông bà, nghĩa là bâng thờ của ông bà hồi nào đến giờ mình có thói quen thờ ở dữa nhà thì muốn để y vậy tự ý; chớ nói ngay ra, thờ mà cho trúng luật, thì chẳng cần gì coi cho được theo với cái hướng của nhà mình, cứ thờ ông bà dưới bâng Thiên, day mặt về châu Phật hướng Tây, nghĩa là trên thờ Trời, dưới thờ ông bà cha mẹ, ở dữa, ở xéo thấy kệ, miềng vọng trúng hướng Đông. Rồi treo Tượng Ngọc-Để lên, giàu nghèo tùy sức mà dọn dẹp trang sức, mỗi ngày mỗi tụng kinh Bốn-hạnh; còn như không tụng đặng, thì ông Trời cho phép mỗi ngày vái danh hiệu 9 lần, đánh 9 tiếng chuông, lạy 9 lạy, thì đủ. Dễ quá, mọi chiều có hai lần. Muốn cúng thì y như cúng Phật vậy.

(Xin xem Bốn-Hạnh, mà bốn giải nghĩa có dạy rành, làm y vậy thì giống nhau cả thấy vậy).

b) Tu Phật. -- Còn tu Phật, tu về Tịnh-độ, thì xem theo cuốn kinh Tịnh-độ-Tông mà làm theo. Ông Trần hồi đó chưa kịp sắp đặc, kể vắn sanh gấp, vậy làm theo lời tôi dạy thì tự nhiên trúng với nhau một thức lệ. Xin đừng tự

đo, rồi xem ra cũng là tu Tịnh độ, mà người thì làm vậy, người thì làm khác, một cái cúng và làm Nhứt-khoa mà phải có nhiều thế vậy, thì còn lộn xộn lắm. Tôi đã vưng chịu lời phũ phật nặng nề mà nối truyền Pháp môn của Thầy Tổ để lại mở rộng Đạo ra lẽ nào dám bày đều, cúi xin và trông mong cả bạn tu về Tịnh-độ (hoặc ông Trần đã độ trước, hoặc tôi mới độ đây) phải làm y như lời tôi luận, cho giống nhau một niêm luận.

Thứ nhì. --- Ngoài ra, thì chúng ta còn lo nhơn-đạo, thì cái việc ở đời cũng phải cư-xử cho giống nhau, trong bốn đều lớn hết là : Quan-Hôn-Tang-Tế.

Quan ! Ta nói về ăn Tân-quan (hoặc Tân-gia cũng được), nói một việc, rồi việc nhỏ khác có ăn vào cái gì là Tân-quan thì cứ làm y theo.

Quan như làm Quan Phũ, Quan Huyện, thầy cai, thầy phó, thầy Thông, thầy ký (cũng là viên quan), mà tu về Tịnh-độ, thì Quan lo việc Quan, tu lo việc tu, hai cái khác nhau. Đến cơm có lên chức, hay là có ăn lên, cũng ăn lễ Tân-Quan như thường vậy. Làm tiệc chay, mời thân bằng cố hữu, và Đạo-hữu cùng vậy vui, cũng như mừng chúc vậy, mà nhơn tiện cho đạo hữu cũng hội ngộ nhau được mà luận đạo, vì luật tu Tịnh-độ thì không hội hàm chi hết, ở nhà ai thì nấy tu, ít ai tới ai, vì mắng lo rảnh rang để niêm Phật.

Rồi cô bác lối xóm kia, những nhà chưa tu, được mời tới ăn tiệc chay, lạ miệng mà còn được nghe chư Đạo-hữu hoặc vãng kinh, hoặc thuyết pháp, có lẽ ra về cũng thức tỉnh được chút ít về ngày sau.

Còn người tu Tịnh-độ có cất nhà mới, có cất Am riêng thì cũng làm y vậy, luật Tịnh-độ không có cấm, mà mình làm ra chẳng phải mình khoe.

Ví bằng ai muốn bỏ lnôn hết, thì cũng được vậy, nói tóm lại là muốn bỏ thói cũ, hay là muốn giữ theo thói cũ thì tự ý, miễn là tâm tánh cứ nhớ Trời tưởng Phật.

• *Hôn.* — Cưới vợ, gả con như thói thường, ai muốn làm lớn nhỏ tùy ý, nhưng đời có một đều, là cỗ bàn tiệc, đãi đồ chay rỗng. Hoặc mình cưới vợ cho mình, hoặc mình gả con lấy chồng, hoặc mình cưới vợ cho con, thì cũng mời chư Đạo hữu đến dự tiệc. Hai vợ chồng ra mắc cầu Trời

Phật phò hộ và phú tánh lành cho, rồi sau sẽ lay từ-đường.

Tang. — Cái vấn đề Tang đây thì cần phải luận cho nhiều, và làm làm sao cho ăn rập nhau tấc cả.

Phải chia ra như vậy :

Tang ngay của người tu Tịnh-độ, hay là tang của người nhà của người tu Tịnh-độ. Người tu Tịnh-độ được vãng sanh, và người tu Tịnh-độ chưa được phẩm vãng sanh.

Như tang của người nhà của người tu Tịnh-độ, hoặc cha mẹ, anh em, vợ con, vân, vân.... mà mãng phần theo lệ thường, thì giữ việc làm như theo thói thường vậy, nói tóm là chết rồi thì liệm vào hòm, không có tụng kinh niệm Phật chi hết, không có cúng quảy chi hết. Tắc hơi rồi, cáo báo xong xuôi, chờ giờ Âm, coi giờ nào kỵ tuổi trong nhà mà tránh, rồi cứ việc liệm êm theo thói thường. Để mấy bữa tự ý, lẳng lẳng nghiêm trang, không có cúng quảy, không có niệm kinh gì hết. Đạo-hữu có tới thăm, hoặc tang điệu, rồi thì thôi.

Ướt như hồi hấp hối (lúc đau nặng coi thế không sống) thì rước những người tu Tịnh-độ ở gần (rảnh bang ngày thì tới bang ngày, ai rảnh bang đêm thì tới bang đêm, chia phiên nhau) xúm nhau lại niệm Lục-tự và Vãng-sanh mà cầu nguyện, thì người bệnh đang còn sống, có lẽ nhờ hơi mà niệm theo, hoặc đề cả sự tư tưởng về Trời Phật, tức nhiên cái tâm không toán loạn với cảnh gia thế. Con người cái lút sắp chết thì ai ai cũng có chút thương tiếc với cảnh gia nghiệp, với vợ con hoặc cha mẹ, ít ai sắp chết mà tưởng cảnh Trời cảnh Pháp, thế cho nên lìa xác thì cái hồn phải đi xuống luôn luôn.

☞ Chôn cất xong rồi, sau khi mở cửa mã, mới lập đàn cầu siêu, mỗi đêm mỗi tụng Di-Đà và Đại-Bi, hoặc chồng tụng cho vợ, vợ tụng cho chồng, cha mẹ tụng cho con, hoặc con cháu tụng cho cha mẹ ông bà, cái vong nào có tội vào đến đền Minh-Vương được nghe cái câu kinh liêng cảm đó mà tụng niệm theo, còn Đức Địa-Tạng-Vương và Thập-Điện-Minh-Vương nghe thấy có người tụng kinh niệm Phật cho cái vong đó, thì tự nhiên phải để riêng cái vong đó ra mà chờ cái đàn cầu siêu của mình trên này cho được cảm động Trời Phật, mà liệu định, chớ chưa có hành phạt gấp.

Tôi xin ví vự như vậy : ở thế gian, như rũi ai có bị bắt

huộc, trước hết đem đem vào bát, chờ giải Tọa. Thì lúc đó mình có lo lót cũng không dặng, chờ giải qua tọa, thì mới lo mượn Thầy kiện, chờ Tọa xử ra sao.

Còn chính người tu Tịnh-độ mà được vắng-sanh, thì chôn cất như thường, không tuần tự đồ quả chi hết, nhưng nhớ biên cái ngày vào lịch-sử cho nhơn dân cả thấy được biết. (Như ông Trần-phong-Sắc vắng-sanh ngày nào, tôi có ghi vào lịch-sử (21 Aoút 1928, nhằm ngày mùng 10 tháng 7, năm Mậu-thinh) năm 1929 lịch-sử Tịnh-độ ra bảng, thì sẽ có đứng tên.

Còn như chính người tu Tịnh-độ mà chưa có phần vắng-sanh, thì cũng chôn cất như thường, kể qua mở cửa mả rồi, cũng lập đàn cầu siêu, mà mỗi đêm cầu phải là người tu Tịnh-độ cầu mới có linh cảm, người nhà cầu, hay là còn mượn thợ-tụng cầu thì không ăn thua gì.

Lúc đưa đám xóc thì lẳng lặng tự nhà chỉ huyệt. Để nửa, những người tu Tịnh-độ sẽ chế ra một thứ linh xa dùng cho tiện hơn bọn họ đạo coi bề bọn quá. Ấy là việc sau.

Tế. -- Tế là kỵ cơm, kỵ nước, cúng quảy, các sắc tế lễ, cúng vía, thì cúng chay luôn luôn, ngày kỵ cơm ông bà, thì lại mở đàn cầu siêu, rước bạn tu Tịnh-độ cùng đến mà tụng kinh niệm Phật dùm.

Nói tóm lại, là xóm nào tu Tịnh-độ thì phải lựa cho có một người chơn chất hơn mả để đứng làm đầu để cầu đàn và dạy việc.

Chỉ ư như tôi, nếu tôi chưa xuất gia, nghĩa là còn ở hồng trần, thì ai có việc chỉ kêu tôi đến ngay mà sắp đặc dùm cho, xa gần không nề công; mà nếu tôi có đi rồi, lại giữ lời mà làm y vậy.

Kính đốn

"TỊNH-ĐỘ-PHÁP-VĂN"

NGUYỄN-KIM-MUÔN

(Pháp-danh Giai-Minh Cư-Sĩ)

Membre de la Société Théosophique

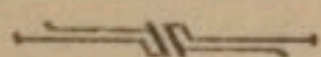
(Quartier Général à Adyar Madras)

Membre de l'Ordre de l'Etoile

Comptable à la Banque de l'Indochine



MỤC LỤC



A. -- TỊNH-ĐỘ-PHÁP-VĂN

Pages

Lời Tựa.	1
Một Bài Thức-tĩnh bạn tu Tịnh-độ.	3
Đám táng ông Trần-phong-Sắc.	5
Nói về sự tu-hành.	6
Nói về một Tông-giáo của Đạo Phật.	10
Nói về Đạo Trời. (Bồn hạnh).	15
Nói về Đạo Phật (Tịnh-độ).	18
Đạo Đức trực luận.	23
Nói về phép tụng kinh và niệm Phật.	26

B. -- CHẨN-HƯNG-PHẬT-GIÁO

Luận đạo chơn lý.	31
Tịnh độ Hữu Vi.	41
Giai Minh tự thuật.	44
Sự thọ ký.	48
Khuyến tu.	54
Vài sự tích làm gương.	57
Giải nghĩa một đoạn Qui Ngươn.	59
Tịnh độ Vô Vi.	65
Bài thuốc Bồ Đạo.	70
Ngôi Tam-Bửu (Tinh khí thần).	71
Đôi lời cáo thối.	73
Ngôi-thứ Vô-Vi.	81
Kết Cuộc.	85
Nói về Quan Hôn Tang Tế.	91



In tại nhà in XUA-NAY

o o o NGUYỄN-HẢO-VĨNH o o o
o o 62-64, Boulevard Benard o o
o o o o SAIGON o o o o
o o o o Janvier 1929 o o o o

CHẨN HƯNG PHẬT GIÁO

Môn Chấn Hưng Phật Giáo nơi nhà nước Nam là cốt ấn-tổng ra cho nhiều Kinh Sách quốc-âm được cho cả và mọi người xem và đọc mà thức tỉnh, vì dầu không tu hành được chớ cũng biết hoá phước được làm lành lánh dữ.

Tôi cũng vì cái vấn-đề thậm trọng ấy, nên gia công xuất bản rồi nhiều hiệu, như là: Tịnh-độ Hữu-vi, Tịnh-độ Vô-vi, Ngọc-Hoàng kinh bồn hạnh, Phật-Giáo-Khuyến-Tu, Lịch Tịnh-độ, Sách Nấu ăn, Thờ Trời Tu Phật, Tây-qui Trục-chỉ, Lão-nhơn Đắc-ngộ, Vãng Thịch-Ca, v v.

Hôm nay, còn sót lại Bộ kinh "Qui-Nguơn Trục-Chỉ" dạy rành phép tu hành ba bậc theo TAM-GIÁO, lý Đạo mẫu nhiệm, đã dịch ra quốc-âm và đang in.

Nghĩ vì tiền in rất nhiều, vì trọn bộ là ba cuốn (thứ nhất, thứ nhì, thứ ba đóng chung lại dày có lối 300 trang), nên không dễ đứng vào phần kinh Hội được, vì số tiền cũng bấy lâu duy đủ in mấy thứ nói trên đây.

Nên tôi cúi xin ông bà cô bác anh chị em cháu, thiện nam tin nữ, ai có lòng thương tưởng đến đạo Phật và muốn cho dân Nam mình cùng được mở mang, thì hoặc cúng đa thiểu tùy sức, hoặc đứng ra quyên dùm lối xóm, bà giúp một, được xuất bản nhiều nhiều phát thí ra cho khắp cả, chớ kinh in ra mà bán thì hết phước.

Ấy là ơn trọng và nghĩa sâu vậy, cúi xin lưu ý.

H² EDITION 1/1 FASCICULE

TIRAGE DE 1000 EXEMPLAIRES

EDITEUR. *Nguyễn Kim Muôn*

SAIGON

IMPRIMERIE XUA-NAM 52-54-56 BOULEVARD SAIGON

SAIGON LE 4 Decembre 1929

LE DIRECTEUR

LÀNH THAY, TẠ ƠN.

Nam-Mô A-Di-Đà-Phật

NGUYỄN-KIM-MUÔN

Employé à la Banque de l'Indochine

SAIGON